

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

SỐ 1976
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1976

TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

BÀI TỰA

Hương Quang Tử chùa ở Khiêu sơn, tu tập Tịnh độ. Có một thiền nhân bước đi khoan thai, ánh nhìn rộng qua nơi ở mà trò chuyện, thấy trên bàn có Tân soạn Tịnh độ hợp luận của Thạch Đầu cư sĩ, giở ra đọc chưa hết đã lên tiếng nói rằng: “Nếu luận bàn thì pháp môn này vốn dùng để dắt dẫn các căn cơ trung hạ. Vì người trung căn, hạ căn thì trí tuệ thấp kém, nghiệp lực sâu nặng, nhờ Phật niệm Phật được sinh Tịnh độ, như hòn đá xanh nướng thuyềnh có thể đến được bờ, nên thích hợp niệm Phật. Còn với bọn ta là những người thấu triệt bốn nguyên, tâm này đã là Phật, thế thì còn đi đâu mà tìm kiếm Phật nữa, tâm này đã là cội, thế thì còn đi đâu mà thấy cội? Đối với lý thật tế, đi tìm tướng chúng sinh, Phật, đến đi sinh tử ba đời, không một mảnh lông thật có. Vừa nói thành Phật thì đã trở thành lời thừa, thì đâu còn những việc chia tịnh chia ướ, bỏ đây sinh kia, nếu ngộ được điều ấy thì là người tự tại ở nhân gian, tức dâm nội si đều là A-di bình đẳng đạo trường, như như bất động, sao lại bỏ Phật mình mà lạy tượng đồng, vàng kia. Hơn nữa ngộ hay chưa ngộ đều phải nên tu tập, vô sự sinh sự là điều ta không hiểu.

Hương Quang Tử nghe xong thở dài mà nói: “Như lời ông nói chỉ là lời ở đầu môi, mà không biết rằng giở chân lên là rơi vào hầm lửa. Sinh tử vô thường, chớp mắt đã đến, tại sao lời nói của các tông môn hiện nay đều giống nhau, đều cho rằng ta đã thành Phật, không cần niệm Phật. Nếu nói về lý thì bất cứ một con sâu bọ nào trên thế gian cũng đều có Như Lai thanh tịnh giác thể, không hai không khác. Cho

đến chư Phật thành đấng Chánh giác, chứng đại Niết-bàn, bốn thể cũng không hề tăng thêm một phân. Chúng sinh đọa xuống ba đường, trôi trong biển sinh tử, bốn thể vẫn không hề giảm đi một chút nào. Thể như như, thường tự bất động, sinh tử, Niết-bàn... đều là vọng kiến, cũng không có Như Lai, cũng không có chúng sinh, ở đây chứng nhập, cũng không có người năng chứng, cũng không có pháp sở chứng. Dứt bật tâm lượng siêu việt tình hữu, mặt đất không có tác đất, thì chư Phật biết đặt vào đâu? Còn việc tiến tu pháp môn, trong vô tu chứng mà tu chứng, trong vô đẳng cấp mà đẳng cấp ngàn muôn khác nhau, tuy rằng vị thì đến Đẳng giác, nhưng chưa biết được nơi Như Lai cất bước và đặt bước. Chư Tổ sư trước đây sở dĩ trách Phật quả đạo đó đều là pháp “giả”, chỉ do lòng người cố chấp giáo tướng, theo lời mà sinh giải, không ngộ được bản thể bên ngoài lời nói, chỉ biết mạn chấp phương tiện trong lời nói. Một bề nói tâm, nói tánh, nói không, nói huyễn, nói đốn, nói tiệm, nói nhân nói quả, muôn kinh ngàn luận không gì là không hiểu cả. Nhưng khi hỏi đến bốn mệnh nguyên thân, bèn lấy những lời trong kinh luận để đối đáp lại, loại trừ hết những lời nói hiện hành thì vẫn chơi với vô phương như cũ, không biết nói gì ngoài dẫn chứng kinh luận. Gọi là đếm vật báu cho người khác, còn mình thì chẳng có một hào. Hoặc khi có những người tu hành thực sự, không thấy Phật tánh, khổ cực hành trì, như kẻ mù không người dẫn đường, chỉ đạt được quả trời người mà không sinh vào nhà Như Lai. Từ đây, các Tổ biết được việc này, bèn dùng độc thủ, xóa hết ngôn ngữ để lấp bít đường thông hiểu của họ, ép buộc tình thức của họ, khiến họ cố gắng tham cứu, đi nghịch với dòng chảy sinh diệt, tình hết sinh diệt, niệm thủ xả không, mới hiểu được cha mẹ thân sinh, kho báu nhiều kiếp, bèn phải xem kinh xem giáo, mỗi việc theo đúng như Đạo gia. Sau đó đúng như lời dạy tiến tu, dùng tri kiến Phật, đối trị dư tập, lạy Như Lai như hoa đốm trong hư không, tu phạm hạnh như trăng đáy nước, bước lên giai cấp như dương diệm, độ chúng sinh như tiếng vang trong hang trống. Không chấp tịch chứng, đó gọi là Phật chủng. Giống như mặt trời soi rọi giữa hư không, đi trên đường của Đại vương, không còn như đêm tối bước đi đạp gai đâm xước, há cho rằng khi đã ngộ thì đồng cực quả, như Cung Phụng hỏi Sầm Đại Trùng:

- Quả Niết-bàn tối thượng, Thiện tri thức trong thiên hạ chứng chưa?

Sầm trả lời: Chưa chứng. Phụng

hỏi: Tại sao chưa chứng?

Sâm nói: Công đức chưa bằng các Thánh.

Phụng nói: Nếu thế, tại sao gọi là Thiện tri thức?

Sâm nói: Thấy rõ Phật tính, cũng được gọi là Thiện tri thức.

Thiền sư Hoằng Biện nói: Đốn rõ tự tính, được xem ngang bằng với Phật. Nhưng còn có vô thí tập nhiễm nên giả đối trị khiến cho thuận tính khởi dụng. Như người ta ăn cơm vậy, không phải và một bữa là no ngay.

Quy Sơn nói:

- Sơ tâm từ duyên mà đốn ngộ tự lý, vẫn còn tập khí nhiều kiếp từ vô thí, chưa thể đốn tịnh. Phải dạy rửa sạch, trừ lưu thức hiện nghiệp tức là tu, không thể có pháp nào khác, dạy bảo tu hành thú hướng, nếu luận các Tổ Sư là chỗ của người, vách đứng cao muôn nhẫn, trong đồng lửa lớn, chạm vào thì bị cháy rụi. Trong rừng gươm đao, động đập là bị thương ngay. Không hề mở miệng, đã cách xa nhau ngàn muôn dặm, đến ngoài cơ duyên, bình thực thương lượng, không hề dứt hết giai cấp, đều ngăn tu hành. Trong “Truyền Đăng Lục” có nói rõ ràng tường tận. Đại Tuệ Trung Phong ngôn giáo rất là khẩn thiết, chí thành khuyên gắng, chỉ sợ không hiểu mà sa vào việc ma. Đâu từng nói rằng sau khi ngộ ra không cần tu hành vẫn đốn đồng đấng Lương túc, đầy măn quả Niết-bàn. Người đời sau không hiểu được ý nghĩa của lời dạy, không đạt Tổ cơ, chỉ chọn lấy những câu chữ Phật báng Tổ để mà hành trì, thật đáng sợ thay. Người xưa bị kinh luận làm chướng ngại, vẫn còn ăn lẫn lộn gạo, lúa mì, không thể vận hóa, người sau thì ghi nhớ ngữ cú Thiền tông, bài bác nhân quả, còn quá đáng hơn người xưa, coi đậu nành như là trà cơm. Tự gây khó cho mình và làm lỡ việc người khác, sự tệ hại này đâu có cùng cực. Khi mới nhập vào pháp môn này liền xem thường các Như Lai mười phương, ai cũng tự cho rằng không có Phật khả thành, không có hạnh để tu. Gặp người niệm Phật thì nói rằng tự tính là Phật, thấy người tu Tịnh độ thì bảo rằng ngay nơi tâm là tịnh. Nói đến tham Thiền thì tôn xưng lên đến chín tầng mây, đề cập đến niệm Phật thì chà đạp, hạ thấp xuống chín tầng địa ngục, hoàn toàn không hề nghĩ đến việc tham Thiền, niệm Phật đều là để giải quyết chuyện sinh tử, đều là chiếc cầu nối để bước ra khỏi biển khổ, là bè báu, vượt ra ba cõi, sự đồng một nhà, nào hơn nào kém. Trong những điều mà tham Thiền sở ngộ cũng có cạn sâu, những người niệm Phật tu hành cũng có cao có thấp, vì sao cứ cho rằng người tham Thiền là thượng căn, kẻ niệm Phật chỉ là trung căn hạ căn. Từ khi Đạt-ma từ Ấn-độ đến lập ra tông môn này đã nói rằng: “Hai trăm năm sau kẻ hiểu đạo thì nhiều, kẻ hành đạo

thì ít, người nói lý thì nhiều, kẻ hiểu được lý thì ít.” Nay trong Truyền Đăng Lục, đa số đều nói rằng đã ngộ nhập, kỳ thực khác xa, như duyên Bát-nhã sâu xa, gốc linh vốn đã trồng Ca-lăng phá tà, hương tượng cất dòng, hoặc thấy căn tông trong một lời nói, hoặc hiển bày uy dụng trong một tiếng hét. Một nghe ngàn ngộ, đắc đại Tổng trì, hoặc người có tâm xuất thế, có chí lớn của trượng phu, xả tình trần kia, nghiên cứu việc lớn này, không cậy sự hiểu biết nhỏ nhoi, chỉ cần thật biết. Nắm mật nằm gai, ăn sương nuốt tuyết, như thế ba mươi, bốn mươi năm sau, hoặc gặp minh sư, đầu tựa kim đâm, tâm trộm chết hết, hoa tâm mới nở. Sau khi ấy lại phải âm thầm mật tu, tiêu dung ác dư tập, pháp kiến còn bỏ, hướng gì không phải pháp, như Triệu Châu trừ hai thời cháo cơm là tạp dụng tâm. Dũng Tuyền bốn mươi năm mới có chỗ tẩu tác, Hương Lâm bốn mươi năm đả thành một khối, khắc khắc nghiệp nghiệp như giữ đầu mắt, cho đến khi khói tan tro tàn thì tự nhiên một niệm không sinh, nghiệp không buộc được mé sinh tử, tùy ý tự tại, vạn hỏi sở chứng, e cũng chưa thể vượt được thượng phẩm thượng sinh, vì sao mà biết? Bồ-tát Long Thụ, là tỷ tổ của tông môn, đắc đại trí tuệ, có đại biện tài, trụ trì Phật pháp. Vì mấy trăm năm trước trong hội Lăng-già, được Thế Tôn thụ ký cho từ xa, nhưng cũng chẳng qua gọi là chứng sơ hoan hỷ địa, vãng sinh cõi An lạc mà thôi. Còn “Thượng phẩm thượng sinh” trong Quán kinh thì sinh về cõi ấy trong khoảng một sát-na, cũng chứng Sơ địa. Nay tông môn chư đại Tổ sư, dù cho kiến lìa triền cái, lời nói ra khỏi hang ổ làm sao có thể vượt được Long Thụ, Long Thụ đã ngộ được nghĩa vô sinh vô tướng, đã có kiến giải không rơi vào giai cấp mà sinh về An dưỡng, ngang bằng với quả sở chứng của Thượng phẩm thượng sinh cho nên sở chứng của các vị trong Thiền môn đâu thể vượt quá. Ấy là do Thượng phẩm thượng sinh, hiểu nghĩa đệ nhất, lại đồng với chỗ ngộ của Thiền môn, tín sâu nhân quả, lại đồng với cái tu của Thiền môn, chỉ khác ở việc niệm Phật vãng sinh mà thôi. Nhưng tôi cho rằng người ngộ tu trong thiền môn, đã không thể có được Niết-bàn Vô dư đồng Như Lai, lại không chịu nhận Niết-Bàn có dư, đồng với nhị thừa, chắc chắn sẽ vào biển hạnh nguyện của Phổ Hiền. Nếu không xả một thân, thọ một thân, cứu giúp chúng sinh, thì sẽ từ một cõi đến một cõi, cúng dường chư Phật, đã gặp chư Phật, lại đồng vãng sinh, rốt ráo cùng thượng phẩm thượng sinh, chỉ ở giữa Nhan Hành và Bá Trọng. Tại sao lại đề cao Tổ sư, xem nhẹ Tịnh lý, hoặc ngộ môn đã nhập, nghỉ ngơi quá sớm, trí không nhập vi, thì đạo khó thắng tập khí.

Một niệm không hết, tức là cõi gốc sinh tử, bị gió nghiệp lôi kéo

lại vào bào thai, như Ngũ tổ giới lại làm Đông Pha, Thanh Thảo Đường lại làm Lỗ công. Sau khi cách ấu thì theo duyên trôi lăn, đạo chỉ có tiêu trừ mà không tăng trưởng, nghiệp chỉ có tăng thêm mà không giảm bớt, thì cho dù duyên Bát-nhã sâu, không bị đầy xuống ba đường, thì việc xuất phòng nhập phòng cũng rất gian khổ. Lại xem chúng vãng sinh trung hạ, trời đất không đủ để ví dụ sự bỉ thái. Huống gì đời sau tông phong ngày càng suy yếu, căn khí con người cũng ngày càng kém tệ, phát tâm tuy nhiều nhưng đa số không thật lòng, công phu lại không thuần nhất, tình cờ trong lời dạy bảo của Đức Phật bằng ngôn ngữ hiểu biết mà hoặc ngộ được chỗ xưa nay thành Phật, chỗ ngay đây chính thị, chỗ ý thức không đến, nói năng không được, tất cả đều không có tức là chỗ bất khả đắc. Lấy câu cú của người xưa so sánh đều tương tự nhau, hiểu được sự giống nhau ấy, bèn nói rằng: “Rong ruổi tìm cầu đã hết, ta là đạo nhân vô sự”, hiểu được rằng phiền não là huyền ảo, thì lại cứ mặc sức dung túng phiền não; hiểu được tu hành vốn không, nên bèn mặc ý phước bỏ tu hành, cho rằng bố thí vốn không, nên bỏ bố thí, chấp vào san tham. Cho rằng nhẫn vốn không, nên buông thả tâm, không còn tu nhẫn. Nói đến thiền thì cho rằng vốn không có định hay loạn, cần gì bỏ loạn giữ định, tùy tình thuận ý, đập trên hữu nhưng bàn nói không, đã nói rằng pháp còn phải lìa bỏ, thế tại sao lại còn giữ lấy cái phi pháp. Đã bảo rằng “chân cũng không cầu”, hà cớ lại bỏ chân để cầu vọng. Đã nói tu quán tập định, đều thuộc về dấu vết hữu vi sao lại tham danh cầu lợi, riêng hợp đạo vô vi. Lửa yêu, ghét, chê, khen, vừa xúc chạm thì liền cao. Ngọn gió sinh già bệnh chết chỉ thổi nhẹ mà đã động, tranh nhau giữa ta và người, nói phải nói quấy, thậm chí cho hỏa tính là khí phách, cho ngã mạn là gánh vác, cho xảo quyết là cơ dụng, dùng lời dối gạt làm phương tiện, dùng buông lung làm vui chơi, dùng lời như uế để cởi mở dính mắc. Khen ngợi kẻ phá luật vô hạnh, khinh lờn bậc giữ gìn phép tắc. Riêng hiển bày đường lý nên cùng huyền cực diệu, không có dấu vết, quét sạch hạnh môn nên tưng ý nhậm tâm, không còn khuôn phép, miệng nói vãng sinh là pháp Tiểu thừa, kêu gọi người khác tu tập còn mình thì an nhiên, hoặc suốt năm không lễ một Phật, suốt năm không lạy một sám, suốt năm không tụng một kinh. Lại xem những sách không nên có ở thế gian, làm những việc mà người hành đạo không nên làm, khiến hậu sinh tiểu tử, chuyên thể hiện sự thông minh, chỉ tìm kiến giải, mới có sở tri liền cho là nhất siêu trực nhập, lại còn khinh cuồng ngạo mạn, cống cao buông lung, miệng không biết lựa lời mà nói, thân không biết chọn việc mà làm, cha đã báo thù, con còn làm kẻ cướp.

Viết ô thành mã, xoay vần khác nhau, không nghĩ rằng thế gian tình dục không bờ, đắp đê ngăn lại vẫn tràn ra. Nếu ngày nào dùng những lời êm ái để đại phá cánh cửa nhân quả, vứt bỏ chướng ngại thì chắc chắn sẽ chảy thông. Tự làm lỡ việc mình và lỡ việc người khác, làm sao tránh khỏi đắm chìm, nếu không bị ma thu nhiếp thì cũng sẽ mãi bị sa lầy trong ba đường, núi đao cây kiếm đều trả nhân trước, mang lông đội sừng để đền nợ trước.

Đừng nói rằng ta là người ngộ đạt, nghiệp không thể ràng buộc. Cho rằng nghiệp không thể ràng buộc, chẳng phải rằng có mà không có, chính cho rằng không mà tự không. Khi còn sống đã theo cảnh tức động, thì khi chết làm sao tránh khỏi không theo nghiệp thọ sinh, trước mắt tướng của một niệm sân, tức là hình tướng của con quái mãng. Trước mắt tướng của một niệm tham, tức là hạt giống ngọc quý, niệm nhân vô hình rất nhỏ, quả báo hữu hình rất lớn. Chỉ một niệm nhỏ mà ruộng thức giữ gìn qua nghìn muôn kiếp cũng không bao giờ mất, như một Tỳ-kheo, vì có trí tuệ nên thân thể có ánh sáng. Vì nói dối nên miệng tuôn ra trùng bọ. Chỉ một lời nói mà phải nhận nhận lãnh ác quả như thế, tuy có trí tuệ, nhưng vẫn không thể tiêu trừ được, huống gì nay vô minh phiền não rực cháy không dứt, muốn dùng kiến giải tương tự để tiêu trừ ác nghiệp này, mong thoát khỏi ba đường, thì không có việc ấy. Không được mới có chút thành quả đã thỏa mãn, phải thường đúng theo lời dạy mà tu hành, không bao giờ tự nói mình đã ngộ đạt, tức tâm là Phật, làm sao có thể đồng với hàng trung hạ niệm Phật cầu sinh, hiểu rõ sinh vốn vô sinh thì ngại gì cầu sinh ngay nơi tâm là cõi, Liên bang không ở ngoài tâm, không bỏ lễ bái, không bỏ niệm tụng. Trí lực hành lực hai bên cùng tiến, mới được lên đài xen thượng phẩm, ngồi trên lầu báu giữa hư không, sáng ăn cơm Hương tích, tối dạo chơi mãn nguyệt. Nhìn lại phẩm thai sinh, đi trên đất báu, không nghe pháp ngữ, không thấy pháp thân, tượng mã khó gần nhau, gà phụng chẳng giống, hướng gì tiểu quả trời người chỉ như lăn quăng trong lu mà lại bụng trống lòng cao, đắm không phá hữu, lại dùng thiên chấp vọng hiểu, phá quả báo phi thường, không làm đệ tử Phật Di-đà, lại làm tù nhân của Diêm-la, không làm bạn với tịnh chúng mà lại nhập bọn với A-bàng, từ bỏ rừng báu để chọn con đường chông gai, từ bỏ Phạm âm mà nghe tiếng kêu gào, xét những điều phải chịu còn không thể cùng với những người vô tri vô kiến trên thế gian làm chút việc lành, làm chút công đức, người sinh lên cõi trời và người có sự khác nhau đến từng chi tiết nhỏ, trời đất cách xa nhau, không đáng buồn sao. Nhưng người trong tông môn, bậc

thượng thì có thể vượt lên thượng phẩm thượng sinh, còn hạ thì đã đọa trong ba đường. Cho nên biết đường này hiểm khó, chưa dễ được. Nếu thành thì là Phật, bại sẽ thành ma, là vua hoặc là giặc chỉ trong thời gian búng ngón tay. Đời nay cửa ngõ một đường không dứt như trong Thiên môn vắng vẻ không người, chỉ có hai, ba cư sĩ tại gia, đường lối ngay thẳng có thể lưu thông pháp này, nhưng đã là cư sĩ thì không giống với Sa-môn Thích tử có giới luật ràng buộc, mới có thể dẫn thân trong lửa dữ, đắm tâm trong biển phiền não. Tuy làm việc đời nhưng thỉnh thoảng có một người nhập môn, nhưng đạo lực thì rất cạn mà nghiệp lực lại quá sâu, tức thô nhất chẳng gì bằng nghiệp sát dâm, vẫn không thể chiết phục thân đừng hành, hưởng gì là tinh tế? Giữa sinh tử làm sao thoát được. Chỉ thấy hào nhoáng như Vu Tụ, gian ác như Lữ Tuệ Khanh, vội vã như Trương Thiên Giác, phong lưu diêm dúa như Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiên, đều xếp vào trong Truyền Đăng, bèn nói rằng tất cả vô ngại, không biết là từ các vị ở trên tuy có chính kiến, nếu cho rằng từ đó họ không còn thọ thân phần đoạn, nghiệp không thể ràng buộc, thì ta không dám chắc, rồi sẽ đem dài chịu báo, chưa có lúc thoát khỏi, cho nên biết niệm Phật đối với cư sĩ vẫn rất thích hợp và cần thiết, nghiệp lực tuy nặng, nhưng nhờ năng lực Phật tránh khỏi đắm chìm, giống như là người ôm nợ trốn trong hoàng cung thì khỏi được trả nợ. Đã sinh cõi Phật, thì sở ngộ, sở giải lúc còn sống đều không luống uổng, sinh tử hồi thúc, hơi thở ra khó vào, sớm tìm lối về, tránh được bấn loạn. Cho dù chí ở tham thiền, nhưng cũng nên kiêm việc niệm Phật, làm quan làm quyền trên thế gian còn không ngại hưởng gì sớm tối niệm tụng, lễ bái. Đồng thời nhờ sự tinh thành chí thiết của việc niệm Phật, có thể nhắc nhở tâm tham Thiền, mượn sự rộng suốt của tham môn, có thể làm vững chắc lòng tin Tịnh độ, hai bên dựa vào nhau là vững chắc và thực tế nhất. Nếu như vậy mà không tin thì thật là quá hạ lưu ngu dốt. Cư sĩ Thạch Đầu, từ thuở còn trẻ đã để tâm vào việc tham Thiền, căn tính mạnh mẽ, trong mười năm đã có sở nhập, cơ phong bén nhạy, ngữ ngôn viên chuyển, thường cùng với người bàn luận việc này, hạ bút ngàn lời, không lập lại lời Tổ, trực tiếp thoát ra từ trong lòng, hổ sống rộng sống, không một lời nào mà không có nghĩa, bèn cũng tự cho là liễu ngộ, không việc gì đáng tôn thờ, tuy thế tình giảm ít, bất nhập trần lao, nhưng gió sớm ngấm trắng, lên núi ngấm cảnh, lưu chuyển ở chốn tửu văn, đắm chìm vào nghiệp tao nhã, biếng nhác sơ cuồng, chưa khỏi buông lung tâm ý, như bệnh ngày trước, chưa thể hoàn toàn thoát được, vướng mắc sinh tử, tâm thiết tha không lâu dài, chìm ngập đau khổ, thấy

cảnh sinh tâm, gặp việc bị vướng mắc, giải phù nhưng tình thật, chưa thể tương thắng, ngộ mà không tu hành, nhất định sẽ rơi vào cảnh ma, sự khác biệt giữa Phật và ma chỉ trong khoảnh khắc, nó hạn chế trong cái chấp thiên không. Vào biển Phổ Hiền. Lại tư duy đầu mối hạnh môn không gì bằng niệm Phật, mà quyền dẫn nghi ngờ của bậc trung, bậc hạ, vẫn chưa phá hết, về sau xem rộng kinh luận, mới biết pháp môn này vốn nhiếp nhất thừa và người chưa ngộ, đều nên tu tập, bấy giờ mượn sự tuyên dương của miệng vàng, sự mở mang của Bồ-tát, sự phát huy của các đại Thiện tri thức, kèm với ý của mình, ngàn sóng tranh nhau sinh khởi, muôn phái hoành lưu, hỏi sự tụ hợp thì đều đồng một nguồn. Luận này lấy Đệ nhất nghĩa không thể nghĩ bàn làm tông, lấy sự giác ngộ để dẫn dắt, lấy việc trì danh hiệu Phật trong mười hai thời, nhất tâm bất loạn, niệm niệm nối tiếp nhau để làm hành trì, lấy Lục độ muôn hạnh làm nhân trợ giúp, lấy việc tin sâu nhân quả làm cửa vào. Luận này vừa mới thành mà số đông tham phát tâm, trì giới, niệm Phật có đến năm người, cùng muốn lưu hành để giải thích những nghi hoặc đối với tông giáo. Ngài Hương Quang căn thức kém cỏi, từ lâu bị chấp không mê hoặc, buông thả tâm chí giống như con voi điên đêm năm ngoài bị đắm chìm trong nước xoáy, tự thân dạo chơi địa ngục Cách tử, lửa mạnh soi tỏ, thấy những người quen biết thường bàn về không và những tăng nhân phá giới hình dung tiêu tụy, nghiêng ngã đi qua, tiếng khóc làm rung chuyển đất thật chẳng đành nghe, lại lông trên người đều dựng đứng bèn phát tâm quy y Tịnh độ. Sau đọc luận này những nghi ngờ xưa đều tan rã, cho nên ngày nay không cần sự nhọc công, như kẻ lang bạt thương cho khách, ông nên vứt hết những tri kiến ngày xưa, tâm trống rỗng tụng học tự sẽ có vào, sinh tử việc lớn chớ nên nghi ngờ mãi. Do đây thiên giả rơi lệ bi lã chã, tự nói: Nếu không gặp ông đã do chấp không mà luống qua một đời. Ông chính là người sinh ra tôi. Nói xong thành khẩn xin lễ lạy sách trên án rồi đi.

Ngày 23, trung xuân, năm Canh tý, niên hiệu Vạn Lịch.

Viên Tông Đạo Bá sửa bản này tại Bạch Tô Trai.

TÂY PHƯƠNG HỢP LUẬN

Thạch Đầu đạo nhân Viên Hồng Đạo ở sau Hà diệp đời Minh soạn thuật.

Hễ kẹt tướng thì mê tâm, lỗi hữu vi có ra. Đấm không phá hữu, mệnh mông họa sinh. Đạt-ma vì cứu người chấp tướng, nói tội phúc đều luống dối. Vĩnh Minh vì phá bọn cuồng tuệ mà nói muôn điều lành. Diệt lửa thì phải là nước, nước quá nhiều thì sẽ có tai họa đắm chìm. Khiến cho mọi vật sinh trưởng là mặt trời, mặt trời quá nóng thì sẽ làm mọi vật khô héo. Giáo pháp Như Lai cũng giống như thế. Ngũ diệp về sau, đôn truyền càng thịnh, cho đến ngày nay sự cuồng lạm đến cùng cực, lầm dẫn duy tâm, đồng ngoại đạo vô vi, chấp ngôn đều thuộc loại đó. Xu hướng theo ngũ dục mà đến thành của ma, không nghĩ rằng Anan chưa được lậu tận thông, Đầu-đà đuổi đi, Ma-đạt Vi lời kéo kết sử, tôn giả quở trách, tập khí mỏng như cánh ve, bảo sở đến đây còn xa. Núi khâu nhiều cấu, tịnh lạc từ đâu. Đến như Lăng-già truyền từ Đạt-ma, ngộ tu đều trọng, thanh quy sáng lập bắt đầu từ Bách Trượng, thừa giới kiêm hành. Chưa nghe cương tông nhất thừa, quở trách Tịnh giới, tham luyến duyên đời.

Xưa, có vị đạo sĩ đi đường đêm khuya, bị quỷ dựa, cứ quanh quẩn trong gò mả. Có người nông dân thấy vậy, dìu ông vào nhà cho tỉnh lại. Khi gần tạm biệt, đạo sĩ nói với người nông dân rằng: “Tệ khách không có gì để tặng cho chủ nhà, chỉ có hai đạo bùa trừ quỷ, xin gửi tặng để cảm tạ.”

Người nghe câu chuyện này đều cười nhạo vị đạo sĩ kia. người học ngày nay tham sân, tà kiến cháy rục như lửa, mà lại muốn giải thoát cho mọi người, thật đáng nghi ngờ thay. Ngu sinh (tác giả) mười năm học đạo, bị rơi vào cái tật nặng ấy, sau vì gặp cơ duyên, nên có chút thức tỉnh, bèn bỏ trần lao quy tâm Tịnh độ. Những lúc lễ tụng xong rảnh rỗi, lại lấy các văn luận của các bậc tiền bối như Long Thọ, Thiên Thai, Vĩnh Minh lắng tâm xem đọc, nên không còn nghi ngờ, tin sâu Tịnh độ, lại ngộ các hạnh khác nhau của các vị Đại Bồ-tát, như kẻ nghèo đào được vàng chôn dưới đất, mừng không tự kềm chế được. Hòa thượng Hội Ngu Am và Cư sĩ Bình Thiên nhờ ta thu thập ở các nơi các luận, ta lại nói về yếu ngữ của người xưa, kèm theo ý kiến của bản thân, tập hợp lại thành một bộ sách, gọi là “Tây phương hợp luận”. Bắt đầu viết vào ngày 23 tháng 10 năm Kỷ Hợi và thành sách vào ngày 22 tháng 12 cùng năm. Tuy đã xem xét, nhưng cũng còn nhiều thiếu sót, chỉ mong

lượng thứ. Sách chia làm mười môn:

1. Sát độ môn.
2. Duyên khởi môn.
3. Bộ loại môn.
4. Giáo tướng môn.
5. Lý đế môn.
6. Xưng tánh môn.
7. Vãng sinh môn.
8. Kiến võng môn.
9. Tu trì môn.
10. Thích dị môn.

- Tây phương hợp luận tiêu chú bạt.

Lúc trước tôi có dặt Trương Minh Giáo (Ngũ giáo) ở đất Dĩnh đến tham hỏi Viên Trung Lang tiên sinh. Tiên sinh chỉ trong một ngày mà trước tác xong Tây phương Hợp luận. Thấy vậy tôi kinh ngạc tán thán cho Sự phối hợp Thiền – Tịnh về một nguồn vượt hơn mọi sách vở nói về Lạc bang khác. Trong đó có chỗ nào chưa thông hiểu lame thì thỉnh hỏi tiên sinh. Tiên sinh đã nhờ Minh Giáo viết chú giải ở đầu rồi đem về phương Nam vì muốn in ấn ra để độ đời mà chưa được. Năm Kỷ mùi, về văn học ở vùng Hải ngu có Cù Nguyên Sơ (Thuần Nhân) sau khi mất đã để lại pháp tài cúng dường, tôi liền đối trước linh sáng ông hứa in mười quyển hồi hướng vãng sinh cho ông. Vừa lúc ông Thụy Quang nằm bệnh tại Ngô Môn, nhớ lại nguyện xưa, nhân đó kiểm tra lại bản văn của Viên Vô Nai (Thúc Độ) và làm lại phần chú thích, so sánh và dẫn dò tôi là Đồ Tánh Thành coi sóc công việc của ông, một là để báo ân pháp thí của Viên tiên sinh, hai là để trọn vẹn ước nguyện tài thí của Cù Văn Học. Còn việc soạn thuật có rõ ràng, đàm luận có trác việt hay không thì do người sáng mắt tự thấy, tôi chẳng cần nói thêm.

- Kha Tuyết Trai ghi lại giấc mộng.

Ngày rằm tháng 10, mùa đông năm Giáp dần niên hiệu Vạn lộc, thời khóa buổi tối xong, cảm thấy hơi mệt, tôi xếp bằng ngồi trên giường, thân thư thái, tâm thần tĩnh lặng, sáng khoái, rồi bỗng chớp mắt như trạng thái đặc định, bất chợt hồn phách lìa thân nhảy lên nóc nhà. Bấy giờ vầng trăng thật sáng tỏ, tôi bắt giấc phiêu bồng nhẹ bay, nhanh như chim bay đến trong mây thấy có hai đồng tử thanh tú khác thường, bước đi như chạy, tôi không kịp hỏi, họ xa gọi tôi rằng: Mau đuổi theo tôi. Vì đây là đi về hướng Tây. Tôi nhìn xuống dưới thấy núi cao đầm rộng, ruộng đồng bằng phẳng, thôn xóm thành thị nhỏ xíu như ổ ong, hang

kiến. Tôi hơi bay thấp xuống cảm nghe mùi tanh hôi không chịu nổi nên ra sức bay lên. Chẳng mấy chốc đến một nơi, hai đồng tử bổng hạ xuống mặt đất và kêu tôi dừng lại, tôi cũng xuống theo, thấy có con đường thẳng như sợi dây, bằng phẳng như lòng bàn tay. Nhìn kỹ mặt đất thì chẳng phải đất cát, trơn bóng sáng rỡ, dọc theo đường có rãnh nước đều do vân thạch xây rộng hơn mười trượng, trong đó trồng hoa sen năm màu, hương thơm khác thường. Trên rãnh có cây, cành lá sáng rỡ, chim đẹp hòa ca, ở giữa có cầu vàng ngăn rãnh, lan can giăng nhau. Trong cây ẩn hiện lầu son, gác đẹp như tranh, ngay ngắn đẹp đẽ vô cùng. Thấy người trong lầu đẹp đẽ thanh tú như tiên đều liếc nhìn tôi cười. Đồng tử đi mau, tôi thường theo không kịp bèn gọi lớn rằng: Có thể đợi bên cây cầu vàng phía trước chăng? Hai đồng tử y lời, nhờ vậy tôi mới theo kịp đến, đồng dựa lan can báu trên cầu nghỉ một chốc. Tôi chấp tay vái hai đồng tử hỏi rằng: Hai vị là ai? Đây là đâu xin nói cho tôi biết. Hai đồng tử đáp: Là thị giả của Linh Hòa tiên sinh. Tiên sinh muốn cùng ông nói chuyện nên đã riêng đón gặp. Tôi hỏi: Linh Hòa tiên sinh là ai? Hai đồng tử đáp: Tức Trung Lang tiên sinh anh trai ông, nay đã sinh về cõi Tịnh Tây phương, khi gặp sẽ tự nói với ông, hãy đi cho mau. Tôi bèn cùng hai đồng tử lại đi trên đường, chẳng mấy chốc đến một nơi có hơn mười gốc cây, lá như lông vũ chim trĩ, cánh hoa bằng vàng, dưới gốc cây có ao, nước suối róc rách, trên đất có một cánh cửa bằng ngọc trắng, một đồng tử vào trước như đi báo tin, một đồng tử dẫn tôi vào trong, những lầu gác đi qua có hơn hai mươi tầng đều có sắc vàng rực rỡ. Kỳ hoa dị thảo phơ phất nơi cột hiên nhà. Đến dưới một lầu bổng thấy có một người xuống lầu đón, thân thái tựa Trung Lang nhưng nhan sắc như ngọc, áo như rắng mây dài hơn trượng, thấy tôi vui mừng nói rằng: Em tôi đã đến. Bèn dắt nhau lên lầu, vái nhau cùng ngồi. Có bốn, năm tiên nhân cũng đến ngồi. Trung Lang nói với tôi rằng: Đây là vùng biên địa của Tây phương, phàm kẻ nào tin hiểu chưa thành tựu, giới báu chưa đầy đủ thì đa phần sinh về đây, cũng gọi là nước Giải mạn. Ở phương trên đây có lâu đài của hóa Phật, phía trước có ao lớn hằng trăm do-tuần, trong có hoa sen nhiệm mầu, chúng sinh đều gửi thân trong đó, đủ thời gian thì dời đến lầu đài các nơi, gặp gỡ tụ họp với các bạn đạo thanh tịnh có duyên, do không có tiếng dâm, sắc đẹp nên thắng giải dễ thành, không bao lâu sẽ thăng tiến thành người trong Tịnh độ. Tôi thầm nghĩ: Chỗ đẹp đẽ mầu nhiệm như thế nào còn là biên địa sao? Bèn hỏi Trung Lang rằng: Huynh nay sinh ở nơi nào? Trung Lang đáp: Ta ban đầu cũng do Tịnh nghiệp tuy sâu nhưng tình nhiễm chưa trừ bỏ nên sinh

tại đây trong thời gian ngắn, nay đã ở Tịnh độ. Nhưng cuối cùng do thừa mau giới chậm nên chỉ ở cùng chỗ với chúng sinh Tây phương mà không được cùng bậc đại sĩ đồng lên gác báu trên hư không, vì còn cần phải tiến tu nhưng may mắn là trí tuệ đời trước mãnh lợi, lại từng trước tác Tây phương luận, khen ngợi lực độ sinh không thể nghĩ bàn của Đức Như Lai nên cảm được bay đi tự tại, dạo chơi nơi các cõi. Những nơi Phật thuyết pháp đều được đến nghe. Điều này thật là thù thắng, chúng sinh chẳng bằng. Trung Lang kéo tôi dần dần bay lên, tôi cũng bất giác nhẹ nhàng bay bổng, trong chốc lát bay qua trăm ngàn muôn dặm hư không đến một nơi theo Trung Lang hạ xuống. Nơi này không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có đêm ngày, ánh sáng rực rỡ, không có chỗ nào bị che chắn, khắp nơi đều lấy lưu ly làm đất, trong ngoài trong suốt dùng day vàng ròng xen tạp lẫn nhau, ranh giới bằng bảy báu phân chia rõ ràng. Trên đất có cây đều là chiên-đàn kiết tường, hàng hàng thẳng lối, cành cành song song nhau cho đến muôn ngàn lớp, nơi mỗi lá có các hoa màu có các sắc báu khác nhau. Dưới gốc có ao báu, sóng nhồi vô số lớp, tự nhiên phát ra âm thanh màu nhiệm. Cát đáy ao thuần bằng kim cương, trong ao có các lá sen báu tỏa ra ánh sáng năm màu. Trong ao thấp thoáng lầu cao chót vót, đường lên gác nằm hai bên, cột cột nương nhau, cửa và cửa sổ đối nhau, bậc thêm, hành lang, cột hiên, mỗi mỗi đều có đủ, đều có vô số nhạc khí diễn nói các pháp âm như trong các kinh Đại A-di-đà, tiểu A-di-đà ghi, trong một lúc chẳng hiểu được một phần mười. Tôi ham chơi không ngừng, nhìn nghiêng lên thấy lầu gác trên không trung đều như mây bông bồng bềnh trong không khí. Trung Lang nói: Địa hình Tịnh độ mà em thấy đều là quang cảnh của các chúng sinh. Qua khỏi đây trở lên là chỗ của các pháp thân đại sĩ, đẹp đẽ màu nhiệm hơn đây ngàn vạn lần, thần thông của chư vị cũng cao hơn trăm ngàn lần ở đây. Tôi nhờ tuệ lực nên có thể đi dạo trong đó nhưng trước sau không được ở. Từ chỗ đó trở lên lại là chỗ ở của bậc Thập địa, Đẳng giác thì anh chưa biết đến được. Từ chỗ đó trở lên nữa là chỗ ở của bậc Diệu giác, chỉ Phật với Phật mới biết, tức các bậc Thánh đẳng giác cũng chẳng suy lường được. Nói xong lại dẫn tôi đến một nơi không có tường bằng phẳng nhưng có lan can, nhà trong đó sáng rỡ khác thường, chẳng biết chứa vật gì trong đó mà được như vậy, có cảm tưởng như màu vàng ròng, ngọc trắng của thế gian đều như màu đất. Cùng ngồi nơi tầng trệt nói chuyện, Trung Lang nói: Anh chẳng mong được lạc thú đến cùng cực như vậy, nhưng khi tôi còn sống nhờ nghiêm giữ giới luật cũng còn vượt hơn đây. Đại đa số đều gấp về cả thừa và giới

thì sẽ sinh phẩm cao nhất, nếu chỉ có giới gấp thì sẽ sinh bậc thấp nhất. Nếu chỉ có thừa mà không có giới thì đa phần bị nghiệp lực lôi kéo rơi vào tám bộ chúng quỷ thần, chính anh thấy nhiều bạn đồng học như vậy. Khi phần Bát-nhã của em rất sâu nhưng lực giới và định vô cùng ít, nếu chỉ ngộ lý mà không thể sinh giới định thì cũng chỉ là cuồng tuệ, trở lại cõi ngũ trược. Nhân sắc lực còn mạnh khỏe, em nên thật ngộ thật tu, cộng với Tịnh nguyện và siêng thực hành phương tiện, thương xót muôn loài thì chẳng lâu xa tự sẽ có cuộc gặp mặt tốt đẹp. Đã rơi vào đường khác thì thật đáng lo sợ. Nếu không thể trì giới thì các pháp lục trai là pháp để lại của Ngài Long Thọ nên theo đó mà hành trì. Trong các giới thì giới sát là nặng nhất. Gửi lời đến bạn đồng học, nếu chưa có ngày mùa loạn đạo, miệng còn tham mùi vị mà có thể sinh vào chốn bình yên tốt lành. Tuy nói pháp như mây, như mưa thì nào có ích gì. Anh và em ở kiếp không vương là anh em, luân hồi trong sáu đường cũng đều như vậy. Đời nay ta may mắn đã được địa vị tốt lành, chỉ e rằng em bị đạo lạc nên dùng phương tiện thần lực đưa em đến đây. Chốn tịnh, ỨC cách xa nhau không thể ở lâu. Tôi bèn hỏi các vị Bá tu sinh ở đây, đáp rằng nơi sinh về đều tốt đẹp, em sau này sẽ tự biết. Nói xong bỗng bay lên không đi mất, chớp mắt đã không còn thấy nữa. Tôi khởi bước trên ao, bỗng như bị rơi xuống, giật mình thức giấc, khắp người tuôn mồ hôi. Lúc ấy tim đèn đã lụn, trăng sáng chiếu cửa sổ, đã hơn canh tư.

Viên Trung Đạo.

THỨ 1: SÁT ĐỘ MÔN

Nhất chân pháp giới, thân cõi xen nhau, cõi Phật nhiều như số giọt nước biển, tịnh ỨC không khác nhau. Chỉ vì chúng sinh hành nghiệp khác nhau, nên chư Phật hóa hiện cũng khác nhau, hoặc quyền hoặc thật, hoặc thiên hoặc viên, hoặc tạm hoặc thường, hoặc tiêm hoặc đốn, một trăng ngàn sông, mỗi một con sóng đều chứa đựng trăng sáng. Ng-hìn ngọn đèn trong một căn phòng ánh sáng tỏa chiếu toàn bộ các đèn. Lý tức nhất đế, tướng có ngàn sai, nếu không dẫn rộng linh văn, chúng sinh làm sao chọn được. Nên y cứ theo các giáo, nói sơ lược về mười môn:

1. Tỳ-lô-giá-na Tịnh độ.
2. Duy tâm Tịnh độ.
3. Hằng chân Tịnh độ.
4. Biến hiện Tịnh độ.

5. Ký báo Tịnh độ.
6. Phân thân Tịnh độ.
7. Y tha Tịnh độ.
8. Chư phương Tịnh độ.
9. Một tâm bốn thứ Tịnh độ.
10. Nhiếp thụ thập phương nhất thiết hữu tình bất khả tư nghì Tịnh độ.

1. Tỳ-lô-giá-na Tịnh độ.

Tức cõi nước bốn báo của chư Phật, mười liên hoa tạng thế giới hải, mỗi mỗi liên hoa tạng, thế giới thấp nhất, đều có mười Phật thế giới số như bụi nhỏ quảng đại sát, thanh tịnh trang nghiêm. Mỗi quảng đại sát lại có mười Phật thế giới, số như bụi nhỏ các tiểu sát bao quanh và tăng rộng ra. Mỗi thế giới Hoa tạng đều đầy hư không, triệt nhập lẫn nhau, tịnh uế đều chứa, lớp lớp vô tận, đúng như pháp mà luận: Thì một ngọn cỏ, một cái cây, một sợi lông, một hạt bụi đều có chứa vô tận pháp giới này, Phật và chúng sinh đều như một, không khác gì nhau. Có chỗ nói rằng: Đây là chúng sinh Thật báo trang nghiêm, không giống như quyền giáo cho Tịnh độ là ở phương khác đó là thật giáo.

Có chỗ nói: “Chúng sinh tuy có Thật báo này, nhưng vì sao thân như vô tính không thể tự chứng, đêm dài thăm thẳm, không có ngày gặp ánh mặt trời, muôn trùng sóng dữ, không biết ngày nào cập bến bờ. Tuy nói rằng địa ngục phát tâm diệu giác, Phật quả hiện cõi địa ngục, nhưng cũng giống như giường sắt cột đồng trước mắt mà thôi. Ví như nạ quỷ chết khát ở ven bờ biển, người nghèo đếm tiền trong rương vàng, chỉ thấy đó là điều luống dối, đâu nói là thật được. Nếu không phải là giả phương tiện từ quyền vào thật, chúng sinh làm sao có được ngày chứng Tỳ-lô?”

Đáp rằng: Nếu y cứ vào phạm vi “chư Phật hóa nghi” thì có thể được. Còn trong cõi Thật tướng thì không có lời nói suông như thế. Phạm Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Biến nhất thiết xứ. “Biến nhất thiết xứ” tức là nghĩa tiêu biểu cho Vô lượng thọ, đâu có hơn kém. Chỉ do Như Lai vì “Một phần phạm phu chấp tướng” mà nói rằng có Phật A-di-đà ở phương Tây. Cũng như trong Đại Vân kinh Phật A-di-đà nói với một Bồ-tát rằng có Đức Thích-ca ở thế giới Ta-bà. Hễ xem Thích-ca là chủ, thì Thích-ca sẽ ở khắp mọi nơi, mà A-di-đà là một nơi trong đó. Khi A-di-đà là chủ, thì A-di-đà sẽ ở khắp mọi nơi và Thích-ca Mâu-ni là một trong những nơi mà A-di-đà hiện diện. Như thân của một người, khi đương tự tự thì không ngại làm “tha” cho tất cả mọi người. Khi đương

tha tha thì không ngại làm tự cho tất cả mọi người. Vì lý do này mà “tự” tha bất thành, tự tha bất thành thì “tự” cũng khắp tất cả mọi nơi, “tha” cũng ở khắp mọi nơi, chứ đâu nhất định là có phương khác để chấp. Cho nên Tây phương Tỳ-lô chẳng phải tự tha. Vì sao? Vì Tỳ-lô trùm khắp, nếu nói quyền, nói phương tiện, vì có không khắp nên nghĩa Tỳ-lô bất thành.

2. Duy tâm Tịnh độ: Ngay đó tự chứng, đương thể vô tâm, tức là Tịnh độ, như kinh Duy-ma nói rằng: “Bảo Tích nên biết, trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, không lừa dối chúng sinh sinh về nước ấy. Tâm tâm là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh có đủ công đức sinh về nước ấy, tâm Đại thừa là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh Đại thừa sinh về nước ấy. Văn kinh rất nhiều không thể dẫn lược, đại khái là muốn được Tịnh độ, thì phải tịnh tâm, hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Tâm là tâm tức cõi tức tâm, tâm tịnh cõi tịnh, pháp là như thế. Lời này há chẳng phải chú thích của Tây phương hay sao? Người thường có tâm chấp cho pháp môn này chỉ dắt dẫn hàng độn căn, là do thấy có cõi ngoài tâm. Niệm tức là tâm, niệm Phật há chẳng phải tâm tịnh. Tâm vốn bao trùm cõi, Liên bang há ở ngoài tâm. Cho nên biết rằng y theo tướng chẳng trái duy tâm xứng tâm thật ngại độ khắp.

3. Hằng chân Tịnh độ: Tức là Tịnh độ trong hội Linh Sơn dẫn Bồ-tát quyền giáo trong Tam Thừa. Để cho biết rằng cõi này ngay trong ế mà hằng tịnh, các chúng tin mà chưa gặp. Phạm tánh của ế vốn tịch, tướng tục hằng không. Vì vốn tịch (lặng) nên Bồ-tát cư ế thường tịch; hằng không, nên Bồ-tát nhập tục thường không Chính hiển nghĩa tịnh, nhưng vì chúng sinh chấp biển khó trong, dây thức dễ trôi buộc, nói rằng nghiệp vốn không thì tùy tình tác nghiệp, ngôn hạnh vô thể, tức tha hồ hành phạm, bị Vĩnh Gia quả trách, đọa vào chỗ Thiệt Tinh, cho đến gặp nạn vua, chết thành quyến thuộc của ma, luôn luôn như thế. Khiến khắp mặt đất đều là Bồ-tát, thì lời này thật là lợi ích, Bồ-tát trong thiên hạ thì ít mà phạm phu thì nhiều, vì thế lời này có lợi cho thiên hạ cũng ít mà hại thì nhiều.

4. Biến hiện Tịnh độ:

Như kinh Pháp Hoa, nói ba lần biến Tịnh độ, dời chuyển các trời người đến nơi khác. Trong kinh Duy-ma, Thế Tôn ấn ngón chân xuống đất tức thì tam thiên đại thiên thế giới, như trăm ngàn châu báu nghiêm sức, đây là Như Lai tạm khiến hiển hiện, cũng là pháp nhĩ, người có trí như Thu tử, còn giống như bị mù, chúng sinh có căn thấp kém, không

có duyên để được nhìn thấy. Hơn nữa trời, người ở ngoài các phương, hoàn toàn không có nhân duyên được đất dẫn, thần lực tạm hiện hoàn vô, cõi thường hằng há như An dưỡng Tịnh bang, trần kiếp thường trú, Di-đà từ phụ, mười điều ác không đổi thì cõi nước tốt xấu, đương nhiên có thể biết được.

5. Ký báo Tịnh độ:

Như trời Ma-he-thủ-la, Đức Như Lai ở cõi trời ấy mà thành Đẳng Chánh giác, đó là Thật báo Tịnh độ. Luận Khởi tín chép: “Bồ-tát công đức thành mãn, ở tầng trời sắc cứu cánh thị hiện thân cao lớn nhất của tất cả thế gian, nghĩa là dùng một niệm tương ứng tuệ, vô minh đốn sạch, gọi là nhất thiết chủng trí. Tự nhiên có bất tư nghì nghiệp, có thể hiện mười phương lợi ích chúng sinh.” Tạng Hòa thượng nói: “Vì sao những người thọ dụng báo thân ở tầng trời này, dùng ký báo thập vương, hiển Biệt Thập địa. Địa thứ mười nương vào thiên vương này, tức ở thân kia, thị hiện thành Bồ-đề. Nhưng tầng trời ấy tuy nói là vô lậu nhưng chẳng bằng Liên bang, ra khỏi ba cõi. Vì sao? Vì ở Sắc cứu cánh.

6. Phân thân Tịnh độ:

Như kinh Niết-bàn, Phật trả lời Cao Quý Đức Vương rằng: “Này thiện nam, về phương Tây cách thế giới Ta-bà này khoảng ba mươi hai hằng sa cõi Phật, có thế giới tên là Vô thắng, giống như thế giới Cực lạc. Ta ở cõi ấy, xuất hiện ra đời, vì giáo hóa chúng sinh, nên ở thế giới đó hiện quay bánh xe pháp. Lại kinh Ương-Quật. Phật nói với Ương-Quật rằng: “Ta trú mé vô sinh mà ông không giác biết.” Ương-Quật nói: “Nếu trú mé vô sinh, vì sao sinh cõi này.”

Phật dạy: “Phương Đông có Đức Phật, ông đến đó mà hỏi.”

Ương-Quật đến đó hỏi, thì vị Phật ở đó nói rằng: “Thích-ca tức là thân của ta”, đại ý nói Tịnh độ kia là Thật báo của Phật, đây là phân thân, tuy rõ được báo cảnh của một Phật, nhưng chưa có nghĩa nhiếp hóa. Phật phần thượng tức là hữu, chúng sinh phần thượng tức là vô, chưa phải là thù thắng.

7. Y tha Tịnh độ:

Như kinh Phạm Võng chép: “Nay ta Lô-xá-na, đang ngồi đài hoa sen, trên ngàn cánh chung quanh, lại hiện ngàn Thích-ca, một hoa trăm ức cõi, mỗi cõi một Thích-ca...” vì Sơ địa hóa trăm cõi Phật, nên có hoa trăm cánh. Nhị địa hóa ngàn cõi Phật, nên hoa có nghìn cánh. Nếu đến Tam địa thì ứng hiện Tứ địa thì mười muôn cánh và cứ thế mà tăng lên. Đó là thân y tha thụ dụng, phân thân thị hiện báo cảnh, nhập địa bèn thấy thập chẳng phải như thập niệm chúng sinh sinh trong hội. Liên Trì,

đốn thấy cõi Phật thanh tịnh.

8. Chư phương Tịnh độ.

Như Phật Dược Sư, ở phương Đông, Phật Nhật Nguyệt Đẳng ở phương Nam, Phật Thương Tích ở phương trên, mỗi Phật đều có Tịnh độ riêng, những điều nói trong các kinh không thể nói đủ, đều là Thật báo trang nghiêm của chư Phật. Trong kinh hoặc có khi dùng thần lực Phật tạm thời khiến cho hiển hiện, hoặc các Đại Bồ-tát đến đó cúng dường, vì Đức Phật ấy không nói nhiếp hóa chúng sinh, nên các chúng sinh cũng không có nhân duyên sinh về nước ấy. Tức như thế giới Diệu hỷ, Đức Thích-ca tuy ký có người vãng sinh nhưng không nghe Phật Vô Động có lời dắt dẫn, hơn nữa nước ấy có các núi Thiết vi, Tu-di và quỷ thần phụ nữ, cho nên biết sự nghiêm tịnh không bằng An dưỡng. Lại như Đức Dược Sư Như Lai dùng mười hai đại nguyện độ các hữu tình, trong kinh cũng nói người có lòng tin sẽ được sinh về. Xét nguyện lực của Đức Phật ấy, phần nhiều là giải thoát mọi âu lo sâu khổ, rất ráo an vui, chẳng phải như Di-đà Như Lai thuần dùng niệm Phật nhiếp dẫn tất cả mọi người vãng sinh về cõi ấy.

9. Nhất tâm tứ chủng Tịnh độ.

- a. Phàm Thánh đồng cư độ.
- b. Phương tiện hữu dư độ.
- c. Thật báo vô chướng ngại độ.
- d. Thường tịch quang độ.

- *Phàm Thánh đồng cư độ*: Tự nó lại chia thành hai loại “Sơ đồng cư uế độ” và “Thứ đồng cư Tịnh độ”. Trong Uế độ phàm cư có hai loại và Thánh cư có hai loại. Hai loại trong Phàm cư gồm một là ác chúng sinh, tức bốn đường; hai là thiện chúng sinh, tức trời, người. Hai loại trong Thánh cư, thứ nhất là “Thật Thánh”, tức bốn quả Bích-chi, Thông giáo Lục địa, Biệt giáo thập trụ và Viên giáo thập tín hậu tâm, thông hoặc tuy hết nhưng báo thân vẫn còn, đều gọi là thật. Thứ hai là “quyền Thánh”, nghĩa là Diệu giác Phật và pháp thân Bồ-tát trong Phương tiện Thật báo tịch quang độ, vì lợi ích cho người hữu duyên, nên ứng sinh đồng cư, đều là Quyền, các vị này và bốn đường ở chung, nên gọi là uế độ.

Thứ đến là “Đồng cư Tịnh độ”, như ở Cực lạc có chúng sinh, ở cõi Diệu hỷ có các loại núi Thiết vi, nam nữ, vì không có bốn đường ác nên gọi là Tịnh độ, ta dựa theo đồng cư uế độ đã có các Thánh, cũng có thể gọi là “đồng cư Tịnh độ”, như thế giới Ta-bà ở lớp thứ mười ba của Hoa tạng thế giới, còn gọi là Hoa tạng.

- *Phương tiện hữu dư độ*: Nhị thừa, ba loại Bồ-tát, phá kiến tư hoặc, chứng phương tiện đạo trần sa biệt hoặc, vô minh chưa dứt, bỏ thân phần đoạn mà sinh giới ngoại, gọi là “hữu dư”, vì thế Thích luận chép: “Ra khỏi ba cõi có Tịnh độ, Thanh văn, Bích-chi-Phật sinh ra trong đó, thụ thân pháp tính, chẳng phải phần đoạn.

- *Thật báo vô chướng ngại độ*: Không có Nhị thừa, thuần là các Bồ-tát pháp thân, dứt hết hoặc trần sa, phần phá vô minh, đắc quả chân thật, nhưng vô minh chưa hết, nhuận nghiệp vô lậu thọ báo thân pháp tính, còn gọi là “quả báo quốc”, vì thế kinh Nhân Vương nói rằng: “Tam hiền thập Thánh trú quả báo, do quán Thật tướng, nên phát chân vô lậu, chiêu cảm quả báo tốt đẹp, bảy báu trang nghiêm, đầy đủ năm trần tịnh diệu, cho nên gọi là “thật”, sắc tâm không hai, các cõi tương dung nhau, nên gọi là “vô chướng ngại”, kinh Hoa Nghiêm nói về võng thế giới Nhân-đà-la chính là đó.

- *Thường tịch quang độ*: Diệu giác cực trí sở chiếu như như pháp giới, gọi đó là “quốc”, còn gọi là Pháp tánh độ. Nhưng nhất chân như tính, chẳng phải thân chẳng phải cõi mà nói thân cõi, lìa thân không cõi, lìa cõi không thân, là chỗ ở và dạo chơi của chư Phật Như Lai. Diệu tông nói: “Trong kinh luận nói rằng Tịch quang vô tướng đó là tướng đã diệt hết nhiễm ngại, chẳng phải như thái hư, hoàn toàn không có một vật, bởi do ba hoặc rốt ráo thanh tịnh, cho nên y chánh sắc tâm rốt ráo hiển bày rõ ràng”. Đại kinh chép: “Nhân diệt là sắc, đạt được thường sắc, thọ tướng hành thức, cũng giống như thế. Nhân vương gọi là pháp tánh ngũ ấm, đó là cực quả. Nhưng các cõi nước trong mười phương tùy theo sự thấy biết khác nhau của tâm mà bảy báu hay ngói gạch đường xứ khác nhau, nên Tráp Xuyên nói cõi nước Cực lạc có bốn cõi khác nhau, sao lại y cứ vào hai thừa trời người, tức là hai thứ cõi nước, y cứ vào Bồ-tát, Phật, tức hai thứ cõi sau. Nên biết sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần... thân, không chướng ngại, lại có thân trượng sáu, Hoa tạng hải hội vô biên cõi Phật, không ngại lại có Ni-liên hà độ, vì sao? Vì là pháp nhĩ, chẳng phải do thần lực biến hiện.

10. Nhiếp thọ thập phương nhất thiết hữu tình bất khả tư nghì Tịnh độ.

Tức là Tịnh độ phương Tây của Phật A-di-đà, trong đó, tất cả biển công đức lớn, biển đại Bi trí, biển đại nguyện lực, nếu nói đủ thì dù cho chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi, trời người, quỷ súc, thấp kém như loài bay lượn bò trườn và tất cả cây cối thảo mộc gạch ngói bụi bặm vô tình, trong các thế giới ở mười phương mọi thứ đều có vô lượng

cái miệng, mỗi miệng lại có vô lượng cái lưỡi, mỗi cái lưỡi lại phát ra vô lượng âm thanh, thường nói, nói hoài, nói không ngừng nghỉ trải qua trăm ức muôn trần sa A-tăng-kỳ kiếp, cũng không thể nào hết được, nay chỉ giải thích sơ lược. Thứ nhất, thân độ bất tư nghì nghĩa; thứ hai, tính tướng bất tư nghì nghĩa; thứ ba, nhân quả bất tư nghì nghĩa; thứ tư, khứ lai bất tư nghì nghĩa; thứ năm, tất cánh bất khả tư nghì nghĩa.

1. *Thân độ bất tư nghì nghĩa*: Trong thân Phật A-di-đà có vô lượng chúng sinh, trong thân chúng sinh có vô lượng A-di-đà. Cõi nước cũng giống như vậy. Cho nên một chúng sinh niệm A-di-đà, một A-di-đà hiện ra, nhiều chúng sinh niệm A-di-đà, nhiều A-di-đà xuất hiện. Nếu trong thân chúng sinh không có A-di-đà thì A-di-đà không hiện, trong thân A-di-đà không có chúng sinh thì A-di-đà cũng không hiện, giống như gái bất dục muốn sinh con không thể nào được, vì đó là điều không thể được. Cho nên trong thân hàm chứa thân, thân hàm chứa nhiều thân, trong cõi hàm chứa nhiều cõi, thân cõi đan xen hàm chứa lẫn nhau lớp lớp vô tận, chính là mang ý nghĩa Thân độ bất tư nghì.

2. *Tánh tướng bất tư nghì*: Nếu lìa tánh mà nói về cõi thì cõi tức ngoài tâm, là huyễn hóa, không có thật. Huyễn hóa là tướng đoạn diệt, chúng sinh bất sinh. Nếu ngay nơi tánh mà nói về cõi thì tánh là hữu hình, là nhất định. Nhất định tức là không có biến dịch, không biến đổi, thì chúng sinh cũng bất sinh, ngay nơi tánh là tướng, chẳng phải tánh chẳng phải tướng, tồn phi phi vong, tồn tức tức hoại. Đó là nghĩa Tánh tướng bất tư nghì.

3. *Nhân quả bất tư nghì*: Có hai nghĩa, thứ nhất là, nhân trước quả sau, như niệm Phật là nhân, thấy Phật là quả; thấy Phật là nhân, thành Phật là quả; thành Phật là nhân, độ chúng sinh là quả. Nghĩa thứ hai là, nhân quả không có trước sau, tức niệm tức kiến, tức thành tức độ, cùng một lúc có đủ, giống như con người từ ba mươi đến bốn mươi tuổi, ba mươi là nhân, bốn mươi là quả, giữa ba mươi và bốn mươi không có tướng gián đoạn. Nếu không có bốn mươi thì ba mươi không có được, không có ba mươi thì không thành được bốn mươi. Vì thế nên biết là không lìa ba mươi mà đến bốn mươi, nếu lìa ba mươi mà đến bốn mươi thì giữa chúng phải có tướng phân hạn, mà thân này của ta không có phân hạn, giống như từ ba mươi đến bốn mươi, chính giữa phải có tướng nối tiếp tướng, mà thân này của ta, cho đến sự tương tục không thật có, niệm Phật nhân quả cũng giống như thế, đó là nghĩa “Nhân quả bất tư nghì”.

4. *Khứ lai bất tư nghì*: Nếu Phật A-di-đà vì nghe niệm mà đến

đây, chúng sinh vì nhớ Phật mà sinh về cõi đó, tức là có “đến đi”, có đến đi, thì có đường đi, có khó khăn nguy hiểm và có dễ dàng an toàn, giống như người ở gần kinh thành thì dễ gặp quân vương, xa thì khó khăn hơn. Quả thật, niệm Phật cầu sinh phải có khó dễ, nên A-di-đà phải gian nan trên đường đi, cũng không có ngày nói pháp. Vì thế kinh Ban-chu Tam-muội nói rằng: “Không qua đời cõi này, sinh về cõi Phật ấy, Phật không đi đến đây, ta cũng không đến đó”. Lại người xưa nói rằng: “Sinh thì quyết định sinh, đi thì thật chẳng đi, như trống trời kêu, xa gần đều nghe thấy, không vì chẳng đến đi, như ánh trăng trên mặt nước, ta đi về phía Đông thì trăng theo về phía Đông, ta đi về phía Tây thì trăng theo về phía Tây, thật ra không có đến đi. Đó là nghĩa Khứ lai bất tư nghì.

5. *Rốt ráo bất khả tư nghì bất tư nghì*: Như đầm trong hiện bóng núi, như nắng xuyên chiếu trên cây cỏ, như nghiệp lực chúng sinh, như ánh sáng mặt trời mặt trăng, như căn trong thai, như ngã trong thân, như răng cứng lợi mềm, như lông mày ngang tóc dài, đó là ý nghĩa rốt ráo bất khả tư nghì bất tư nghì. Cho nên chư Phật mười phương hết lời hết ý, cũng chỉ là hy vọng nói được pháp khó tin mà thôi. Tuy có chiếc lưỡi trùm khắp tam thiên đại thiên nhưng làm sao có thể phân ra trong muôn một. Khổng Tử nói: “Cái ngu của những kẻ tầm thường có thể biết hết, còn bậc Thánh không biết.” Vô lượng pháp môn, dùng một để phán thông tất cả.

THỨ 2: DUYÊN KHỞI MÔN

Người thích vào chợ cá thì không nhớ đến chiêm-đàn, chẳng phải thật không nhớ mà chỉ vì không nhằm chán. Vừa khiến dẫn vào nhà tối, đốt chiêm-đàn cứu trầm, không phải suốt ngày buồn thương về sự ô uế cũ, mà chỉ vì không sớm chán lia. Sự xú uế của sinh tử dụ cho chợ cá, sự tham muốn của chúng sinh gấp bội lần ruồi nhặng. Chư Phật vì Dục Hương trưởng giả, nhìn thấy một lớp người chìm ngập trong bể đục ngầu, làm sao không trách ẩn. Vì thế A-di-đà Đạo sư, mở rộng chợ hương nghiêm, cha lành Thích-ca, chỉ đích xác cánh cửa Tịnh vực. Khấp mặt đất không ai không là đứa con nghèo khó, một câu danh hiệu Phật bèn trở thành nguồn vốn, muốn xem xét lời thành thực, thì chớ lia mười niệm. Bịt mũi ngăn mùi lâu ngày sẽ tự thấy nhằm chán. Nay y cứ theo Tây phương khởi giáo, chia làm mười nghĩa:

1. Nhất đại sự.
2. Túc nhân thâm.

3. Hiển quả đức.
4. Y nhân tánh.
5. Thuận chúng sinh.
6. Uế tướng không.
7. Thắng phương tiện.
8. Đạo nhị thừa.
9. Kiên nhẫn phương.
10. Thị chân pháp.

1. Nhất đại sự (một việc lớn).

Chúng sinh trong thế giới có năm thứ vắn đục, như tù nhân ở trong ngục, nhưng do tội nặng nhẹ khác nhau, nên chịu sự trừng phạt không giống nhau. Hoặc phạm tiểu pháp, hoặc đầu cực vọng, tội tuy không giống nhau nhưng về sự trừng phạt chịu khổ thì không ai tránh khỏi được. Vì những người vào ngục đều là người tội, người ở cõi trời cõi người, đều là thân nghiệp báo phần đoạn. Nhưng người tội một khi vào ngục không ai không luôn cầu mong được thoát khỏi, như thế cũng đã đủ biết được nỗi đau khổ ở trong ngục là vô cùng tận, bên ngoài tường rào vẫn có một thế giới an vui. Nay chúng sinh lấy phiền não làm nhà, lấy sinh tử làm vườn tược, buộc lòng vào ngục tù cơm áo. Đâu biết núi đại Thiết vi là bức tường gai của ta ngoài pháp trường ba cõi, mỗi mỗi đều có quê hương nhà cửa ruộng vườn. Chư Phật thương xót, đau lòng buốt xương, cho nên phân biệt cho biết tịnh uế, chỉ cho con đường thoát khỏi. Như người vứt bỏ (quê nhà) đã lâu thì hoàn toàn không chỗ trở về, chư Phật lại xây nhà lớn để sắp xếp chỗ ở cho họ, một là qua lại cửa ngục để canh đường, hai là xem xét ngoài ngục, tu sức lữ quán. Ân lớn như thế, thân nào để báo, Phật đã không tiếc sức tiếc công, tại sao chúng sinh lại lưu luyến như thế, kinh chép: “Như Lai vì một việc lớn mà xuất hiện trên thế gian, việc lớn ấy chính là việc này. Chúng sinh vì luyến tiếc những điều nhỏ nhặt mà cam tâm chịu chết, vì sao?”

2. Túc nhân thâm (nhân đời trước sâu dầy), gồm ba phần:

- Chính nhân.
- Chính nguyện.
- Chính hành.

Chính nhân: Tức là chư Phật ba đời và các chư hữu tình tự thanh tịnh thể như muôn tượng nương hư không, núi sông nương trên đất, vỏ nương hạt giống, hoa quả nương nhân. Nếu không có nhân này thì Phật quả không thành, tất cả bi trí đều được thiết lập từ nhân nên trường giả hợp luận chép: “Thân Như Lai tạng, tức là Pháp thân, chư Phật trí hải

đều ở trong ấy nên gọi là tạng. Nếu không thấy Pháp thân, thì mọi phúc trí đại Từ, đại Bi đều không thể phân biệt được và vẫn thuộc về sinh diệt. Pháp thân tức là Chính nhân.

Chính nguyện: Như kinh này, Tỳ-kheo ở trước Thế Tự Tại Vương Như Lai, phát bốn mươi tám đại nguyện, một nguyện không thành, thì không thành Bồ-đề. Đó là dựa vào tự tính vô lượng bi trí phát ra nguyện lực bất khả tư nghì ấy, chứ không phải là ngoài tâm thấy có chúng sinh phát nguyện muốn độ, vì chúng sinh chẳng phải ngoài tâm.

Chính hành: Như kinh này nói rằng phát nguyện xong, như thế an trụ các thứ công đức, tu tập hạnh Bồ-tát, trải qua vô lượng vô số ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, lại như kinh Nhất Hương Xuất Sinh Bồ-tát rằng: “Phật A-di-đà xưa là Thái tử, nghe được pháp môn huyền diệu này vâng giữ tinh tấn, trong bảy ngàn năm, không nghĩ đến ái dục, tiền tài châu báu, không lo những chuyện khác, không hề xao động ý chí và giáo hóa được tám ngàn ức muôn na-do-tha những người không còn lui sụt. Đó là tự tính hành trì, tự tính tinh tiến, không phải là công đức hữu tác hữu vi, tuy trải qua ức kiếp, nhưng không lìa nhất niệm, do pháp môn vi diệu xa lìa tất cả hạnh, tất cả kiếp vì thế gọi là “Chính nhân, chính nguyện, chính hành”. Ba điểm này nếu thiếu một thì không thành, vì chẳng phải làm được, chẳng phải không làm được, vì vậy người xưa nói rằng: “Gốc sâu quả sai, nguồn chảy dài xa, nhân trước đã sâu, giáo khởi cũng lớn” thật sự là như vậy!

3. *Hiện quả đức*: Như trong Phổ Hiền Hành Nguyện phẩm trong kinh Hoa Nghiêm chép: “chư Phật Như Lai vì chúng sinh mà khởi phát lòng đại Bi, vì đại Bi mà sinh tâm Bồ-đề, vì tâm Bồ-đề mà thành Đẳng chánh giác. Ví dụ như ở nơi hoang vu sa mạc, có cây đại thụ chứa nếu hấp thu được nước thì cành lá hoa quả sẽ phát triển sum suê rậm rạp. Cây Bồ-đề vua ở hoang mạc cũng giống như vậy, tất cả chúng sinh là rễ cây, chư Phật, Bồ-tát là hoa quả, dùng nước đại Bi để tưới nhuận chúng sinh thì sẽ thành tựu được hoa quả trí tuệ của chư Phật, Bồ-tát. Vì thế nên biết, tất cả các Phật có được quả Phật là dựa vào chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì quả Phật không thành. Ví dụ như Hán vương vì muốn cứu dân mà có hơn trăm trận chiến, vì có trăm trận chiến nên được lên ngôi vua. Lên ngôi vua thì trăm họ được bình yên, an cư lạc nghiệp. Nếu không có bá tánh thì tất nhiên sẽ không có những việc ở trên xảy ra. Xét như thế, hễ ai làm một đức, một việc, một lợi, một danh, nếu không có chúng sinh thì đều sẽ không thành. Vì vậy ta không có chúng sinh thì ta chẳng thành ta, chúng sinh là chỗ dựa, ta là chính,

chúng sinh là chính, ta tức là chỗ dựa, nhân ngã bình đẳng, y chính vô ngại. Đó là “Pháp nhĩ”, pháp nhĩ tức quả đức tự nhiên, nếu hưởng ra bên ngoài kiến lập thì không thành quả.

4. *Y nhân tính*: Tất cả chúng sinh đều có tịnh tánh như thế, giống như vàng được luyện thành cây trâm cài thì tính chất của nó vẫn là vàng. Các hạt vàng cho dù được đúc thành dụng cụ gì khác đi nữa thì vẫn không đổi chất. Chúng sinh và Phật cũng vậy, đồng một tịnh tính, nhưng có sự khác nhau giữa cây trâm vàng và các vàng, chứ không khác về tính chất. Vì vậy, phàm phu khắp nơi mười niệm liền sinh là vì vốn tịnh, Phật A-di-đà muốn nhiếp thụ chúng sinh tức là người nhiếp thụ, vì chúng sinh vốn tịnh, cho nên như ánh sáng trong gương, không phải do mài mà có. Người được sinh Tịnh độ, không phải là hành nguyện và niệm lực mà thành tựu. Vì sao? Vì niệm hành giống như cái lò đốt có thể nung chảy vàng nhưng không thể sinh ra vàng được.

5. *Thuận chúng sinh*: Nghĩa là muốn làm cho trẻ nhỏ vui thì cho bánh trái, muốn làm phụ nữ vui lòng thì phải dùng tơ lụa. Những thứ chúng sinh xem trọng là châu báu ngọc ngà, cơm ăn áo mặc, vì vậy có “bảy báu tự nhiên” và cho phòng ốc sang trọng, áo quần ăn uống. Như có một số con em nhà giàu, khi ra khỏi cửa nhất định là phải lên xe xuống ngựa, nếu không thì không chịu đi. Nay Đức Thích-ca Như Lai thuận theo chúng sinh mà nói A-di-đà thất bảo Tịnh độ, chỉ vì chúng sinh thấy cảnh như vậy, hợp với điều nói ra, chúng sinh sinh rồi, mỗi người tự thấy tịnh tướng nhiệm mầu không gì sánh được. Mới biết rằng lưu ly, mã não, ngọc bích cũng tựa như gói gạch mà thôi. Như những người làm quan thành đạt kể cho những người làm ruộng nghe về sự trang nghiêm lộng lẫy của hoàng cung, họ sẽ chẳng thể tưởng tượng ra việc ấy cũng giống như nói màu sắc cho người mù nghe, không có tác dụng gì.

6. *Uế tướng không*: Như Trí luận chép: “Ví như người có một đứa con cứ thích chơi đùa ở nơi không sạch sẽ, gom đất lại thành đống, lấy cây cỏ làm chim thú và rất thích chơi như thế. Nếu có ai đến giạt thì khóc lóc kêu la. Người cha biết được, nghĩ rằng đứa con này bây giờ thích chơi như thế, nhưng việc này dễ bỏ, khi nó lớn dần sẽ bỏ trò này thôi.” Lý do là vì những vật ấy đều không phải là thật. Bồ-tát cũng giống như vậy, thấy chúng sinh cứ yêu thích tấm thân không sạch sẽ và ham thích ngũ dục, nếu ngũ Căn như tín căn... thành tựu thì liền sẽ bỏ. Nếu như cái mà đứa trẻ yêu thích là vật thật thì đến trăm tuổi sự yêu thích ấy vẫn sâu hơn. Nếu chúng sinh xem vật chất là có thật thì dù được

ngũ Căn vẫn không thể bỏ. Vì các pháp đều là không, giả dối không thật có, vì thế nên mới có thể lia bỏ. Như Lai vì chúng sinh mà nói Tịnh độ cũng giống như vậy, những điều chúng sinh dựa vào là không có thật, thì dễ giáo hóa hơn. Như người trẻ tuổi thì háo sắc, người trưởng thành thì thích làm quan, lúc tuổi già thì ham lợi. Nếu là thực thì lẽ ra không nên thay đổi theo tháng năm như vậy. Vì biến đổi nên khi nghe nói Tịnh độ cũng ưa cũng thích cũng ham, như người trong giấc mộng, gọi thì liền thức. Nếu mộng là thật thì gọi cũng vô ích, vì đều không thật cho nên chừa Phật vì tất cả chúng sinh mà nói pháp môn như thế.

7. *Thắng phương tiện*: Vì “Phương tiện” này không phải tự lực, cũng không phải tha lực. Trong biển duyên tự tính có công đức tự tại như thế, tất cả sẵn có. Vì thế một câu Thánh hiệu không còn phiền não, mười niệm công thành đốn vượt nhiều kiếp, như muôn khiêu kêu gọi này, lực do nâng đỡ, nhờ khiêu mà hiển bày. Như hang tối rỗng sáng, công tại thần hy, vì hang hiện ra. Như một bầy kiến có thể đi xuyên qua cả ngọn núi, xuyên qua bờ đê bao, đó là sức mạnh của nước, chứ không phải sức của kiến. Lại như một cánh buồm vải có thể kéo đi được cả con thuyền cả muôn tấn, đó cũng là sức của gió, chứ không phải sức của cánh buồm. Tóm lại, đều là do biển tánh pháp giới vô tác vô vi bất tư nghì lực hiện ra, chẳng phải tự lực chẳng phải tha lực, tất cả đầy đủ. Cho nên có phương tiện tốt đẹp như thế, là pháp tu nhanh nhất trong các pháp tu nhanh, làm con đường tắt trong các con đường, nếu bỏ pháp này không tu thì thật là ngu si.

8. *Đạo nhĩ thừa*: Nhị thừa tránh cảnh, hưởng về yên lặng, chứng giả Niết-bàn, không được Pháp thân Như Lai, chịu nghiệp hoặc khổ.

a. Vô minh trụ địa, không thể rốt ráo thấy được phiền não cấu trược tập khí xú uế, cứu cánh diệt tận tịnh Ba-la-mật quả.

b. Do vô minh trú địa, nên có hạnh hư vọng chưa diệt trừ, nên không thấy được Ba-la-mật vô tác vô hành ngã.

c. Vì hư vọng nhỏ nhiệm khởi phát nghiệp vô lậu, ý sinh các ấm chưa trừ hết, nên không thấy được quả Ba-la-mật cực diệt viễn ly lạc.

d. Biến dịch sinh tử, đoạn dứt lưu chú tiếp nối, không thấy được quả Ba-la-mật cực vô biến dịch thường.

Vì bốn thứ hoặc này mà chưa chứng chân lý, Như Lai thương xót dạy khiến bỏ tâm đoạn diệt, tu hạnh Tịnh độ khiến cho biết rằng ngay nơi không là bất đoạn, ngay nơi hữu là bất thường. Nương trí Đại thừa, nhập vào biển Niết-bàn.

9. *Kiên nhẫn lực*: Bồ-tát Long Thọ nói rằng: “Con nít bốn tuổi trở

lên, chưa đầy hai mươi tuổi, gọi là Cưu-ma-la-già địa. Nếu Bồ-tát mới sinh vào nhà Bồ-tát, như trẻ con được vô sinh pháp nhãn, cho đến Thập trú địa; lìa các việc ác, gọi là Cưu-ma-la-già địa.” Nếu muốn đạt đến địa này, nên học Bát-nhã ba-la-mật, thường muốn không lìa chư Phật.

Hỏi: Bồ-tát phải giáo hóa chúng sinh, vì sao thường muốn không lìa chư Phật?

Đáp: Có Bồ-tát chưa nhập giai vị Bồ-tát, chưa được thụ ký không còn lui sụt, nếu xa rời chư Phật là sẽ hủy hoại các thiện căn, chìm trong phiền não, tự không thể độ, làm sao độ người. Như người ngồi trên thuyền, giữa dòng thuyền vỡ, muốn đưa người khác sang, lại tự mình bị đắm chìm dưới nước. Bồ-tát chưa nhập pháp vị, nếu xa rời chư Phật, vì ít công đức không có năng lực phương tiện, muốn giáo hóa chúng sinh, tuy được chút lợi ích nhưng lại tự đọa lạc. Vì thế Bồ-tát mới học không nên xa rời chư Phật.

Hỏi: Nếu thế vì sao không nói không rời Thanh văn, Bích-chi-Phật, vì Thanh văn, Bích-chi-Phật cũng có thể lợi ích Bồ-tát?

Đáp: “Bồ-tát đại tâm, Thanh văn, Bích-chi-Phật tuy có Niết-bàn lợi ích, nhưng không có trí nhất thiết nên không thể giáo hóa Bồ-tát. Chư Phật có Nhất thiết chủng trí nên có thể giáo hóa dắt dẫn Bồ-tát. Như voi bị sa lầy, không phải tự nó thoát thì không ai giúp được. Bồ-tát cũng giống như vậy, nếu đi lầm đường, chỉ có Phật mới cứu được vì đồng là đạo lớn, vì vậy nói Bồ-tát thường muốn không lìa chư Phật. Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Ta chưa được Phật nhãn chẳng khác nào kẻ mù, nếu không được Phật dẫn đường, thì không biết đường đi sẽ đi lầm vào đường khác, dù nghe Phật pháp nhưng lại thực hành khác đi, chưa biết thời tiết giáo hóa, hành pháp bao nhiêu. Bồ-tát gặp Phật, được các thứ lợi ích hoặc mắt thấy, tâm thanh tịnh. Nếu được nghe thuyết giảng thì tâm sẽ ưa pháp, được trí tuệ rộng lớn, tùy pháp tu hành mà được giải thoát, gặp Phật được vô lượng lợi ích như thế, há không nhất tâm thường muốn thấy Phật hay sao? Giống như trẻ con, không nên xa rời cha mẹ, lại như người đi đường không xa lìa lương thực, như lúc nóng nực không thể lìa gió mát nước lạnh, như khi giá rét phải có lửa sưởi ấm, như khi qua nơi nước sâu cần phải đi thuyền. Giống như người bệnh phải có thầy thuốc giỏi, Bồ-tát không thể xa lìa khỏi chư Phật còn quá hơn việc ấy. Vì sao? Vì cha mẹ thân thuộc, tri thức, trời, người, vua... đều không thể làm ích lợi như Phật, Phật làm ích lợi cho các Bồ-tát xa rời các nơi khổ cực, đến trú ở vùng đất của Thế Tôn, do nhân duyên ấy nên Bồ-tát thường không xa lìa chư Phật.

Hỏi: Các pháp môn hữu vi đều giả dối không thật, đều không đáng tin, vì sao được như nguyện, không lìa chư Phật.

Đáp: Phước đức trí tuệ có đủ mới được thấy Phật, huống gì không xa lìa chư Phật, chúng sinh có vô lượng nhân duyên kiếp tội, nên không được như nguyện. Tuy phúc đức, mà trí tuệ cạn mỏng, tuy hành trí tuệ mà phúc đức ít ỏi, thế nên sở nguyện bất thành, Bồ-tát cầu Phật đạo, phải thực hành hai phẩm sinh nhân và pháp nhân. Thực hành sinh nhân, tất cả chúng sinh phát tâm Từ bi diệt tội trong vô lượng kiếp, được vô lượng phước đức. Thực hành pháp nhân, phá các pháp vô minh, được vô lượng trí tuệ. Hai hành hòa hợp, nguyện nào mà không thành. Vì thế Bồ-tát đời đời thường không lìa chư Phật. Bồ-tát thường ưa thích niệm Phật, xả thân thọ thân thường được gặp Phật. Thí như dục tâm của chúng sinh sâu nặng, thì làm thân dâm điếu, như chim Công, Uyên ương; nặng về sân nhuế thì sinh trong loài độc trùng, như rồng dữ, bò cạp rắn độc, La-sát.

Tâm của Bồ-tát này không quý phước lạc của Chuyển luân Thánh vương, trời, người, chỉ niệm chư Phật, vì thế tùy theo tâm nặng nhẹ mà thọ thân hình. Bồ-tát thường khéo tu nhân duyên niệm Phật Tam-muội, sinh ra bất cứ nơi đâu thường được gặp chư Phật.

Hỏi: Bạc ngộ đạt Thiên tông, đã gọi là thấy tánh thành Phật, sao lại còn cầu sinh Tịnh độ?

Đáp: Những người ngộ đạt, chính nguyện là cầu sinh, nếu như chưa ngộ thì giúp cho ngộ, hướng về Tịnh độ muôn trâu khó kéo.

Hỏi: Người học chỉ sợ không rõ việc lớn, việc lớn đã rõ rồi thì nên thực hành Phật giáo, tùy loại hóa thân. Vào bùn vào nước, không tránh sinh tử, rộng độ sinh linh. Vì sao cầu sinh Tịnh độ, chán khổ thích vui?

Đáp: Sau khi ngộ đạt, tập lậu dứt hẳn thì không còn lui sụt và sẽ cho rằng sau khi ngộ đạt thì không còn chuyện học Phật pháp tu hành chánh quả sao? Sẽ cho rằng sau khi ngộ là ngang bằng chư Phật vào sinh tử không bị chướng duyên kéo lôi hay sao? Nếu như thế thì các Đại Bồ-tát tu Lục độ muôn hạnh, trải hằng hà sa số kiếp đều phải hổ thẹn sao? Người xưa có nói rằng: “Thanh văn còn có sự mê mờ khi ra thai, Bồ-tát còn có sự tối tăm khi cách ấ.” Huống gì gần đây hiểu cạn ngộ thấp tự cứu không xong, cho dù có đốn ngộ sâu xa, chỗ thấy biết cao minh, hành giải tương ứng, mục đích là độ người, nhưng phải làm sao khi chưa lên bất thoái, lực dụng chưa đủ. Ở cõi trước ác này, hóa độ độ chúng sinh ngang bướng đây cũng là việc mà bậc Tiên Thánh không cho phép. Giống như chiếc thuyền chưa đóng xong, chưa vững

chắc, nếu chứa quá nhiều người lại đi trên biển lớn sóng dữ thì sẽ nhận chìm tất cả mọi người. Vì vậy luận Vãng sinh chép: “Những ai muốn đạo chơi chốn địa ngục, phải sinh cội kia, sau khi đắc vô sinh nhẫn còn phải vào trong sinh tử, cứu khổ chúng sinh, bằng nhân duyên này mà cầu sinh Tịnh độ.” Lại nữa, bậc Tiên Thánh có nói: Chưa đạt đến địa vị không còn lui sụt vị thì chưa thể đi vào thế tục độ sinh, chưa được vô sinh pháp nhẫn, thì phải luôn không xa rời Phật, giống như con trẻ không thể xa rời mẹ. Nay ở cõi này, Đức Thích-ca đã diệt, Đức Di-lặc chưa sinh, khổ bốn đường ác, nhân quả rối bời. Ngoại đạo tà ma, thị phi nhiều loạn. Sắc đẹp tiếng dâm mê hoặc, ác duyên uế xúc xâm chiếm, đã không có hiện Phật để nương, lại bị cảnh duyên quấy nhiễu, những người vừa mới ngộ đạt, có không ít người lui sụt, cho nên Đức Thế Tôn ân cần chỉ quy Cực lạc, là vì lý do đó. Vì Đức Di-đà kia hiện tại đang nói pháp, cảnh duyên, cõi vui, các thứ thanh tịnh, nếu dựa vào Đức Phật ấy, thì nhẫn lực dễ thành. Chứng cao thành Phật, đích thân được thụ ký, sau đó ra đời hóa độ chúng sinh, đến đi vô ngại. Thường thấy các Thiên giả ngày nay, không tìm hiểu ý nghĩa của Như Lai, không biết huyền cơ của Đạt-ma, đầu óc trống rỗng, tham vọng ngông cuồng thành thói quen, thấy người tu Tịnh độ thì chế nhạo nói rằng: “Chúng chỉ học theo việc làm của những kẻ tầm thường.” Tuy cười nhạo những người tu hành tầm thường nhưng chính là xem thường các vị Bồ-tát như: Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chẳng những tự mê chánh đạo, tự đánh mất thiện căn, tự đánh mất tuệ thân, hạt giống Phật mà còn gây nên nghiệp ác phỉ báng đạo pháp, ý tưởng xem thường bậc Thánh. Phật tổ coi đó là những kẻ đáng thương.

Hòa thượng Vĩnh Minh rất thương xót nên vất tận tâm can chủ trương Tịnh độ, vừa tự tu lại vừa để hóa độ thế gian, vì thế khi Ngài qua đời có vô số tượng lành hiện ra, có xá-lợi và Ngài được sinh Cực lạc thượng phẩm. Đến nỗi Diêm-la cũng cho là ít thấy, vẽ tranh nặn tượng lễ bái, Vĩnh Minh vừa hiểu được thiền trực chỉ của Đạt-ma vừa có thể dẫn thân vào chốn Cực lạc thượng phẩm. Ta lấy ví dụ này để giải mối cố chấp của người theo Thiền, làm lời khuyên cho chúng sinh đời mật pháp. Những người thực sự có công với tông giáo đâu chỉ riêng Vĩnh Minh, còn có Thiền sư Tử Tâm Tân, soạn bài văn “Khuyến tu Tịnh độ”; lại như Thiền sư Chân Yết Thanh Liễu trong “Tịnh độ thuyết” có nói: Tông chỉ của một tông đều có mục đích là mật tu, vì sao? Vì pháp môn niệm Phật là pháp môn nhanh nhất, dễ tu hành nhất. Theo Đại tạng: Tiếp lấy bậc căn khí thượng thượng, bên cạnh dẫn dắt hàng căn

cơ trung hạ, lại nói rằng: “Bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp bất “không hữu”, nhưng vẫn hết lòng tu hành Tịnh độ, vì Tịnh nghiệp thấy Phật còn dễ dàng hơn cả tông môn.”

Lại nói: “Làm Phật làm Tổ, ở giáo ở thiền, đều tu Tịnh nghiệp, đồng trở về một nguồn. Nếu có thể vào được pháp môn Tịnh độ thì bất cứ pháp môn nào cũng có thể vào được. Còn như Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản, Thiền sư Từ Thụ Thâm, Thiền sư Nam Ngọc Tư, Thiền sư Pháp Chiếu, Thiền sư Tịnh Từ Đại Thông... Đều là các bậc tông tượng Thiền môn, nghiên cứu mật, tu hiển hóa, đều phát huy yếu chỉ Tịnh độ. Nên biết Thiền, Tông, Mật tu đều không lìa Tịnh độ. Nếu vào được pháp môn Tịnh độ thì mới là pháp môn vững chắc không lui sụt.

10. Thị chân pháp: Tất cả pháp môn tu hành, nói không tức đoạn, nói có tức thường, chưa phải là rốt ráo, chỉ duy có niệm Phật Tam-muội này, ngay nơi niệm mà tịnh, tịnh chẳng phải là vô, ngay nơi tịnh mà niệm, niệm chẳng phải là hữu. Đạt được tịnh không chỗ nương tức là niệm thể, rõ niệm vốn lìa tức là tịnh dụng. Cho nên chẳng ngoài tịnh có niệm, có khả năng niệm tịnh. Nếu ngoài tịnh có niệm, thì niệm tức có chỗ, chẳng phải tịnh, chẳng phải ngoài niệm có, tịnh có khả năng nhập vào các niệm. Nếu ngoài niệm có tịnh, thì tịnh sẽ có đến hai, hai chẳng phải là tịnh. Nếu biết chư Phật thuận theo tâm tịch diệt mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ vào được các tất cả tịch diệt môn. Chư Phật thuận theo tâm thường lạc ngã tịnh mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ nhập vào tất cả thường lạc ngã tịnh môn. Chư Phật thuận theo tâm bình đẳng chúng sinh mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ nhập vào tất cả bình đẳng chúng sinh môn. Chư Phật thuận theo nghiệp đại Bi trí mà trang nghiêm Tịnh độ, do đó người niệm Tịnh độ sẽ vào tất cả nghiệp môn đại Bi Trí.

Chư Phật thuận theo nghiệp vô tác vô vi bất khả tư nghì mà trang nghiêm Tịnh độ, vì thế người niệm Tịnh độ sẽ nhập vào tất cả vô tác vô vi bất khả tư nghì môn. Chư Phật thuận theo tánh trần lao phiến não mà trang nghiêm Tịnh độ, nên người niệm Tịnh độ sẽ được nhập vào tất cả trần lao phiến não môn. Chư Phật thuận theo tướng vi trần giới tử mà trang nghiêm Tịnh độ, nên người niệm Tịnh độ sẽ được nhập vào Nhất thiết vi trần giới tử môn. Các đại pháp môn kể trên chỉ một câu Phật A-di-đà đều có thể chứng nhập, cũng không có tướng năng chứng sở chứng. Nếu không như thế thì đó là tịnh hữu dư, niệm Phật Tam-muội không phải như thế.

THỨ 3: BỘ LOẠI MÔN

Như Lai thuyết giáo có nhiều pháp môn, trong kinh hoặc thỉnh thoảng nhắc đến, hoặc nêu vài ví dụ không thể nêu ra hết được. chỉ có pháp môn niệm Phật là thường xuyên được nhắc đến và khen ngợi như mặt trời soi sáng. Nên mới biết rằng đây là pháp môn cao siêu không có pháp môn nào vượt qua được. Nay y cứ vào các kinh, chỉ những gì nói về việc lớn Tây phương thì đều thu vào, chia làm hai nghĩa kinh và vĩ. Thuyết văn chép: “Dệt có kinh, gom các sợi tơ để làm. Kinh là thường còn vĩ thì biến đổi.” Vì thế kinh thì không thu thập những thứ không chuyên bàn về An dưỡng, còn vĩ thì những ai niệm Phật cũng đều cho vào. Khổng Tử nói: Điều người không biết là sự buông bỏ của người. Nghe những điều chưa nghe thì không vô vọng với sự khôn ngoan sau này. Thứ nhất, “Kinh ở trong kinh”; thứ hai “Vĩ ở trong kinh”; thứ ba “Kinh ở trong vĩ”; thứ tư “Vĩ ở trong vĩ”.

I. Kinh ở trong kinh.

1. Kinh Vô Lượng Bình Đẳng Thanh Tịnh Giác.

2. Kinh Vô Lượng Thọ.

3. Kinh A-di-đà.

4. Kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm.

5. Xuất từ kinh thứ mười tám trong Bảo Tích, tên là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội.

Năm bộ kinh này đều là bản tiếng Phạn. Bốn bộ đầu thì dịch không được hay và chính xác lắm.

6. Kinh Đại A-di-đà, do Cư sĩ Long Thơ tập hợp bốn bộ dịch trước và những điều Phật nói giảng nói cho A-nan, Từ thị nghe ở núi Linh thúu trong thành Vương xá. Không biết vì sao Long Thơ không thấy bản này.

Một là kinh Phật Thuyết A-di-đà, hai là kinh Xưng Tán Tịnh độ Phật Nhiếp Thụ. Hai bộ kinh này đều là tiếng Phạn. Bản đầu tiên dễ hiểu hơn so với bản dịch sau này. Do Phật giảng nói cho Xá-lợi-phất nghe ở vườn Cô độc nước Xá-vệ, người đọc tụng thường chọn bộ kinh này.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ, do Phật giảng nói cho Vi-đề-hy phu nhân ở thành Vương xá. Trong kinh nói về mười sáu diệu quán, pháp môn tu trì nói đầy đủ trong kinh này. Nên Ngài Cô Sơn xếp vào định thiện, nhưng ba thứ kinh đều chuyên vì Tây phương mà khởi giáo như trời trong loài trời, vua trong loài người. Thí như bầu hư không, một còn

không có, huống là có hai, ý nghĩa huyền diệu trong kinh đều đã thấy trong các pháp môn khác, nay không nói lại.

II. Vĩ ở trong kinh

Một là “Kinh Cổ Âm Thanh Vương”, Phật ngự ở bên ao Già-già-ling trong đại thành Chiêm-ba, thuyết giảng cho hàng trăm Tỳ-kheo, trong đó nói nếu có bốn chúng thọ trì danh hiệu Phật A-di-đà, thì khi qua đời Phật và các vị Thánh sẽ đến dắt dẫn vãng sinh. Một là “kinh A-di-đà Phật kệ có ra sau này, Tỳ-kheo tự suy nghĩ niệm pháp, là từ Thế Nhiêu vương, đến thế nguyện mở mang vô lượng này, đời đời cung kính thực hành, tổng cộng là năm mươi sáu câu, từ đầu đến cuối đều là kệ. Hai bộ kinh này cũng chuyên nói về Tịnh độ, ý nghĩa ngôn ngữ so với trước tương đối giản lược, xếp vào loại “vĩ”. Hơn nữa kinh Cổ Âm chú trọng việc trì chú, kệ kinh là bộ Già-đà vì không nằm trong giáo bản.

III. Kinh ở trong vĩ

Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền khuyến tiến đồng tử Thiện Tài ở trước hải hội đại chúng phát mười đại nguyện, đến khi sắp qua đời các căn đều mất tác dụng, tất cả uy thế đều sẽ biến mất, chỉ có nguyện vương là không xa rời và trong lúc ấy sẽ dẫn đường đi trước, trong một sát-na sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Người đó tự thấy mình sinh trong hoa sen, được Phật thọ ký, thụ ký xong trải qua vô số kiếp, ở khắp bất khả thuyết bất khả thuyết các thế giới ở mười phương, dùng năng lực trí tuệ, tùy theo tâm chúng sinh mà làm lợi ích, cho đến có thể vào trong biển khổ đại phiền não cứu giúp chúng sinh, khiến họ thoát khỏi biển khổ phiền não và đều được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Lại trưởng giả Giải Thoát nói: Nếu ta muốn thấy thế giới Cực lạc, Vô Lượng Thọ Như Lai thì tùy ý liền thấy. Tất cả thế giới mười phương và tất cả các Đức Như Lai như thế nếu ta muốn thấy thì tùy ý liền thấy. Ta có thể biết rõ thần thông và việc trang nghiêm cõi nước của các Đức Như Lai không từ đâu đến cũng không đi về đâu, cũng không có chỗ trụ, cũng như thân ta không đến không đi, không có chỗ hành chỗ.

Kinh Pháp Hoa chép: “Nghe kinh điển này, đúng như lời dạy tu hành thì khi sắp qua đời liền vãng sinh về thế giới an lạc của Phật A-di-đà, chúng Đại Bồ-tát vây quanh chỗ ở, sinh trên tòa báu trong hoa sen, đắc thần thông vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, được Vô sinh pháp nhẫn thì nhãn căn thanh tịnh, vì nhãn căn thanh tịnh nên thấy bảy trăm muôn hai ngàn ức na-do-tha hằng hà sa các Đức Phật Như Lai.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát Đại Thế Chí bạch Phật: Con nhớ thuở xưa cách nay hằng hà sa kiếp, có Đức Phật ra đời, tên là Vô Lượng Quang, mười hai Đức Như Lai nối nhau ra đời trong một kiếp, vị Phật cuối cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang, Đức Phật ấy dạy con niệm Phật Tam-muội. Giống như có một người lúc nào cũng nhớ, một người lúc nào cũng quên. Hai người như vậy nếu gặp nhau cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy. Hai người nhớ nhau rất sâu sắc. Như thế cho đến đời này sang đời khác, cũng như hình với bóng, không hề trái xa nhau. Các Đức Phật Như Lai ở mười phương thường nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì mẹ tuy nhớ cũng không làm được gì. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì sẽ không xa cách nhau. Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, thì hiện tại và tương lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, không nhờ phương tiện, tự được tâm khai. Như người dính chất thơm thì trên thân có mùi thơm, đó gọi là “Hương quang trang nghiêm”. Nhân địa gốc của con dùng tâm niệm Phật, mà nhập vào Vô sinh nhẫn, nay ở cõi này dẫn dắt người niệm Phật trở về Tịnh độ.

Kinh Bảo Tích viết: Phật nói với vua cha rằng: Tất cả chúng sinh đều tức là Phật, nay cha nên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương, thường siêng năng tinh tiến, sẽ đắc Phật đạo. Vua nói rằng: vì sao tất cả chúng sinh đều là Phật? Phật nói: “Tất cả pháp môn vô sinh, không dao động, không lấy bỏ, không tướng mạo, không tự tính, hãy an trú tâm mình trong Phật pháp này, chớ tin pháp khác.”

Lúc ấy, vua cha và bảy muôn người họ Thích nghe nói pháp này, tin hiểu vui mừng, ngộ vô sinh nhẫn, Phật mỉm cười và nói kệ rằng:

*Họ Thích quyết định trí
Nên đối với Phật pháp
Quyết tín tâm an trú
Khi chết trong loài người
Được sinh cõi An lạc
Tận mắt thấy Di-đà
Vô úy thành Bồ-đề.*

Lại, Phật bảo Di-lặc phát mười thứ tâm, sẽ vãng sinh Cực lạc. Mười thứ tâm ấy là:

1. Đối với các chúng sinh khởi tâm đại Từ, không có tâm tổn hại.
2. Đối với các chúng sinh khởi tâm đại Bi, không có tâm bức nã.
3. Đối với chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, tâm ưa

thích giữ gìn.

4. Đối với tất cả pháp phát sinh thẳng nhãn, không có tâm chấp trước.
5. Không tham lợi dưỡng, cung kính tôn trọng, tâm thanh tịnh vui mừng.
6. Cầu chủng trí Phật, bất cứ lúc nào cũng không có tâm quên mất.
7. Đối với chúng sinh, tôn trọng cung kính, không có tâm thấp kém.
8. Không mê đắm thế luận, đối với Bồ-đề phần, sinh tâm quyết định.
9. Gieo trồng các thiện căn, không có tạp nhiễm, tâm luôn thanh tịnh.
10. Đối với các Đức Như Lai, lìa bỏ các tướng, khởi tâm tùy niệm.

Đó gọi là Bồ-tát phát mười thứ tâm, nhờ những thứ tâm này mà được vãng sinh, nếu người thành tựu một tâm trong mười thứ tâm này, ưa muốn vãng sinh về thế giới của Đức Phật kia mà không được sinh, thì không có việc ấy.

Kinh Ban-chu Tam-muội, Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-hòa: Nếu Sa-môn, bạch y nghe cõi Phật A-di-đà ở phương Tây, thường niệm Phật ở phương ấy, không được thiếu giới, nhất tâm niệm Phật, nếu một ngày đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm, qua bảy ngày rồi sẽ thấy Phật A-di-đà, lúc thức không thấy thì ở trong mộng thấy. Ví như thấy trong mộng, không biết ngày, không biết đêm, cũng không biết trong, cũng không biết ngoài. Không phải ở trong tối nên không thấy, không phải bị che nay nên không thấy, như thế Bồ-tát Bạt-đà-hòa tâm nên khởi niệm như thế. Bảy giờ các cảnh giới cõi nước chư Phật tên là Đại sơn, Tu-di sơn những chỗ u tối đều khai sáng, mắt cũng không bị che, tâm cũng không bị trở ngại. Vị Bồ-tát Ma-ha-tát ấy không cần thiên nhãn mà nhìn thấu suốt, không nhờ thiên nhĩ mà nghe thấu suốt, không nhờ thần túc mà đến cõi nước Phật, không qua đời ở cõi này mà thấy sinh về cõi Phật kia. Ngay nơi cõi này ngồi thấy Đức Phật A-di-đà, những kinh Phật nói đều nghe nhận được, từ trong Tam-muội đều được đầy đủ và đem nói lại cho người nghe.

Trong kinh Quán Phật Tam-muội, Văn-thù tự trình bày nhân đời trước, rằng được niệm Phật Tam-muội sẽ sinh Tịnh độ, Đức Thế Tôn lại thọ ký rằng: “Ông sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc.”

Phẩm Hiền Hộ trong kinh Đại Tập chép: “Người cầu Vô thượng Bồ-đề, nên tu niệm Phật Thiền Tam-muội.” Kệ rằng:

*Nếu người xưng niệm Phật Di-đà
Gọi là vô thượng thâm diệu thiền
Khi dốc lòng tưởng tượng thấy Phật
Tức là pháp bất sinh bất diệt.*

Kinh Thập Trụ Đoạn kết chép: “Có bốn ức người tự biết chết đây sinh kia, liên quan với nhau không dứt, muốn sinh ở cõi nước vô dục.”

Phật nói: “Tây phương cách đây vô số cõi nước, có Đức Phật tên là Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh, không có dâm nộ si, hóa sinh trong hoa sen chứ không có cha mẹ sinh ra, các vị nên cầu sinh về đó. Kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới viết: Bồ-tát hiểu rõ chư Phật và tất cả pháp đều do tâm lượng, đắc được nhãn tùy thuận, hoặc vào Sơ địa, bỏ thân chóng sinh về thế giới Diệu hỷ hoặc sinh trong Cực lạc Tịnh độ. Kinh Quỳnh Nguyện Vãng Sinh viết: Cõi nước Phật nhiều vô lượng, vì sao chỉ cầu cõi Cực lạc? Một là do nhân thù thắng: Mười niệm là nhân; hai là duyên thù thắng: Bốn mươi tám nguyện độ khắp chúng sinh. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức viết: Nếu có kẻ nghe được tên Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, một lòng tin ưa, người ấy khi mạng chung, Đức Phật A-di-đà và các Tỳ-kheo đứng ở trước người ấy, ma không thể làm hư hoại tâm chánh giác của người đó. Lại nói: Trì, phúng, tụng, niệm (kinh này) kẻ đó sẽ được phước vô lượng, lìa hẳn ba đường, sau khi mạng chung sẽ vãng sinh về cõi đó.

Kinh Đại Vân chép: “Này người thiện nam, ở phương Tây có một thế giới tên là An lạc, cõi ấy có Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, hiện đang giảng nói chánh pháp cho chúng sinh nghe”. Phật bảo một vị Bồ-tát: “Này người thiện nam. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà vì các chúng sinh bạc phúc độn căn mà nói kinh Đại Vân. Ông hãy đến đó dốc lòng lắng nghe, vì vị Bồ-tát ấy sắp đến đây, nên trước hiện điềm lành. Này người thiện nam, ông hãy nhìn thân các vị Bồ-tát ở cõi đó, cao năm mươi sáu ngàn do-tuần.” “Bạch Thế Tôn, vị Bồ-tát đến đây danh hiệu là gì? Vì sao mà đến cõi này? Có lẽ là vì độ chúng sinh mà đến, cúi mong Như Lai vì các chúng sinh phân biệt giải thích”. Này người thiện nam, Bồ-tát ở cõi ấy muốn nghe việc Tịnh Quang được thọ ký và muốn cúng dường Tam-muội ấy, vì lý do ấy mà đến đây.

Này thiện nam, vị Bồ-tát ấy tên là “Vô Biên Quang”, thông đạt phương tiện, có khả năng giáo hóa, dẫn dắt một cách khéo léo”.

Kinh Nhập Lăng-già chép: “Đại Tuệ ông nên biết, sau khi Thiện

thệ diệt độ, ở nước Nam Thiên trúc có đại danh đức Tỳ-kheo, hiệu là Long Thọ, có khả năng phá được hữu vô tông, hiển bày ngã trong thế gian, pháp Đại thừa vô thượng, đắc Sơ hoan hỷ địa, vãng sinh cõi An lạc. Kinh Đại Bi nói: Sau khi ta diệt độ nước Thiên trúc có Tỳ-kheo tên là Kỳ-bà-già, tu tập thiện căn vô lượng tối thắng, sau khi mạng chung sinh về Tây phương, cõi nước của Phật Vô Lượng Thọ cách đây trăm ngàn ức thế giới, về sau thành Phật hiệu là Vô Cấu Quang Như Lai.

IV. Vĩ ở trong vĩ

Như phẩm Tỳ-lô-giá-na trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Lúc ấy, Đồng tử Đại Uy Quang, thấy Ba-la-mật Thiện Căn Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Đẳng chánh giác, hiện năng lực thần thông liền đắc niệm Phật Tam-muội, gọi là Vô Biên Hải Tạng Môn.”

Lại phẩm Quang Minh Giác chép: Lúc ấy, Quang Minh qua ngàn thế giới, đến chỗ Bồ-tát Nhất Thiết Xứ Văn-thù, mỗi người trong chỗ Phật đồng thời lên tiếng nói bài kệ như sau:

*Trong tất cả oai nghi
Thường niệm công đức Phật
Ngày đêm không hề dứt
Nên làm nghiệp như thế.*

Lại phẩm Hiền Thủ chép: Thấy người sắp mất khuyên họ niệm Phật lại bày tôn tượng để chiêm ngưỡng khiến khởi sự quy ngưỡng sâu xa với Đức Phật cho nên thành tựu được ánh sáng này. Lại trong Niệm tạng thứ tám của phẩm Thập vô tận tạng chép: Niệm này có mười loại đó là niệm tịch tĩnh, niệm thanh tịnh, niệm bất trước, niệm minh triết, niệm ly trần, niệm ly chủng, niệm ly cấu, niệm quang diệu, niệm khả ái lạc, niệm vô năng chướng ngại. Lại phẩm Đâu-suất kệ tán chép: Bồ-tát Ly Cấu Tràng nói: Lấy Phật là cảnh giới, chuyên niệm không bỏ thì người ấy được gặp Phật, số Phật bằng số tâm.

Trong phẩm Thập hồi hướng, hồi hướng thứ mười chép: “Dùng pháp thí hồi hướng, nguyện được ức niệm và pháp giới, bình đẳng với tất cả chư Phật vị lai, hiện tại trong vô lượng, vô biên thế giới.”

Trong phẩm Thập địa, mỗi địa đều nói rằng: Tất cả mọi việc làm đều không rời niệm Phật.

Phẩm Phật bất tư nghì pháp chép: Như Lai có mười thứ Phật sự:

1. Nếu có chúng sinh chuyên tâm nhớ nghĩ, thì được hiện tiền.
2. Nếu có chúng sinh tâm không điều thuận, thì nói pháp cho nghe.

Lại phẩm Nhập Pháp Giới chép: Tỳ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài rằng: Nay người thiện nam, ta được tự tại quyết định giải lực, tín căn thanh tịnh, trí quang chiếu diệu, quán khắp cảnh giới, lìa tất cả chướng, đủ hạnh thanh tịnh, đến khắp mười phương, cúng dường các Đức Phật, thường nhớ nghĩ tất cả chư Phật Như Lai, tổng trì nhất thiết chánh pháp tất cả Phật, thường thấy tất cả chư Phật, tùy theo các thứ tâm ưa thích của các chúng sinh, mà thị hiện các pháp môn thành Chánh giác, ở trong đại chúng, làm Sư tử hống. Nay người thiện nam, ta chỉ được ức niệm Nhất thiết chư Phật cảnh giới trí tuệ quang minh phổ kiến này, cái gọi là Trí quang phổ chiếu niệm Phật môn, nghĩa là thường thấy tất cả cõi nước của chư Phật, các thứ cung điện đều trang nghiêm thanh tịnh; khiến tất cả chúng sinh niệm Phật môn, tùy tâm ưa thích trong tâm của chúng sinh, đều khiến thấy Phật, được thanh tịnh; khiến cho an trú lực niệm Phật môn, khiến cho nhập mười phương của Như Lai, khiến cho an trú pháp môn niệm Phật, thấy vô lượng Phật, nghe nói pháp; chiếu diệu chư phương niệm Phật môn, đều thấy trong tất cả các thế giới bình đẳng không sai khác vì là biển chư Phật. Nhập bất khả kiến xứ niệm Phật môn, đều thấy tất cả cảnh vi tế, việc thần thông tự tại của chư Phật. Trụ trong chư kiếp niệm Phật môn, trong tất cả kiếp thường thấy các việc làm của Như Lai. Không hề lìa bỏ trụ nhất thiết thời niệm Phật môn, trong tất cả thời thường thấy Như Lai, thân cận cùng ở đều không lìa bỏ. Trụ nhất thiết sát niệm Phật môn, tất cả cõi nước đều thấy thân Phật, vượt quá tất cả, không ai sánh bằng. Trụ nhất thiết thế niệm Phật môn, tùy theo tâm ưa muốn của mình mà thấy khắp các Như Lai ba đời. Trụ nhất thiết cảnh niệm Phật môn, đối với tất cả các cảnh giới đều thấy các Đức Như Lai thứ lớp hiện ra. Trụ tịch diệt niệm Phật môn, ở trong nhất niệm thấy tất cả các Đức Phật ở trong tất cả cõi thị hiện Niết-bàn. Trụ viễn ly niệm Phật môn, ở trong nhất niệm thấy tất cả Phật từ chỗ ở của các Ngài mà đi ra. Trụ trong quảng thái niệm Phật môn, tâm thường quán sát mỗi mỗi thân Phật đầy khắp tất cả các pháp giới. Trụ vi tế niệm Phật môn, ở đầu một sợi lông có bất khả thuyết Như Lai xuất hiện, thấy đều phụng thờ. Trụ trang nghiêm niệm Phật môn, ở trong nhất niệm thấy tất cả cõi đều có chư Phật thành Đẳng chánh giác hiện thân biến. Trụ năng sự niệm Phật môn, thấy tất cả Phật xuất hiện thế gian, phát ra ánh sáng trí tuệ, quay bánh xe pháp. Trụ tự tại tâm niệm Phật môn, biết tùy theo sự ưa muốn của tự tâm, tất cả chư Phật hiện hình tượng. Trụ tự nghiệp niệm Phật môn, biết tùy theo nghiệp chứa nhóm của chúng sinh mà hiện ảnh tượng, giúp họ giác ngộ. Trụ thần biến niệm Phật môn,

thấy hoa sen rộng lớn mà Phật ngồi trùm khắp pháp giới và nở ra. Trú hư không niệm Phật môn, quán sát tất cả thân của Như Lai nhiều như mây trang nghiêm pháp giới, hư không giới.

Kinh Pháp Hoa chép: Nếu có nhân duyên, một mình vào nhà người thì phải nhất tâm niệm Phật, khát thực không có bạn, phải nhất tâm niệm Phật. Lại nói: Nếu người tâm tán loạn, bước vào trong chùa tháp, xưng rằng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo.

Kinh Tịnh Danh chép: Nay Bảo Tích nên biết rằng trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật không lừa dối chúng sinh và đến sinh vào nước kia. Thân tâm là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật đầy đủ chúng sinh công đức đến sinh vào nước kia. Tâm Đại thừa là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh Đại thừa đến sinh vào nước kia. Bồ thí là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật tất cả chúng sinh năng xả đến sinh vào nước kia. Trì giới là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật chúng sinh mãn nguyện vì hành thập thiện nghiệp đến sinh vào nước kia. Nhẫn nhục là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm đến sinh vào nước kia. Tinh tấn là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh khuyến tu tất cả công đức đến sinh vào nước kia. Thiền định là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh nhiếp tâm không loạn động đến sinh vào nước kia. Trí tuệ là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh chánh định đến sinh vào nước kia. Bốn tâm vô lượng là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh thành tựu Từ Bi Hỷ Xả đến sinh vào nước kia. Bốn nhiếp pháp là Tịnh độ, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh giải thoát do sở nhiếp của Ngài đến sinh vào nước kia. Phương tiện là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh không bị tất cả phương tiện làm chướng ngại đến sinh vào nước kia. Ba mươi bảy phẩm là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sinh có niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác đạo đến sinh vào nước kia. Tâm hồi hướng là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, được tất cả cõi nước đầy đủ công đức. Nói trừ tám nạn là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước không có ba ác tám nạn. Tự giữ giới hạnh không dối khuyết là Tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước không có tên phạm cấm, là bậc phạm hạnh giàu có, nói lời thành thật chắc chắn, nói năng mềm mỏng, quyến thuộc không xa lìa, tranh cãi hiền hòa, lời nói ra có ích, không ganh ghét, không sân giận, có chánh kiến đến sinh vào nước kia. Như thế Bảo Tích, Bồ-tát tùy theo trực tâm tự thân mà phát hạnh, tùy phát

hạnh mà được thâm tâm, tùy thâm tâm mà ý điều phục, tùy ý điều phục mà làm theo lời nói, tùy việc làm theo lời nói ra mà hồi hướng, tùy hồi hướng mà có phương tiện, tùy phương tiện mà thành tựu chúng sinh, tùy thành tựu chúng sinh mà cõi Phật tịnh, tùy cõi Phật tịnh mà nói pháp tịnh, tùy nói pháp tịnh mà trí tuệ tịnh, tùy trí tuệ tịnh mà tâm tịnh, tùy tâm tịnh mà tất cả công đức tịnh. Như thế Bảo Tích, nếu Bồ-tát muốn có được Tịnh độ thì nên tịnh tâm mình. Tùy tâm mình tịnh mà cõi Phật tịnh. Lại nói, nếu Bồ-tát thành tựu tám pháp, nơi thế gian này thực hành không thiếu sót sẽ sinh về Tịnh độ. Tám thứ là những thứ gì?

1. Lợi ích chúng sinh mà không mong báo đáp.
2. Thay các chúng sinh chịu các khổ não.
3. Công đức làm ra đều dùng bố thí.
4. Tâm bình đẳng với chúng sinh, khiêm hạ không ngăn cách.
5. Xem các Bồ-tát như Phật.
6. Kinh chưa nghe, khi nghe không nghi.

7. Không làm trái với Thanh văn, không ghen ghét sự cúng dường của kẻ khác, không đề cao lợi bản thân mà giữ mức ung dung.

8. Điều phục tâm mình, thường tỉnh táo sáng suốt với lỗi tự thân, không bàn cãi sở đoản của người, hằng một lòng cầu các công đức.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát có sáu niệm, niệm Phật là bậc nhất.

Lại chép: Nhờ năng lực nhân duyên buộc niệm tư duy nên dứt được phiền não.

Kinh Đại Bi chép: Niệm Phật một câu, nhờ thiện căn này, nhập cõi Niết-bàn, không thể cùng tận.

Kinh Đại Bát-nhã chép: Phật bảo Mạn-thù-thất-lợi rằng: Bồ-tát có khả năng chánh tu hành Nhất tướng trang nghiêm Tam-muội, mau chứng Bồ-tát. Những người tu hành này nên xa rời nơi huyên náo, không nghĩ đến tướng chúng sinh, chuyên tâm buộc niệm niệm một Đức Như Lai, xét lấy danh tự, khéo tưởng dung nghi, tức là quán, khắp tất cả chư Phật ba đời, liền được tất cả trí tuệ của chư Phật.

Kinh Tọa Thiền Tam-muội chép: Bồ-tát ngồi thiền không nhớ nghĩ tất cả, chỉ niệm một Đức Phật, liền được Tam-muội.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Dùng bốn sự cúng dường tất cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề, nếu có người xưng danh hiệu Phật, chỉ trong khoảnh khắc có công đức hơn trên không thể nghĩ bàn.

Kinh Văn-thù Bát-nhã chép: Phật bảo Văn-thù: Người muốn nhập Nhất hạnh Tam-muội, thì nên ở chỗ vắng, lìa bỏ các loạn ý, không giữ tướng mạo, buộc tâm vào một Đức Phật, chuyên xưng danh tự, tùy

theo chỗ ở, thân ngồi thẳng, mắt nhìn thẳng, đối với một Đức Phật, niệm niệm nối nhau, thì trong niệm ấy sẽ thấy các Đức Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Niệm một công đức Phật và niệm vô lượng công đức Phật không có gì khác nhau. Phật pháp mà A-nan đã nghe vẫn trụ trong số lượng, nếu được Nhất hạnh Tam-muội, pháp môn các kinh, mỗi mỗi phân biệt, thấy đều rõ biết, ngày đêm giảng nói, trí tuệ biện tài không bị đoạn tuyệt, A-nan dù học rộng biện tài, nhưng trăm ngàn phần cũng không bằng một phần người này.

Kinh Đại Tập chép: Nếu người chuyên niệm Đức Phật một phương, hoặc đi hoặc ngồi đến bốn mươi chín ngày hiện thân thấy Phật liền được vãng sinh.

Kinh Pháp Hoa Tam-muội quán: Chúng sinh mười phương ai xưng Nam-mô Phật đều sẽ thành Phật. Chỉ có một Đại thừa, không có hai ba, tất cả các pháp một tướng, một môn, gọi là vô sinh vô diệt rốt ráo không tướng. Tu quán như thế, ngũ dục tự dứt, năm cái tự hết, ngũ Căn tăng trưởng, liền được thiền định. Kinh Na-tiên chép: “Vua hỏi Na-tiên: Người suốt đời làm ác, lúc sắp qua đời niệm Phật, được sinh về cõi Phật, ta không tin lời ấy. Na-tiên đáp: Giống như việc bỏ tảng đá lớn lên thuyền sẽ không bị chìm. Con người tuy ác nhưng nhờ niệm Phật nên không bị đọa. Còn hòn đá nhỏ lại bị chìm, giống như người làm ác mà không biết niệm Phật, nên bị đọa vào địa ngục.” Tụng rằng:

*Lời miêng vàng Như Lai
Khen ngợi cõi Tây phương
Như vào thành Trường An
Vào Đông, Tây, Nam, Bắc
Vào rồi là một thành
Không riêng đô thành vua
Phổ Hiền trưởng tử Phật
Văn-thù thầy bảy Phật
Thụ ký và hồi hướng
Quả vị này vãng sinh
Họ Thích được pháp nhãn
Thiện Tài chứng quả Phật
Tận mắt thấy Di-đà
Bồ-tát này vãng sinh
Long Thụ phá hữu vô
Kỳ-bà căn tối thắng
Đều được Phật thọ ký*

Thiền sư này vãng sinh
 Nghe Phật tâm tin ưa
 Tụng niệm và thọ trì
 Tặng đá bỏ trong thuyền
 Là vãng sinh hạ liệt
 A-nan tài học rộng
 Đứng đầu đệ tử Phật
 Chẳng bằng niệm một Phật
 Đốn rõ các kinh pháp
 Vì sao nhà nghĩa giải
 Lại xem thường niệm Phật
 Các pháp môn chánh niệm
 Trong kinh đều nói đủ
 Chỉ một pháp Đại thừa
 Không hai cũng không ba
 Kính khuyên người ngộ đạt
 Xin chớ có cuồng giải
 Nhất tâm niệm Di-đà
 Hoa sen mọc theo niệm
 Đây là thường tịch quang
 Chẳng phải báo phương tiện
 Quán như thế là chánh
 Chớ vọng sinh phân biệt
 Tam Thừa thiên, giáo, luật
 Đồng về biển Tịnh độ
 Tất cả pháp đều nhập
 Là phổ môn vô thượng
 Biển giáo nghĩa vô lượng
 Nên quán một phần nhỏ
 Trùm khắp chỗ tối tăm
 Trong đây có toàn tạng.

THỨ 4: GIÁO TƯỚNG MÔN

Một đại tạng giáo, như bình đựng hư không, không vô tướng thể, bình có vuông tròn, bình vỡ thì hư không không mất, duyên mất giáo diệt. Cho nên tùy duyên khắp ứng, thì Niết-bàn và chân như cùng một đồ đựng, gọi là trí tự tại thì duyên trì danh tướng, vì cùng là không. Thuốc không có phương nhất định, phương nhất định phải tùy theo bệnh. Há

chẳng phải là phương thuốc hay vô thượng như vụn ngọc san hô có thể trị được bốn trăm lẻ bốn bệnh. Bệnh hết thì thuốc quý, phân tiểu tức là đề hồ, khác chứng cùng phương, sâm linh trở thành thuốc độc. Hướng gì thuốc của Đấng Vô thượng y vương trị Tam Thừa xuất thế, có thể chữa trị được bệnh tật của trời, người, Thanh văn, phàm phu... Cho nên người xưa y cứ vào giáo, hoặc một, hoặc nhiều, danh tướng tuy khác nhau, nhưng lý thú thì giống nhau, người tu đạo không giấu tật xấu cũ, thâm nung các bậc tiên triết phân biệt các câu để làm sáng tỏ nhất thừa khiến người xem biết pháp môn Tịnh độ thâm nhiếp giáo pháp một thời đại, chớ vì hiểu khái quát Thiên tông mà coi thường công nghĩa hồ (?), đó là sự tự lừa dối mê hoặc chính mình. Gồm có:

- Thuần hữu giáo.
- Xu tịch giáo.
- Hữu dư giáo.
- Vô dư giáo.
- Đốn ngộ giáo.
- Viên cực giáo.

1. Thuần hữu giáo.

Vì các phàm phu mê đắm ái nhiễm, gây ra các nghiệp ác, Như Lai thương xót nên nói cho nghe về nỗi khổ ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, khổ không có phước đức, chấp ngã sở, muốn sinh lên cõi trời, người thì phải tu thiện căn như Phật mới thành đạo, vì Đề-vị nói nhân quả thế gian. Năm trăm người đồng thọ năm giới, trước hết sám hối những tội như tội ngũ nghịch, mười điều ác, báng pháp... đây là Hữu giáo; trong ba thứ phước của Quán kinh thì đầu tiên là hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, thờ phụng sư trưởng và có lòng Từ bi không sát sinh, tu thập thiện nghiệp. Trong kinh Vô Lượng Thọ lại nói đến nỗi khổ năm ác, năm thống, năm thiêu, giáo hóa chúng sinh, khiến giữ năm điều lành, cũng thuộc về nghĩa này, nhưng kinh này là cầu vãng sinh, ngăn những điều bất thiện, chứ không phải là tâm vui mừng với tiểu quả trời, người. Tu trì là đồng, chứng quả là khác. Như Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm các kinh Phương Đẳng tuy không đơn thuyết, nhưng cũng có kèm theo, không gọi là thuần hữu, Quán kinh sao chép: Hành giả viên đốn, đầu trái với hình thức xuất gia của Tiểu thừa, các giới tam quy y, các việc uy nghi. Lại nói rằng: Người được trước trước không được sau sau, người được sau sau không được trước trước. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều do thập thiện mà được độ. Kinh Hoa Nghiêm chép: Mười nghiệp đạo bất thiện là nhân thọ sinh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Mười

nghiệp đạo thiện là nhân thọ sinh trời, người, cho đến trời hữu đảnh. Thượng phẩm của mười nghiệp đạo này dùng trí tuệ tu tập. Vì tâm thấp kém, vì sợ hãi ba cõi, vì thiếu tâm đại Bi, từ nghe người nói mà hiểu được nên thành Thanh văn thừa. Lại thượng phẩm mười nghiệp đạo lành này, tu trì thanh tịnh, không theo giáo pháp khác, tự giác ngộ, đại bi phương tiện không đầy đủ, ngộ giải sâu xa pháp nhân duyên, thành “Độc giác thừa” lại thập thiện nghiệp thượng thượng này, tu hành. Tu trì thanh tịnh, tâm rộng lớn vô lượng, có lòng Từ bi thương xót, phương tiện sở nhiếp nên phát sinh đại nguyện, không lìa bỏ chúng sinh, mong cầu đại trí chư Phật, tịnh tụ Bồ-tát các địa, tịnh tu tất cả các độ, thành hạnh rộng lớn của Bồ-tát. Vì từ nhất thiết chủng thanh tịnh cho đến chúng mười Lực vô úy, tất cả Phật pháp đều thành tựu, cho nên nay ta thực hành bình đẳng thập thiện, phải khiến tất cả đầy đủ thanh tịnh, cho đến Bồ-tát chứa nhóm thiện căn như thế, thành tựu, tăng trưởng thiện căn, tư duy thiện căn, hệ niệm thiện căn, phân biệt thiện căn, yêu thích thiện căn, tu tập và an trụ thiện căn, Bồ-tát Ma-ha-tát chứa nhóm thiện căn như thế rồi, dùng thiện căn có được này nương vào quả tu hạnh Bồ-tát. Trong mỗi niệm thấy vô lượng Phật, như sự mong cầu mà ứng hiện, thờ phụng cúng dường. Tuy vô sở tác nhưng luôn trụ ở thiện căn. Lại nói: Tuy biết các pháp không có chỗ nương tựa nhưng nói nhờ thiện pháp mà được ra khỏi. Xin khuyên kẻ ngộ đạt manh mẽ bỏ đi lời hoát đạt mà sớm tìm bạn Bạch xã không mời, chớ khinh giới luật, trên trời không có Đức Phật tạo nghiệp; chớ tham hư danh, dưới đất có quỷ đối chứng. Liêng ban không xa xin cố gắng hơn.

2. *Xu tịch giáo*: Tức giáo nhị thừa tịch diệt xu hướng Niết-bàn, trang nghiêm cõi nước, lợi tha, bất sinh hỷ lạc, đó là giáo pháp của Tiểu thừa và Tịnh độ Đại thừa. Nay nói phần nhiếp, vì kinh Vô Lượng Thọ và Quán kinh đều có Tu-đà-hoàn, cho đến khi đắc quả La-hán. Người xưa nói: Tiểu thừa bất sinh, y cứ quyết định tánh bất sinh, trong đây nói về sinh, vì trong đây trước phát tâm Đại thừa và ươm thành hạt giống. Thoái tâm hạ địa, phải từ sắp lâm chung bỏ tiểu hướng về đại mà vãng sinh.

Hỏi: Đã hồi tâm hướng đại, vì sao đến đây vẫn chứng tiểu quả?

Giải thích: Vì thoái Đại đã lâu, công phu tu tập Tiểu thừa sâu dày, cho nên Phật ấy theo thói quen chúng sinh mà nói Tiểu thừa và khiến cho chứng quả. Lại việc chứng tiểu quả này, không giữ tiểu vị mà trụ, lại khởi phát đại tâm, tiến tới càng nhanh, hoặc năm kiếp hoặc mười kiếp được thành Sơ địa, tăng bậc như thế do đó thù thắng, cho nên

không giống nhau. Lại nói trong kinh cũng có Tần-bà chứng quả A-na-hàm, nhưng chẳng phải là căn cơ mà giáo này bao trùm, nay chính là vì Vi-đề-hy... mà giảng nói Tịnh độ quán, vẫn chẳng phải Thông Biệt, chẳng lẽ là Tiểu thừa. Như Phật Thích-ca ra đời, cũng có Thanh văn rất ráo Đại thừa, đó chính là xe dê, xe nai... chẳng phải xe thực.

3. *Hữu dư giáo*: Rõ chân lý hai không, tu tập muôn hạnh, hưởng về quả Phật Đại Thừa, nhưng không chấp nhận Xiển-đề và Nhị thừa thành Phật, vì Xiển-đề là vô tánh, Nhị thừa là định tánh, chắc chắn không thể thành Phật, không cùng tận chân lý Đại thừa, nên gọi là hữu dư. Kinh này nói trừ hạng người phạm tội ngũ nghịch không được vãng sinh. Lại nói hàng Nhị thừa không được vãng sinh, giáo nghĩa dường như đồng, Nhị thừa ở trên đã giải thích rồi. Nói người phạm tội ngũ nghịch không được vãng sinh là vì họ phỉ báng Phật pháp nên không có tín tâm, chẳng phải là vô tánh, chắc chắn không thể thành Phật. Cho nên trong Quán kinh nói chúng sinh phá giới khi sắp qua đời những hình ảnh ghê sợ hiện ra, nghe khen ngợi công Đức Phật nên lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát. Cho đến người phạm tội ngũ nghịch, thập ác mà niệm đủ mười niệm thì hoa sen vàng lớn như vàng mặt trăng, trong khoảng sát-na đều được vãng sinh, đó là công đức không thể suy nghĩ bàn luận của tự tánh nhờ năng lực không thể suy nghĩ bàn luận của Phật được biểu hiện. Cho nên nếu không có Phật tánh thì như đá trai cặn đục, đâu thể thấu đến mặt trăng. Nên biết niệm có công năng hiển bày Phật tánh, vãng sinh như thế là thuộc về tánh lực, như mặt trời có công năng hiển bày hư không, hư không chẳng phải do mặt trời mà được biểu hiện. Cho nên tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật, vì vậy không đồng thí giáo, là giáo hữu dư.

4. *Vô dư giáo*: Tất cả chúng sinh đều bình đẳng một tánh, đều sẽ thành Phật, đó là giáo phái cao tột của Đại thừa. Chỉ có một tự tâm làm giáo thể, nên gọi là vô dư. Pháp môn Tịnh độ này nương vào các pháp tánh, nguyện..., cuối cùng đều trở về nhất tâm, cho nên trong kinh nói nhất tâm bất loạn liền được vãng sinh. Lại trong Đại bản nói ba bậc vãng sinh về cõi kia đều là những vị đã phát tâm vô thượng Bồ-đề, tâm Bồ-đề tức là Phật tánh. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Tâm Bồ-đề giống như hạt giống, có công năng sinh ra tất cả các Phật pháp, giống như thửa ruộng tốt, có công năng làm cho pháp bạch tịnh của chúng sinh mọc lên. Giống như mặt đất có công năng nâng đỡ tất cả thế gian. Giống như nước sạch có công năng rửa sạch tất cả cấu uế phiền não. Giống như gió mạnh thổi khắp thế gian không hề chướng ngại. Giống như lửa dữ, có

công năng đốt cháy tất cả các thứ củi kiến chấp, có nói rộng trong kinh ấy. Nên biết tâm Bồ-đề là thuốc bổ trong siêu sắc thuốc, niệm Phật là mạch dẫn thuốc. Kinh Hoa Nghiêm chủ trương lúc mới phát tâm liền thành Thánh giáo, tức là nghĩa này. Năm địa vị gia hạnh của Bồ-tát cũng chỉ là mạch dẫn trong thuốc mà thôi. Vô lượng diệu hạnh đâu có gì ngoài Tam-muội Nhất hạnh.

5. *Đốn ngộ giáo*: Luận Trưởng giả chép: Chỉ cần một niệm không sinh thì gọi là Phật, không nói theo địa vị thứ lớp, nên lập thành Đốn giáo. Như kinh Tư Ích chép: Người được chánh tánh của các pháp, không từ một địa đến một địa. Kinh Lăng-già chép: Thập địa là sơ địa, sơ địa là bát địa, cho đến không hề có thứ lớp gì. Nên biết Đốn tức là nghĩa không trải qua thứ lớp. Thiên Thai Quán kinh sơ chép: Đốn ngộ như tiêm nhập, đó tức là Đốn giáo. Chính là phu nhân Vi-đề-hy và các thị nữ đều là phàm phu, chưa chứng tiểu quả, cho nên biết là Đốn, không từ Tiệm mà vào. Sơ sao chép: Đốn trong kinh này thuộc về hóa pháp, lấy Viên làm Đốn, vì sao? Vì giác vị vô sinh nhãn, Biệt giáo thì ở sơ địa, Viên giáo thì ở sơ trụ. Phàm phu của Biệt giáo trải qua vô số kiếp mới đến giai vị này, chỉ có Viên giáo ngay đời này có thể nhập vào. Ở đây y cứ vào bà Vi-đề-hy ngay thân này được nhãn, thuộc về Đốn, là Viên đốn. Kinh khác nói thọ giới Bồ-tát, các đời nối nhau, giới hạnh không thiếu, trải qua một kiếp, hai kiếp, ba kiếp mới đến sơ phát tâm trụ. Cứ như thế tu hành vô lượng hành nguyện như mười Ba-la-mật... nối nhau không đứt quãng, đủ một muôn kiếp, đến Chánh tánh trụ thứ sáu, từ đây tu hành tiến lên mới đến bất thoái trụ thứ bảy. Nay trong kinh này, người phạm tội ngũ nghịch mười đường ác, trì danh liền vãng sinh, đều không còn lui sụt, chính là hợp với nghĩa Đốn. Như những lời “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”... trong Quán kinh đều chỉ thẳng Tâm tông, không còn quanh co. Lại như một câu Di-đà, phải quấy đều dứt bỏ thì có gì để vướng mắc, cho nên người xưa gọi nó là công án đầu tiên. Trong đáy chảo nước sôi đâu có thể còn cục băng, trong đồng lửa dữ đâu còn dư một ngọn cỏ. Dù Đạt-ma có sống lại cũng không đời đổi được lời tôi, nếu còn do dự sẽ luống qua muôn dặm ngàn năm.

6. *Viên cực giáo*: Cho nên trong Từ Ân Thông Tán chép: Các bậc tiên đức Trung Quốc đều xếp kinh luận vào bốn tông: Tông Lập tánh, tông Pháp tánh, tông Pháp tướng và tông Hiển thật. Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... hiển bày nghĩa Trung đạo chân thật, bỏ hóa thành trở về bảo sở, cho nên biết kinh Di-đà thuộc về tông thứ bốn. Lại y cứ vào giáo để chuẩn định tông thì có tám tông: tông Ngã pháp câu hữu,

tông Hữu pháp vô ngã, tông Pháp vô khứ lai, tông Hiện thông giả thật, tông Tục vọng chân thật, tông Chư pháp đản danh, tông Thắng nghĩa giai không và tông Ứng lý viên thật. Như kinh Hoa Nghiêm và kinh Di-đà thuộc về tông thứ tám. Lại như Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu... y cứ vào ngàn hạt châu trên mảnh lưới của trời Đế Thích để phát minh ý nghĩa viên dung của Tịnh độ, các sách đều có ghi chép. Gần đây có vị lão túc phối hợp Hoa Nghiêm với kinh này, cho rằng Viên giáo hoàn toàn được thấu nhiếp trong kinh này, phần này thuộc về Viên giáo, được một phần ít Viên giáo, phần thuộc Viên giáo. Y cứ vào sự phán nghĩa của kinh thì có chỉ thú rất sâu, chỉ có nghĩa viên mãn cùng cực, không hoàn toàn vô phần, như mặt trăng in bóng xuống dòng sông thì các dòng sông đều có mặt trăng, cho đến bình hư, ao, hồ, một tấc nước cũng đều có mặt trăng không thiếu sót. Như gió thổi trên cây, cây nào cũng đều có gió một chiếc lá, một cọng cỏ cũng đều có gió, không thiếu sót. Nếu trong Viên có phần thì Viên có đoạn, nếu trong phần chẳng có toàn thì Viên tức không khắp, phần và toàn đều trái nhau thì nghĩa Viên không thành. Ở đây y cứ vào lý Viên cực của Liên tông mà chia ra làm năm nghĩa: Nghĩa Sát hải tương hàm (các cõi nước dung chứa lẫn nhau), nghĩa Tam thế nhất thời (ba đời cùng một lúc), nghĩa Vô tình tác Phật (vô tình thành Phật), nghĩa Y chánh vô ngại (y báo, chánh báo vô ngại), nghĩa Sung biến bất động (trùm khắp bất động).

- Nghĩa Sát hải tương hàm: Cõi nước báo thân, hóa thân của tất cả chư Phật nhiếp nhập lẫn nhau, toàn kia là toàn đây, không hề ngăn ngại. Nếu chấp không nhiếp nhập thì đó là tình kiến, tình kiến chẳng phải thật, như trong một ngôi nhà hàm chứa một hư không. Trong đó, hoặc người, hoặc súc sinh, hoặc quỷ, hoặc côn trùng, hoặc ghế, hoặc bình, hoặc giá máng áo đều nương hư không mà kiến lập, khi hư không thuộc về người thì hư không mà các quỷ, súc sinh, côn trùng, ghế, bình, giá máng áo nương tựa tất cả đều thuộc về người. Khi hư không thuộc về quỷ thì hư không mà người, súc sinh, côn trùng, ghế, bình, giá máng áo nương tựa tất cả thuộc về quỷ. Khi hư không thuộc về côn trùng thì hư không mà người, quỷ, súc sinh, ghế, bình nương tựa tất cả đều thuộc về côn trùng, khi hư không thuộc về giá máng áo thì hư không mà người, quỷ, súc sinh, ghế, bình nương tựa đều thuộc về giá máng áo. Xen nhau mà không lẫn lộn, lìa nhau mà không cách, chẳng phải nhập chẳng phải không nhập, cho nên kinh chép: Cõi nước tươi sáng thanh tịnh, trùm khắp không gì bằng, soi suốt vô lượng vô số không thể suy nghĩ, bàn luận thế giới. Như trong gương sáng hiện các hình ảnh, nên biết cõi tịnh

cõi uest ánh sáng đan xen, nhiếp nhập lẫn nhau, như đốt ngàn ngọn đèn trong một ngôi nhà.

- Nghĩa tam thế nhất thời: chúng sinh tình kiến chấp có thời phân, những việc ở quá khứ, hiện tại, vị lai... y cứ vào Thật tướng thì thể tánh của thời gian là không có thật. Vì sao? Vì nếu chấp sáng tối là thời gian thì sáng tối là nghiệp tướng, như người bệnh mắt thấy có hoa đốm, chẳng phải tướng nhất định. Nếu chấp già trẻ là thời gian thì già trẻ là huyền chất, như gió thổi vào mảnh lưới rách nát, chẳng có hình chất nhất định, cho nên nói trong ấy làm gì có nghĩa thật. Ở đây y cứ vào hai nghĩa kéo dài và rút ngắn nhiếp nhập vào nhau để nói về thể của thời gian, một là, trong sự rút ngắn có kéo dài; hai là, trong sự kéo dài có rút ngắn. Một là, trong sự rút ngắn có kéo dài: Như người nhờ nằm ngủ mà mộng thấy đi qua các thành ấp, xóm làng và thấy người xưa, buồn khóc và tươi cười rõ ràng. Trải qua thời gian một tháng, tỉnh dậy bèn hỏi người mình ngủ mê trong bao lâu, người hầu đáp rằng trải qua thời gian mấy ngàn quan tiền. Người ấy tự nghĩ mình ngủ không bao lâu sao lại trải qua sự biến đổi như thế? Ghi nhớ rõ ràng, chẳng bệnh chẳng say, lần lượt nhớ lại việc ấy, rốt cuộc thấy không thật có. Hai là, trong sự kéo dài có sự rút ngắn: Như người hai mươi tuổi bỗng bị bệnh điên, nuốt dao, bốc lửa, hoặc nói chuyện vị lai cho người nghe, hoặc vui cười như thường với vợ con và sinh con trai con gái, hoặc bỗng nhiên giỏi về văn, biên soạn các sách vở, suốt ba mươi năm như vậy, tình cờ được một người lạ chú nguyện vào nước cho uống, người ấy như ngủ chợt thức giấc, cho rằng lúc hai mươi tuổi như việc mới hôm qua. Người trong nhà bấm ngón tay tính số năm, sinh ra con cái và biên soạn các sách, người ấy tự nghĩ vốn không có năm thì làm gì có việc ấy, cũng không còn nhớ bệnh hay không bệnh. Y cứ vào hai thí dụ này đắp đổi quán sát, rốt ráo không thật có ba đời, cho nên kinh chép: Quán thời gian lâu xa kia như hiện tại hôm nay, trong thời gian khoảnh khắc mà lần lượt kính thờ các Đức Phật, khắp các thế giới mười phương, đó là ba đời không có khoảng cách. Ba đời không có khoảng cách vì thể thể của thời gian không thật có.

- Nghĩa Vô tình tác Phật: Trong quyền giáo nói có tình có Phật tánh, vô tình không Phật tánh, tất cả cỏ cây khí thế giới không thể thành đạo và quay bánh xe pháp, đây là tình chấp gượng chấp, thuộc ý tức có, ngay thuộc vật tức không, chẳng rõ các pháp đều an trụ vào pháp vị của nó. Vì sao? Vì ý là sắc, là không căn, là từ xưa đến nay, là vô tình, vì một vô tất cả vô, vì xanh vàng là ý, vì gió thổi hang trống có tiếng

là ý, vì cỏ cây ngói gạch là ý, vì là hữu tình, vì một hữu tất cả hữu, cho nên biết tình chính là tình, vừa có thể nói tự, vừa có thể nói vật, không nên nói rằng ai vô ai hữu, như đôi vợ chồng sinh ra một đứa con, không nên nói rằng ai sinh, ai không sinh. Tóc, lông, móng, răng cũng là vô tình, cùng với ta đều là Phật hay cùng với ta đều không phải Phật. Trong mộng thấy núi, thấy sông, thấy cây thấy đá cũng là vô tình, là thuộc về tình tưởng hay chẳng thuộc tình tưởng? Nên biết trong đây còn không có ngã hay chẳng phải ngã, vì sao chấp có tình hay vô tình? Cho nên trong kinh nói cây báu đạo tràng có công năng làm thanh tịnh các căn, gió thổi qua cây, nước chảy thành tiếng đều giảng nói pháp mầu, không một vật nào chẳng phải thân Phật, không một vật nào chẳng quay bánh xe pháp, chẳng lẽ tình kiến hiểu sai mà chấp kể được hay sao?

- Nghĩa Y chánh vô ngại: Y là khí giới, chánh là thân căn, nếu y cứ vào phạm tình tức là chấp một cách ngang xương có y có chánh, nghĩa này chẳng thật, vì sao? Nếu nói hư không là y báo, như người há miệng thì hư không vào, cho đến lỗ chân lông, khớp xương, trong bụng cũng đều có hư không, vậy thuộc về y báo hay thuộc về chánh báo? Nếu nói đất nước gió lửa là y báo, như người khắc nhỏ vào ống là nước, tóc cháy thành đất, hai tay xoa vào nhau thành lửa, hà hơi là gió, như vậy thuộc về y báo hay chánh báo. Cho nên trong kinh nói vô lượng hoa báu, trong mỗi hoa phát ra ba mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng, trong mỗi ánh sáng phát ra ba mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn Đức Phật, các Ngài giảng nói tất cả pháp cho chúng sinh trong mười phương nghe. Nhờ năng lực Phật nên hiện ra hoa báu, vì là hoa báu nên lại hiện ra chư Phật. Cho nên biết rằng toàn thể một cõi đều là thân Phật, tất cả các cõi đều như thế. Không một thân nào chẳng phải cõi Phật, tất cả các thân đều như thế. Chẳng phải do thần lực Phật biến hiện, mà chỉ là Nhất chân pháp giới, vì trí là y chánh.

- Nghĩa Sung biến bất động: Chúng sinh vọng chấp thân Phật có đến đi mà thật ra thân Phật không đến không đi, cũng chẳng không đến không đi. Ví như chim bay trong hư không một ngày cả ngàn dặm, hư không chẳng theo chim, chim không lìa hư không, cho nên kinh phép: Phật A-di-đà thường ở phương Tây, lại nói đến chỗ tất cả hành nhân. Như trong kinh Niết-bàn, Phật dạy: Nay người thiện nam, trong thành Ba-la-nại có vị Ưu-bà-di đã gieo trồng thiện căn với Phật Vô Lượng Quang ở thời quá khứ. Vị Ưu-bà-di này trong chín mươi ngày mùa hạ xin cúng dường thuốc thang cho chúng Tăng. Bấy giờ, trong chúng có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng, thầy thuốc xem bệnh bảo phải dùng thịt,

nếu không có thịt thì bệnh sẽ không hết.

Bấy giờ, vị Ưu-bà-di tự cầm dao lóc thịt ở bắp đùi mình trao cho vị Tỳ-kheo bệnh, Tỳ-kheo ăn xong liền hết bệnh. Vị Ưu-bà-di này bị vết thương làm đau đớn không thể chịu nổi, liền thốt lên rằng: Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà. Lúc ấy, ta ở thành Xá-vệ nghe âm thanh ấy liền khởi tâm đại Từ đối với cô gái ấy, cô gái này liền thấy ta dùng thuốc hay bôi lên vết thương, vết thương liền lành lặn như lúc đầu. Ta liền nói pháp bằng mọi cách cho nghe. Cô gái nghe pháp vui mừng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này người thiện nam, lúc bấy giờ, ta thật không đến thành Ba-la-nại cầm thuốc bôi vào vết thương vị Ưu-bà-di, nên biết đều là do năng lực của thiện căn từ bi khiến cho cô gái ấy thấy sự việc như thế.

Lại nữa, người thiện nam, Điều-đạt là người ác, tham không biết đủ, vì thường uống bơ nên bị nhức đầu sinh bụng, chịu khổ não dữ dội, bèn niệm rằng: Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà. Bấy giờ, ta trụ trong thành Ưu-thiên-ni, nghe âm thanh ấy liền sinh tâm từ, khi ấy Điều-đạt liền thấy ta đến chỗ ông ấy đưa tay xoa, trao cho nước muối bảo uống, Điều-đạt uống vào liền bình phục. Này người thiện nam, Ta thật không đến chỗ Điều-đạt, xoa đầu xoa bụng, trao cho nước nóng bảo uống, nên biết đều là do năng lực của thiện căn từ bi khiến cho Điều-đạt thấy sự việc như thế.

Lại nữa, này người thiện nam, nước Kiêu-tát-la có bọn cướp đông đến năm trăm tên. Vua Ba-tư-nặc sai quân đi bắt, sau khi bị bắt các tên cướp bị móc mắt và bỏ trong khu rừng tối tăm, chịu khổ não dữ dội, mỗi người đều xưng rằng Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà, kêu gào than khóc. Bấy giờ, ta trụ trong tinh xá Kỳ-hoàn, nghe âm thanh ấy liền sinh tâm từ, lúc ấy có ngọn gió mát thổi các thứ thuốc thơm trong hương sơn vào đầy mắt của các tên cướp mù, họ liền được bình phục như trước không khác. Các tên cướp được sáng mắt liền thấy Đức Như Lai đứng trước mặt nói pháp cho nghe, nghe pháp xong các tên cướp liền phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này các thiện nam, bấy giờ ta thật không có làm gió thổi các thứ thuốc thơm trong núi Hương Sơn, không đứng trước mặt bọn người ấy nói pháp cho nghe. Nên biết đều là do năng lực của thiện căn Từ bi khiến bọn cướp ấy thấy những việc như thế.

Các sự việc trên đây đâu thể nào suy nghĩ bàn luận, nói chung đều là Nhất chân pháp giới, không được nói là do tự tâm cảm thấy, cũng không được nói tâm và Phật hoà hợp, vì trong Phật địa lìa tự, lìa tha,

lià hoà hợp. Cho nên người nhập vào pháp môn này thì không đồng với tình kiến phân biệt chấp trước của phàm phu. Như Ngài Thanh Lương có dạy: Phật A-di-đà chính là Bốn sư Lô-xá-na, vẫn còn thuộc về tình lượng, vì sao? Vì các thế giới ở mười phương chỉ là một cảnh trí duy nhất, không có Phật riêng.

Hỏi: Trong luận có trích dẫn kinh Niết-bàn nói rằng do năng lực của thiện căn Từ bi, hoặc pháp tánh Như Lai vô nhân ngã xa gần, chúng sinh chịu khổ đều là cảnh tượng trong tánh Như Lai phải không?

Đáp: Chỉ nói được chánh nhân Phật tánh, nhưng nói về chánh nhân thì chỉ riêng Như Lai, tuy tánh chúng sinh cũng thế, nhưng chúng sinh bị nghiệp làm chướng ngại nên thấy người khác chịu khổ dù có đến chỗ người ấy cũng còn không cứu được, huống gì không đến mà cứu được hay sao. Trong giáo lý nói Bồ-tát Bát địa trở lên nếu ta niệm danh hiệu các Ngài một biến thì liền được lợi ích, vì nghiệp phân biệt đã hết nên tự nhiên được như thế. Cho nên Hòa thượng Đỗ Thuận một khi bước chân vào chùa thì trong mười năm không ai trộm cắp. Ngài tự nói rằng nhiều đời Ngài không gây tạo nghiệp trộm cắp cho nên được quả báo như thế. Đời Tống có Trâu-đổ-đà, hễ ai thấy mặt ông ấy thì liền bị tai họa, gần đây có người cung phi rất nghèo, hễ tay cô chạm phải vật gì thì vật đó thành đồ phế bỏ, không còn sử dụng được, đó là do nghiệp lực nhiều đời mà bị quả báo như thế, không có gì lạ.

THỨ 5: LÝ ĐẾ MÔN

Ngay nơi tánh là tướng, chẳng phải có, chẳng phải không, môn lý sự không ngại, giải thích giá biểu dùng lẫn nhau. Nói là không, giống như trắng đáy nước, hoa trong gương, chứ không giống như lông rùa sừng thỏ thực sự không. Còn nói có thì giống như gió thổi mây bay chứ không đồng với vàng cứng đá ngại. Cho nên nếu vướng mắc danh tướng thì tức là hữu lậu phàm phu. Nếu bài bác nhân quả tức không kiến ngoại đạo. Cõi Phật trong mộng đều nguyện vãng sinh. Bọt bóng Thánh hiền, thề cùng chiêm ngưỡng. Nói chân nói tướng, giống như thêm vào mặt nhọt trên da thịt lạnh lạnh. Bàn có bàn không, giống như hạt tuyết trong lò lửa đỏ hồng. Nay y cứ vào trong chân đế, chia làm bốn môn:

- Tức tướng tức tâm môn.
- Tức tâm tức tướng môn.
- Phi tâm phi tướng môn.
- Ly tức ly phi môn.

1. Tức tướng tức tâm môn.

Tịnh độ Cảnh quán yếu môn chép: Tâm bao trùm thái hư. Lượng khắp pháp giới. Lại nói rằng: Tâm như người thợ vẽ, tạo các thứ năm ấm, trong tất cả thế gian, thấy đều từ tâm tạo. Vì vậy cõi nước Cực lạc, đất báu, cây báu, ao báu, thân chính báu, trong hải chúng Di-đà có ba mươi hai tướng,... đều là do tâm ta sẵn có, đều do tâm ta tạo ra, không phải từ, người khác mà được, không từ bên ngoài đến, người hiểu được vấn đề này mới có thể luận về tức tâm quán Phật. Cho nên Quán kinh chép: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tướng của chúng sinh, cho đến câu tám mươi vẻ đẹp. Đại sư Thiên Thai giải thích thành hai nghĩa: Một là giải thích theo cảm ứng đạo giao; hai là, giải thích theo giải hành tương ứng. Nếu không có giải thích đầu, thì quán chẳng phải quán Phật. Nếu không có cách giải thích sau thì ngoài tâm có Phật, còn giải thích tâm này làm Phật, tâm này là Phật, từ phía tu quán mà nói thì gọi là “tâm là”, từ phía sẵn có mà nói thì gọi là “tâm là”, nghĩa trùm trước sau. Chẳng hạn như hợp lại nói: Tâm này làm mặt trời, tâm này là mặt trời, cho đến tâm này làm Thế Chí tâm này là Thế Chí, cho đến trong chín phẩm, tùy trần cảnh thực hành quán, thì đều có đầy đủ.

Lại nói: Quán tâm quán Phật đều thuộc vọng cảnh, ý ở chỗ rõ vọng, tức chân không cần phá vọng, sau đó hiển chân. Cho nên Ngài Kinh Khê nói: Nói rằng Duy tâm đâu phải duy chân tâm, nên biết tâm phiền não có khắp nơi, ông còn không biết tâm phiền não có khắp nơi thì làm sao biết được sinh tử sắc ở khắp nơi, sắc vì sao có thể ở khắp nơi? Vì ở sắc tức là tâm, nếu thế không cần nhiếp Phật quy tâm mới gọi là y cứ vào tâm quán Phật, như thế đã rõ, chẳng những hiểu sâu ý Phật mà cũng là thoát hẳn thường tình.

Tông Cảnh Lục chép: Tự tâm trùm khắp tất cả mọi nơi, cho nên nếu thấy Phật khác tức là Phật của chính mình, bất hoại cảnh tự tha chỉ một tâm này. Chúng sinh giống như cái khuôn bao tợng, nếu bỏ đi cái khuôn thì sẽ thấy tự Phật và cũng thấy tha Phật. Tuy thấy tha Phật cũng là tự Phật, vì do tự mình tạo ra. Nhưng cũng không hủy hoại tha Phật, vì trên bản chất của nó tuy biến đổi hình dáng của tha Phật, nhưng tức là từ tự tướng phân ra.

Lại nói rằng: Tự tâm cảm hiện, đích thân Phật đến đón rước, thân Phật thường vắng lặng, không có đến đi, thức tâm của chúng sinh nương gá vào công đức thắng lực của bản Phật, có đến có đi, như hình ảnh trong gương, như việc làm trong mộng. Hình ảnh trong gương chẳng trong chẳng ngoài. Vật chất trong mộng là chẳng có chẳng không. Chỉ

là tự tâm, không liên quan đến Phật hóa, biết Tịnh nghiệp thuần thực, mắt thấy thân Phật, ác quả sẽ thành, tâm hiện địa ngục, như người có phúc đức thì cầm gạch thành vàng, người có nghiệp nghèo thì vàng biến thành gạch, gạch không phải vàng mà vàng hiện, vàng không phải gạch mà gạch sinh. Vàng sinh chỉ là tâm sinh, gạch hiện chỉ từ tâm hiện. Chuyển biến là do ta, vàng gạch đâu có theo. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép: Các họa sĩ thông minh tinh xảo dùng các thứ màu sắc, dùng màu trắng làm màu trắng, dùng màu đỏ làm màu đỏ, dùng màu vàng là màu vàng, nếu dùng màu bồ câu thì là màu bồ câu, dùng màu đen làm màu đen. Vị họa sĩ tâm nghiệp cũng giống như thế. Duyên trắng lấy màu trắng, trong trời người thì thành màu trắng. Vì nghĩa gì gọi là trắng? Không bị các lậu cấu như đục... làm ô nhiễm nên gọi là màu trắng, cũng giống như thế, vị họa sĩ tâm nghiệp dùng màu đỏ, đối với trời người có thể làm màu đỏ. Vì sao gọi là màu đỏ? Đó là “ái, thanh, vị, xúc, hương, sắc”. Nếu vị họa sĩ tâm nghiệp dùng màu vàng thì trong đường súc sinh sẽ trở thành màu vàng. Vì sao gọi là màu vàng? Vì chúng ăn thịt uống máu lẫn nhau, tham dục sân si sát hại lẫn nhau. Vì họa sĩ Tâm nghiệp dùng màu bồ câu (xám), phan duyên quán sát, nơi đường ngựa quý dùng màu “Bồ câu”. Vì sao gọi là màu bồ câu? Vì thân ấy giống như lửa đốt rừng cây, bị đói khát bức náo, biết bao nỗi khổ. Vị họa sĩ Tâm nghiệp lại dùng màu đen, địa ngục vẽ bằng màu đen. Vì sao gọi là màu đen? Vì hắc nghiệp nên sinh vào địa ngục, có bức tường sắt màu đen, bị thiêu bị trói nên thân màu đen. Vị họa sĩ tâm nghiệp khéo sử dụng màu sắc thiền, phan duyên minh tịnh, như vị họa sĩ ấy sử dụng màu sắc vẽ thành màu đẹp đều là do tự tâm chứ không phải do người khác làm. Cho nên biết vị họa sĩ tâm nghiệp dùng sắc màu thuần tịnh để vẽ nên Tịnh độ cũng giống như thế. Lại như trong Kinh Bát-châu Tam-muội chép: Bồ-tát được Tam-muội này bèn ngồi ở đấy, thấy được Phật A-di-đà. Giống như có người nghe nói ở nước Tỳ-da-ly, có một cô gái điếm tên là Am-la-bà-lợi. Nước Xá-vệ có cô gái điếm tên là Tu-mạn-na. Trong thành Vương xá có cô gái điếm tên là Ưu-bát-la-bàn-na. Có ba người nghe người ta khen rằng ba cô gái điếm này xinh đẹp vô cùng, nên suốt ngày mơ tưởng, trong tâm không quên được. Thế là trong giấc mơ thấy mình được giao hợp với ba cô gái ấy. Thức dậy tâm nghĩ: “Ba cô gái ấy không đến và mình cũng không đi đến chỗ họ thế mà lại thực hiện được việc giao hợp. Từ đây mà hiểu rằng tất cả các pháp đều như thế.” Họ đến nói với Bồ-tát Bạt-đà-hòa thì Bồ-tát đáp rằng: “Các pháp thật như thế, đều từ niệm sinh ra”, sau đó

nói pháp cho ba người này nghe, ba người đều được địa vị Bồ-tát không còn lui sụt. Nơi cõi nước này nghe Phật A-di-đà, thường niệm, do niệm được thấy Phật A-di-đà. Giống như người đi xa đến nước khác, nhớ đến tài sản gia đình thân thuộc ở quê nhà, trong giấc mơ người ấy được trở về quê cũ, nhìn thấy gia đình người thân cùng vui vẻ trò chuyện. Trong giấc mơ thấy vậy khi thức dậy kể lại cho người quen rằng mình đã về đến quê nhà, thấy được gia đình thân thuộc, Bồ-tát cũng giống như thế, nghe được danh hiệu Phật nơi cõi nước, thường nghĩ ngợi, muốn thấy Phật cõi ấy thì Bồ-tát đều được thấy Phật. Ví như Tỳ-kheo quán xương người chết, khi thấy màu xanh, lúc thấy màu trắng, đỏ, đen, dù không đem xương đến, dù không có bộ xương, quán thấy như vậy là do ý tạo ra. Bồ-tát muốn thấy Phật ở phương nào thì đều sẽ được thấy. Vì sao? Vì nhờ năng lực uy thần của Phật, năng lực Tam-muội của Phật, năng lực bản công đức của Phật. Do ba việc này nên được thấy Phật. Thí như người trẻ tuổi xinh đẹp dùng đồ đựng sạch để đựng dầu mè và đựng nước sạch, hoặc gương mới mài, hoặc khối thủy tinh không có tỳ vết để tự soi mình, thì đều tự thấy hình ảnh của mình, vì những vật này đều rất trong sáng, hình ảnh mình không từ trong gương ra, cũng không phải từ ngoài vào. Bồ-tát với tâm thanh tịnh khéo léo, tùy ý mà đều thấy chư Phật, thấy rồi vui mừng, nghĩ rằng: Phật từ đâu đến, thân ta cũng không đi, tức thời liền biết Phật không từ đâu đến, ta cũng không đi đâu. Lại nghĩ rằng: Tất cả ba cõi đều do tâm làm ra, vì sao? Vì tùy theo ý nghĩ của tâm đều được nhìn thấy. Dùng tâm kiến Phật dùng tâm làm Phật, tâm tức là Phật, tâm tức thân ta, tâm không tự biết, cũng không tự nhìn thấy, nếu y cứ vào tâm tướng thì đều là vô trí, tâm cũng là luống dối đều từ vô minh có ra, vì tâm tướng này tức nhập Thật tướng các pháp. Vì thế nên biết ngoài tâm thấy Phật tức thành cảnh ma. Vì sao? Vì ngoài tâm không có pháp nào để đạt được.

2. Tức tâm tức tướng môn.

Các pháp rốt ráo cũng là không nên có các pháp, nếu các pháp có tính chất quyết định thì tất cả đều không lập. Kinh Bát-nhã chép: Nếu các pháp bất không, thì vô đạo vô quả. Kinh Pháp Cú chép: Bồ-tát đối với rốt ráo không, rõ ràng kiến lập. Kinh Pháp Hoa nói: Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu rõ tự thân và chúng sinh bản lai tịch diệt nên khuyên tu phước trí không chán bỏ. Đối với các cảnh giới đều lìa hẳn tham muốn, thường ưa thích chiêm ngưỡng phụng thờ sắc tướng chư Phật. Biết cõi nước Phật đều như hư không mà thường trang nghiêm cõi Phật. Do nghĩa này mà Bồ-tát ưa thích tu Tịnh độ. Luận Quần nghi:

- Cõi nước chư Phật rõ ràng giai không, xem chúng sinh đại thứ năm, vì sao lại chấp trước có tướng, bỏ đây sinh kia?

Đáp: Chư Phật pháp không lìa nhị đế.

Kinh dạy: Thành tựu tất cả pháp, mà lìa tướng các pháp “Thành tựu tất cả pháp” là các pháp Thế đế.

“Lìa các pháp” là Đệ nhất nghĩa đế vô tướng.

Lại nói rằng: Tuy biết cõi chư Phật và chúng sinh cũng không mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh. Ông chỉ thấy nói về giáo tướng viên thành thực, những lời đả phá biến kế sở chấp rất ráo không vô, không tin vào giáo lý nói về nhân duyên y tha khởi tánh, tức là người không tin vào nhân quả. Người nói tướng đoạn diệt của các pháp đều là tà kiến ngoại đạo.

Luận Thập Nghi chép: Về kẻ bất sinh bất diệt, đối với sinh duyên, các pháp hòa hợp, không giữ tự tính, mong cầu sinh thể cũng không thể được. Khi sinh này sinh không từ đâu đến nên gọi là “bất sinh”; khi các pháp tán diệt, không giữ tự tính, khi tán này diệt không đi về đâu, nên gọi là bất diệt. Chẳng phải ngoài nhân duyên sinh diệt có bất sinh bất diệt riêng, cũng không phải không cầu sinh Tịnh độ, thì gọi là “Vô sinh”.

Kệ chép:

*Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa Trung đạo.*

Lại nói:

*Các pháp không tự sinh
Cũng không từ khác sinh
Không cùng, chẳng không nhân
Cho nên nói vô sinh.*

Lại nói: Ví như có người xây dựng nhà cửa trên đất trống thì được tùy ý không bị trở ngại. Nếu xây trên hư không thì chẳng thể làm được. Chư Phật nói pháp thường dựa vào Nhị đế, không hoại giả danh mà nói Thật tướng các pháp. Bậc trí mạnh mẽ cầu sinh Tịnh độ, hiểu rõ sinh thể không thể được tức là chân vô sinh, đây gọi là tâm tịnh nên cõi Phật tịnh. Kẻ ngu bị sinh ràng buộc, nghe sinh thì hiểu là sinh, nghe vô sinh hiểu là vô sinh, không biết sinh tức là vô sinh, vô sinh tức sinh, không hiểu được lý này, chỉ một mực nghĩ thị phi, sân giận thấy người cầu sinh Tịnh độ cho là sai bậy.

Trường Lô nói: Vì cho sinh là sinh, thường thấy bị mất vì cho vô sinh là vô sinh nên bị đoạn kiến mê hoặc. Sinh mà vô sinh, vô sinh mà sinh là Đệ nhất nghĩa đế. Ngài Vĩnh Minh nói: Tánh tức là tướng, dụng không lìa thể, tướng tức là tánh, thể không lìa dụng. Nếu muốn khen ngợi tánh tức là khen ngợi tướng, nếu muốn chê bai tướng chỉ thành chê bai tánh. Ngài Thiên Như nói: Tánh hay hiện tướng, vô sinh tức sinh, tướng do tánh hiện, sinh tức vô sinh. Tiếng gió thổi qua cây, tiếng nước vọng lại là âm thanh mà vô thanh; cây báu, lan can, là sắc mà phi sắc, há lại giống với bò bay, khói tản ngao không và bọ ma bài bác nhân quả sao!

3. Phi tâm phi tướng môn.

Luận Bà-sa nói: Bồ-tát mới phát ý, trước nhớ nghĩ sắc tướng của Phật, tướng thể tướng nghiệp tướng quả tướng dụng, được thế lực bậc hạ, sau đó nghĩ nhớ bốn mươi pháp tâm Bất cộng của Phật, được thế lực bậc trung. Tiếp tục nghĩ đến Thật tướng Phật, được thế lực bậc thượng, không đắm trước sắc thân và pháp thân.

Kệ chép:

*Không tham đắm sắc thân
Pháp thân cũng không đắm
Khéo biết tất cả pháp
Vắng lặng như hư không.*

Luận Bảo Tín chép: Nướng vào theo nghĩa Phật.

Kinh chép: Phật bảo A-nan rằng: Như Lai chẳng phải là pháp có thể thấy được, cho nên nhãn thức không thấy được.

Kinh chép: Cái gọi là pháp không phải là việc có thể nói được, cho nên nhĩ thức không thể nghe được.

Kinh chép: “Tăng” tức là vô vi, cho nên không thể dùng thân tâm cúng dường, lễ bái khen ngợi.

Kinh Bát-nhã Ma-ha chép: Bồ-tát Ma-ha-tát niệm Phật, không dùng sắc để niệm, không dùng thọ tướng hành thức để niệm, vì tự tính pháp là không, không nên dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà niệm, không nên dùng giới định tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến để niệm. Không dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng để niệm. Vì sao? Vì tự tính các pháp là không, tự tính không thì vô sở niệm, vì vô sở niệm mới là niệm Phật.

Luận Trí Độ chép: Nếu Bồ-tát đối với chư Phật quá khứ mà chấp tướng phân biệt hồi hương thì không gọi là hồi hương. Vì có tướng là một bên, vô tướng là một bên, đường đi giữa hai bên này là Thật tướng

chư Phật. Cho nên nói các Phật quá khứ, rơi vào trong số tướng, nếu không chấp số tướng hồi hướng, gọi là bất điên đảo.

Kinh Phật Tạng chép: Thấy Thật tướng các pháp gọi là thấy Phật. Thế nào gọi là Thật tướng chư pháp? Vì các pháp rốt cuộc cũng chỉ là không vô sở hữu, người niệm Phật lia bỏ suy nghĩ, các ý tưởng không sinh, thì tâm vô phân biệt, không có tên gọi nên vô chướng ngại, vô dục vô đắc, bất khởi giác quán. Vì sao? Đây Xá-lợi-phất tùy theo sở niệm mà khởi phát tất cả các tướng, đều là tà kiến. Đây Xá-lợi-phất, tùy vô sở hữu, vô giác vô quán, vô sinh vô diệt, thông đạt điều ấy, gọi là niệm Phật, trong niệm như thế, không tham không đắm, không nghịch không thuận, vô danh vô tướng. Đây Xá-lợi-phất, vô tướng vô ngữ gọi là niệm Phật, trong đó cho đến không có niệm nhỏ vi tế. Hướng gì là thân khẩu ý nghiệp thô lậu, không có thân khẩu ý nghiệp xứ, vô thủ vô xả, vô tránh vô tụng, vô niệm vô phân biệt, vắng lặng vô tính, diệt các giác quán, đó gọi là niệm Phật. Đây Xá-lợi-phất, nếu người thành tựu các niệm này, muốn chuyển đất trong bốn thiên hạ thì tùy ý chuyển được, cũng có khả năng hàng phục trăm ngàn ức ma, hướng gì vô minh, từ các duyên luống dối mà khởi, không có tướng quyết định, pháp này như thế, vô tướng vô hý luận, vô sinh vô diệt, không thể nói năng, không thể phân biệt, vô ám vô minh, mà nhược ma dân không thể suy lường, nhưng thế tục cho rằng: Có chỗ giáo hóa mà nói rằng khi niệm Phật, đừng để sinh ý nghĩ, đừng sinh hý luận, đừng có phân biệt. Vì pháp này đều không, không có thể tánh, không thể niệm nhất tướng. Vô tướng là “Chân thật niệm Phật”. Lại chỉ quán nói rõ về niệm Phật Tam-muội rằng: Nên niệm thế nào? Là phục niệm (niệm trở lại). Ta nên từ tâm đắc Phật, từ thân đắc Phật, Phật không dùng tâm mà đắc, không dùng thân mà đắc, không dùng tâm được sắc tướng Phật, không dùng sắc được tâm Phật. Vì sao? Nói về tâm và sắc, Phật đều không có cho nên không dùng sắc tâm mà được Chánh đẳng giác. Sắc tướng Phật đã hết, cho đến thức cũng đã hết, điều Phật nói tận hết này người ngu không biết, người trí hiểu rồi không dùng thân miệng được Phật, không dùng trí tuệ được Phật. Vì sao? Trí tuệ vốn không thể được, tự ngã vốn không thể được, cũng không chỗ thấy

Tất cả các pháp vốn không thật có. Hoại bản, tuyệt bản, người niệm Phật như thế, gọi là môn Thật tướng niệm Phật, cũng gọi là “Tuyệt đãi môn”.

4. Ly tức ly phi môn.

Ngài Vĩnh Minh nói: Nếu chấp nội lực tức là tự tánh, nếu nói tha

lực thì thành tha tánh. Nếu nói cơ cảm giao nhau tức là cộng tánh. Nếu nói chẳng phải nhân chẳng phải duyên tức là vô nhân tánh, đều dính mắc ở chấp trước, chưa nhập vào viên thành, nên biết Phật lực khó suy nghĩ đến được, nhiệm mầu khó so lường. Ví như cây a-na-thức, người nữ sờ vào thì hoa liền mọc ra, cây này không có xúc giác, chẳng phải không có xúc giác, Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ bàn luận về niệm xúc cũng giống như thế. Lại như ngà voi do sấm chớp mà có vân, ngà voi này chẳng có tai, vì sao lại có nghe? Nếu không nghe thì làm sao có vân, lẽ ra các vật khác cũng phải có. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận, thanh trần cũng giống như thế. Lại như, người dưng sĩ nghĩ rằng tảng đá là con cọp, khi bắn mũi tên chẳng ghim vào đá, đá chẳng bị mũi tên ghim vào. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ bàn luận tinh tấn cũng giống như thế. Lại như có người đi xa, ngủ một mình trong căn nhà trống. Nửa đêm có con quỷ vác một thầy chết đến đặt trước mặt người ấy. Lại có một con quỷ khác, theo sau tức giận mắng chửi, nói là thầy chết của mình, quỷ đến trước nói mình tự vác đến, quỷ đến sau nói thật ra do mình vác đến. Hai con quỷ mỗi con nắm một tay của thầy chết mà giằng co, quỷ đến trước nói: Trong nhà này có người, hãy hỏi đi. Quỷ đến sau liền hỏi ai là người đã vác đến? Người này suy nghĩ: Hai con quỷ đều có sức mạnh, nếu mình nói dối cũng chết, chi bằng nói thật, liền nói quỷ trước vác đến. Quỷ đến sau rất tức giận bèn nắm cánh tay người này bẻ lòi quăng xuống đất, quỷ đến trước liền lấy một cánh tay của thầy chết gắn vào. Cứ như thế, hai tay, hai chân, đầu, hai bên sườn, toàn thân đều thay đổi. Bấy giờ hai con quỷ cùng nhau ăn thân người đã bị thay đổi kia, sau đó quẹt miệng bỏ đi. Người ấy suy nghĩ: Chính mắt ta trông thấy thân mình bị quỷ ăn hết, thân ta hiện giờ đều là thịt của người khác. Từ đó, người này lúc nào cũng nghĩ là thân của người khác, cho đến năm thứ dục lạc cũng không tham đắm, vì là thân của người khác nên không nên cấp dưỡng nuôi nó. Cho đến vợ con cũng không sinh nhiễm trước, vì là thân của người khác nên không nên có nhiễm. Cho đến các thứ quả trách khổ nhục cũng đều vâng chịu, vì là thân của người khác nên không còn kiêu mạn. Lại bỗng tự chấp: Nếu là người khác thì không có ngã, nếu chẳng phải người khác thì thân người khác ở hiện tại đối với thân này chẳng phải người khác, không phải chẳng phải người khác, chẳng phải ta, không phải chẳng phải ta, ta cũng không thật có, người khác cũng không thật có, từ xưa đến nay thường tự như thế. Tức thời biết được tất cả pháp, là ta hay chẳng phải ta đều là vọng chấp. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận về

quán lực, thấy Phật, mình người cũng giống như thế.

Lại như có người nghèo tên là Thương Khư Khai tin lời người giàu nói rằng nhảy vào lửa không bị cháy, xuống nước không bị chìm, gieo mình từ trên cao xuống mà không bị hề hấn gì, cho đến tùy theo những lời nói dối đều được vật báu chân thật, nhưng người nghèo này không có phương thuật như người khác. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận về tham dục, được ngôi vị Bảo vương của Phật cũng giống như thế.

Lại như hang trống tùy theo âm thanh mà có tiếng vang, tiếng vang này chẳng phải từ hư không đến, không từ hang trống đến, không từ âm thanh đến. Nếu từ hư không đến thì lẽ ra hư không nên có tiếng vang, nếu từ hang trống đến thì lẽ ra hang trống nên thường thường có tiếng vang, nếu từ âm thanh đến thì lúc gọi ở đất bằng thì lẽ ra tiếng vang này cũng truyền, cho đến chẳng phải hòa hợp mà đến, chẳng phải nhân duyên mà đến, chẳng phải tự nhiên đến. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận tướng âm thanh chẳng đến chẳng đi cũng giống như thế. Lại như người ảo thuật, như con ngựa mà huyền trưởng giả yêu mến thu vào trong cái bình nhỏ, bình không lớn thêm mà ngựa vẫn chạy nhảy như thường. Trưởng giả bày thức ăn xong thì ngựa bị cột vào trụ như cũ. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận pháp huyền biến hiện ra cõi Phật cũng giống như thế.

Lại như thuốc Ha-trạch-ca, nếu người có thuốc này, dùng một lượng biến thành ngàn lượng đồng, đều thành vàng ròng, chẳng phải ngàn lượng đồng có công năng biến thành thuốc này. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận về thuốc, chỉ uế thành tịnh cũng giống như thế. Lại như có người được thuốc An-thiện-na, dùng để bôi vào mắt, dù đi giữa mọi người mà không ai thấy. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ, bàn luận năng lực của thuốc, đối với niệm niệm sinh được thân vô sinh cũng giống như thế. Lại nói như hương Vô năng thắng, nếu bôi hương này vào mặt trống thì khi đánh âm thanh phát ra tất cả quân địch đều tự rút lui.

Lại như vua Chuyển Luân có thứ hương tên là Hải tạng, nếu đốt một viên thì vua và bốn thứ quân đều bay lên hư không. Bồ-tát Ma-ha-tát không thể suy nghĩ bàn luận hương chánh niệm hàng phục các ma quân, vượt qua ba cõi cũng giống như thế.

Cho nên phải biết niệm Phật Tam-muội không thể suy nghĩ, bàn luận. Như lỗ chân lông của Ngài Phổ Hiền không thể suy nghĩ, bàn luận. Như bụng của phu nhân Ma-da không thể suy nghĩ, bàn luận, như

trường thất của Ngài Tịnh Danh không thể suy nghĩ, bàn luận. Như cái bình nhỏ của Ưu-bà-di Cù tức không thể suy nghĩ, bàn luận. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không thể suy nghĩ, bàn luận. Cho nên nếu có một mảy đầu lông mà có thể suy nghĩ, bàn luận thì chẳng phải biến tánh pháp giới.

Như trên nói tâm, nói cảnh, nói có tướng, vô tướng đều là pháp có thể suy nghĩ, bàn luận, nếu nhập vào sự giải thoát không thể suy nghĩ, bàn luận này thì liền biết tất cả phân biệt niệm Phật đều là lý luận.

THỨ 6: XỨNG TÁNH MÔN

Tất cả Hiền Thánh đều xứng tâm mà thực hành, pháp tánh vô biên, biến hạnh vô lượng, cho nên hoặc trong một sát-na mà thực hành viên mãn tam-kỳ, hoặc Hằng hà sa kiếp mà không thành một niệm. Dấu chim bay trên hư không phân biệt rõ giới hạn của địa vị; gió thổi trong nắng ấm, nói lên ảnh tượng quá khứ, hiện tại; không chân mà chạy, Xá-a-di lấy gì để đến; không mau mà chóng, biết Tây phương chẳng xa. Thí như năm mẫu, chí huyền thì mất, muôn dòng lấy biển làm cùng cực. Ở đây y cứ vào Đại thừa, các hạnh đều vào một hạnh, lược chỉ bày năm môn: Tín tâm hạnh, Chỉ quán hạnh, Lục độ hạnh, Bi nguyện hạnh và Xứng pháp hạnh. Về Tín tâm hạnh, kinh dạy: Tín là nguồn gốc của đạo, là mẹ sinh ra các công đức. Tất cả các hạnh đều lấy Tín làm chánh nhân, cho đến quả Bồ-đề viên mãn cũng chỉ là hoàn thành gốc Tín này. Như hạt giống rơi xuống đất, đợi đến khi thành quả, không khác với hạt giống ban đầu. Bồ-tát mới phát tâm đều nương vào Tín lực này mà được thành tựu, cho nên trong pháp môn Liên tông hoàn toàn nương vào Tín này làm cội gốc:

1. Tin Phật A-di-đà có trí bất động, trí căn bản không khác gì với ta. Như một bầu hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây giăng thì bị che, hư không vốn là vô, cho nên mây và mặt trời đều tức là hư không.

2. Tin Phật A-di-đà từ khi phát nguyện đến nay, trong na-do-tha kiếp, tất cả các sự việc tu tập khó thực hành, khó nhẫn chịu ta đều thực hành được. Vì sao? Vì ta tự nhớ trong vô thủy kiếp chìm đắm trong ba đường, khổ sinh khổ tử, khổ mang lông đội sừng, khổ giường sắt cột đồng, tất cả khổ vô ích ta đều chịu đựng được, hướng chỉ như ngày nay Bồ-tát có muôn hạnh cứu giúp việc chúng sinh, chẳng lẽ không làm được hay sao?

3. Tin Phật A-di-đà có vô lượng trí tuệ, vô lượng thần thông và thành tựu vô lượng nguyện lực... ta cũng sẽ được. Vì sao? Vì Như Lai có

phương tiện tự tánh, có những việc không thể suy nghĩ, bàn luận như thế, ta và Như Lai đồng nhất, vì tự thể là tánh thanh tịnh.

4. Tin Phật A-di-đà không đi không đến, ta cũng không đi không đến, Tây phương và cõi này không cách nhau dù khoảng cách nhỏ như đầu sợi lông, muốn thấy thì thấy ngay. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều lấy pháp tánh làm thân và cõi.

5. Tin Phật A-di-đà tu hành trải qua nhiều kiếp, thẳng đến khi chứng quả, không đời một sát-na, nay ta cũng không đời một sát-na, địa vị ngang bằng với chư Phật. Vì sao? Vì thời phân là thuộc về nghiệp, trong biển pháp giới thì nghiệp không có thật. Cho nên Như Lai tín giải nghĩa là vào đạo sơ tâm, tin vào hạnh Tịnh độ của tất cả chư Phật.

Về chỉ quán hạnh, như các kinh Phương Đẳng, Viên Giác, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm... các học giả xưa nay rộng lập ra quán môn chỉ có ba quán của tông Thiên Thai là thẳng tắt nhất, chỉ bày nôm bầy của nhất tâm, nêu lên yếu lãnh của các pháp, đường tắt tu hành không gì vượt hơn pháp môn này. Tông chỉ của Tây phương tự có mười sáu chánh quán, nhưng trong mỗi pháp quán bao gồm đủ ba nghĩa này, cho nên tông Thiên Thai giải thích kinh đều dùng ba để để thâm nhiếp mười sáu pháp quán kia. Diệu Tông sao chép: Thể của ba đức trong tánh là ba thân của chư Phật, tức là ba đức của ba thân này, là nhất tâm ba quán của ta. Nếu không như thế thì ngoài quán có Phật, cảnh không tức tâm thì làm sao gọi là pháp quán Viên tông tuyệt đãi? Cũng có thể lấy ba thân của Phật Di-đà để làm pháp thân, lấy ba quán của ta để làm Bát-nhã. Quán thành thì thấy Phật, tức giải thoát, nêu một mà đủ ba, như nghĩa Y mới. Quán Phật đã như thế thì quán các thứ y báo, chánh báo, lý chẳng phải khác đường, rộng như trong sơ sao, ở đây không thể nói hết. Còn như Thiền sư Ôn Lăng thuần dùng niệm Phật, một câu nhập vào pháp môn ba quán, lời nói và ý niệm đều nằm trong ba quán. Như một câu Phật liền rõ năng niệm này thể không, sở niệm vô tướng, tức niệm nằm trong không quán, Phật sở niệm tức là ứng thân, ngay nơi tâm dứt bỏ được kiến hoặc, tư hoặc. Tuy năng niệm thể là không, sở niệm vô tướng nhưng không ngại năng niệm rõ ràng, sở niệm hiển nhiên. Ý niệm nằm trong giả quán, Phật sở niệm tức là báo thân, ngay nơi tâm dứt được hoặc trần sa. Ngay khi năng niệm, sở niệm là không tức năng niệm, sở niệm hiển bày tức là năng niệm, sở niệm vắng lặng, không và giả giúp nhau tồn tại. Ý niệm nằm trong Trung quán, Phật sở niệm tức là pháp thân, ngay nơi tâm dứt bỏ được hoặc vô minh. Lại ngay nơi nhân niệm Phật là ba đế rốt ráo, thanh tịnh bốn cõi kia. Như giơ lên một hạt

bụi nhỏ, biến mặt đất thành vàng ròng, đó là quán môn không thể suy nghĩ bàn luận của pháp giới viên dung.

Về Lục độ hạnh, luận Khởi Tín chép: Bồ-tát từ khi mới phát tâm chánh tín cho đến nay, khi A-tăng-kỳ thứ nhất sắp viên mãn, đối với pháp chân như sự hiểu biết sâu sắc hiện tiền, sở tu là tướng, biết thể của pháp tánh xa lìa san tham, mà thuận theo tu hành Đản ba-la-mật; vì pháp tánh vô nhiễm, xa lìa lỗi lầm của ngũ dục lạc, mà thuận theo tu hành Giới ba-la-mật; vì pháp tánh không có khổ, xa lìa sân não mà thuận theo tu hành Nhẫn ba-la-mật; vì pháp tánh không có tướng thân tâm, xa lìa tiếng nhạc mà thuận theo tu hành Tinh tấn ba-la-mật; vì pháp tánh thường định, thể không loạn động mà thuận theo tu hành Thiền ba-la-mật; vì thể của pháp tánh là sáng suốt, xa lìa vô minh mà thuận theo tu hành Bát-nhã ba-la-mật; vì luận Trí Độ chép: Bồ-tát quán tất cả pháp rốt ráo không, không sinh tâm san tham. Vì sao? Vì trong rốt ráo không chẳng có san tham, vì cội gốc san tham đã nhổ bỏ, cho đến Bát-nhã ba-la-mật rốt ráo không, thường không sinh tâm si mê. Vì sao? Vì Phật nói tất cả pháp không có bố thí, không có nhận lãnh, không có giới, không có phạm, cho đến không có trí, không có ngu. Lại nói: Bồ-tát tuy không thấy bố thí nhưng dùng thanh tịnh không tâm để bố thí, nghĩ rằng: Đây là bố thí không vô sở hữu, vì chúng sinh cần nên bố thí cho, như đưa trẻ cho đất là vàng bạc, còn trưởng giả thì không thấy là vàng bạc nên tùy ý mà cho, chứ rốt ráo không có cho. Năm pháp còn lại cũng giống như thế. Đó gọi là Bồ-tát thực hành Lục độ. Người tu Tịnh độ thì không có các danh tướng sai biệt như thế, nhưng cũng không vượt qua ngoài một hạnh. Nếu có sáu nghĩa này thì:

1. Xóa bỏ các tạp niệm, đó là thực hành bố thí. Lại ràng buộc vào Phật, không trụ trong niệm xả, đó là tánh thí.

2. Trong mỗi niệm đều thanh tịnh, đó là thực hành giữ giới. Lại ràng buộc vào Phật, không cầu niệm vắng lặng, đó là tánh giới.

3. Các niệm thế gian đều vắng lặng, đó là thực hành nhẫn nhục. Lại ràng buộc vào Phật, chẳng ghi nhớ niệm, đó gọi là tánh nhẫn.

4. Rốt ráo niệm không khởi, đó là thực hành tinh tấn. Cho nên một niệm chính là không đắm trước khổ hạnh, đó gọi là tánh tinh tấn.

5. Đắc niệm Tam-muội, đó gọi là thực hành định. Cho nên niệm niệm là Phật, không tham thiền vị, đó là đại định.

6. Rõ được nhân niệm Phật, ngay nơi niệm là Phật, đó là thực hành trí. Cho nên niệm vốn chẳng thật có, Phật vốn chẳng phải vô, không rơi vào đoạn thường, đó là Nhất thiết chủng trí. Vì thế pháp môn

niệm Phật có khả năng bao gồm các hạnh. Vì sao? Vì niệm Phật là pháp môn nhất tâm, ngoài tâm không có các hạnh, cố nhiên cũng không bỏ các hạnh, nếu bỏ các hạnh tức là bỏ tâm.

Về Bi nguyện hạnh, chư Phật, Bồ-tát có biển tánh vô tận, cúng dường vô tận, giới thí vô tận, cho đến nhiều ích vô tận. Như Ngài Phổ Hiền phát ra mười nguyện lớn, thế gian hư không, thế giới chúng sinh không có lúc cùng tận, nguyện này của ta cũng không có cùng tận, Tam nghiệp thân, ngữ, ý không có mệt mỏi, gọi là nguyện vương. Tất cả chư Phật đều thành tựu nguyện vương như thế, chứng quả Niết-bàn, cho nên trong Tịnh độ ngũ niệm Phật, Bồ-tát Thiên Thân dùng hạnh lễ bái, khen ngợi làm nguyện để quán sát bốn thứ trước. Vì thành tựu nhập vào công đức môn, hồi hướng cho tất cả chúng sinh phiền não, khổ gốc khổ thế gian. Vì thành tựu xuất công đức môn nên Bồ-tát tu năm niệm môn, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vấn nạn rằng: Phật và chúng sinh vốn không thật có, như kinh Tịnh Danh nói Bồ-tát quán sát chúng sinh như âm vang của tiếng gọi, như chùm bọt nước, như sự chắc thật của cây chuối, như sự tồn tại lâu dài của tia chớp, như sắc của cội Vô sắc, như mầm non đã bị đốt cháy, như Bồ-tát đặc nhãn mà tham nhuế hủy hoại giới cấm, như tập khí phiền não của Phật, như đã thức giấc đối với những điều đã thấy trong giấc mộng. Bồ-tát quán sát chúng sinh là khổ, cho nên chúng sinh vốn không, Bồ-tát phát các thứ nguyện lợi sinh lẽ nào như mắt thấy hoa đốm trong hư không chẳng? Đáp rằng: Trong Luận Trí Độ, Phật nói trong đây nói không có Phật là phá ý tưởng chấp Phật, chứ không nói về tướng chấp không có Phật, cho nên phải biết nói không có chúng sinh là phá ý tưởng chấp chúng sinh, chứ không nói về tướng chấp không có chúng sinh, như kinh Tịnh Danh chép: Bồ-tát thực hành quán này rồi, tự nói rằng: “Ta sẽ giảng nói pháp như thế cho chúng sinh nghe”, tức là lòng từ chân thật, tức là biết Bồ-tát không chấp tướng vô chúng sinh, chân thật lợi sinh, chân thật Bi nguyện, không có việc độ chúng sinh riêng.

Lại như kinh Bát-nhã, Bồ-tát vào sâu trong đại Bi, như người cha lành thấy con vì không có vật gì giá trị nên bị chết đi, người cha rất thương xót đưa con này chỉ vì luống dối cho nên chết. Chư Phật cũng giống như thế, biết các pháp không, rốt ráo không có thật, nhưng chúng sinh không biết, vì chúng sinh không biết nên đắm nhiễm pháp không, vì nhân duyên đắm nhiễm nên đọa vào đại địa ngục, vì thế Bồ-tát vào sâu trong đại Bi, chư Phật hưng khởi tâm từ bi chính là vì chúng sinh không, chúng sinh đi vào trong sinh tử một cách luống dối, đâu có lý lại

dứt Bi nguyện, cho nên Bồ-tát độ sinh bằng mọi cách, đó là thấu đạt sâu xa nghĩa không có chúng sinh. Vì sao? Vì nếu thấy có chúng sinh thì liền có ngã, tâm Từ bi yếu kém, đâu thể thực hành hạnh nhiều ích như thế. Lại bậc tiên đức có dạy: Chưa đạt được địa vị rốt ráo thì hoàn toàn có pháp môn tự lợi, từ Thập tín sơ tâm lần lượt trải qua Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, thẳng đến đẳng giác trước khi thành Phật Phổ Hiền vẫn còn là pháp môn tự lợi, lợi tha, khi bước lên địa vị Diệu giác, sau khi thành Phật Phổ Hiền mới là hạnh lợi tha, như Phật bảo Tỳ-kheo: Quả báo công đức rất sâu xa, không có ai biết ân phần như ta, ta tuy đã hết bờ mé nhưng nhờ tâm mong muốn không thỏa mãn nên mới thành Phật, vì thế nay vẫn không dừng nghĩ tuy không còn công đức nào khả đắc thì tâm mong muốn của ta vẫn chưa thôi. Nên biết biển hạnh vô biên, không thể dùng gậy, sào, thước gỗ mà dò được tận đáy, như đứa trẻ ngờ nghệch thấy người chỉ vào cây sào trước cửa nói là cao đến nửa tầng trời, liền suy nghĩ cho là từ đất đến trời chỉ cao khoảng hai cây sào, Phật pháp hý luận cũng giống như thế.

Về Xứng pháp hạnh thì biển pháp giới rộng vô lượng, vô biên, biển hạnh Bồ-tát cũng vô lượng vô biên, hư không dính mầu thì phần mực luống nhọc, pháp giới không phương hướng thì dấu vết làm sao dùng? Cho nên hạnh tự tánh của Bồ-tát chẳng phải có chẳng phải vô, chẳng phải thực hành, chẳng phải không thực hành, nhưng là hạnh xứng pháp tự tại.

1. Bồ-tát độ tất cả chúng sinh rốt ráo được Niết-bàn vô dư, nhưng thế giới chúng sinh không bớt, như con rối lên sân khấu thì buồn vui rõ ràng, chỉ là một khối đất bùn, là không, chẳng có thật, đó là xứng pháp hạnh.

2. Bồ-tát thực hành năm vô gián nhưng không có phiền não sân nhuế, khi vào địa ngục không có các tội cấu, khi đọa súc sinh không có các lỗi vô minh kiêu mạn,... như dâm nữ lìa hồn đi về hương nào thích đi, cho đến sinh con, nhưng thân thường ở trước cha mẹ, đó là xứng pháp hạnh.

3. Bồ-tát tự thân nhập định, thân khác xuất định, một thân nhập định, nhiều thân xuất định, từ thân hữu tình nhập định, từ thân vô tình xuất định. Như cọp dữ dựng thân chết dậy, quỳ lạy múa men, chỉ là ý muốn của cọp, thân chết vốn không biết, đó là xứng pháp hạnh.

4. Bồ-tát nơi thân một chúng sinh nhỏ mà quay bánh xe Đại pháp, đốt lên ngọn đuốc Đại pháp, chấn khởi lên sấm Đại pháp, cung ma sụp đổ, mặt đất rung chuyển, độ vô lượng, vô biên chúng sinh, nhưng chúng

sinh nhỏ này không hay không biết. Như người đánh nhạc của trời Đế Thích chạy trốn vào lỗ mũi của một cô gái nhỏ, tìm khắp không được, nhưng cô gái này không hay không biết. Đó là xứng đạo hạnh.

5. Bồ-tát muốn trụ lại lâu dài ở thế gian, liền kéo dài một niệm thành vô lượng, vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Nếu muốn trụ lại thế gian trong thời gian ngắn thì rút ngắn vô lượng vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp thành một niệm, như đứa bé xem ngựa chạy trong chiếc đèn kéo quân, chấp là nhiều ít, đầu đuôi hoàn toàn không thật có, đó là xứng pháp hạnh.

Cho nên nếu chứng được hạnh không thể suy nghĩ, bàn luận như thế thì trong một niệm Tịnh độ của chư Phật ba đời đều thuộc về vô dư, đó gọi là hạnh trang nghiêm Tịnh độ của Bồ-tát, vì không có suy nghĩ trí chiếu để thấy, tình lượng chẳng thể so lường. Vì sao? Vì tự tánh vượt ngoài tất cả lượng.

THỨ 7: VẮNG SINH MÔN

Rốt ráo được Niết-bàn, chỉ trừ Như Lai. Nhị thừa phá hữu chấp không, giả gọi là vắng lặng. Bồ-tát phát chân vô lậu, phần phá vô minh. Hướng chỉ là căn thấp hiểu cạn như một giọt nước so với biển cả, buông lung vui chơi, cho việc tu hành là ràng buộc, tự giết mình và giết người khác, chẳng khác nào liều độc dược. Như thời Phật tại thế, có một Tỳ-kheo đạt được tứ thiên, sinh tâm tăng thượng mạn. Cho rằng đã đắc quả A-la-hán, không cầu tiến nữa. Đến lúc sắp qua đời, thấy có tướng trung ấm tứ thiên hiện ra, bèn sinh tà kiến, nói rằng không có Niết-bàn, rằng Đức Phật lừa dối mình. Vì sinh tà kiến, nên mất trung ấm tứ thiên, bèn hiện tướng trung ấm trong địa ngục A-tỳ, khi qua đời thì đọa vào địa ngục A-tỳ. Trường hợp này vẫn là ngôi thiên giữ giới, vì một niệm vọng chứng, nên bị đắm chìm trong ngục tối. Nay người tu Thiên chỉ đạt một ít thành tựu đã cho là đủ, đến khi lệch lạc tâm tướng xa rời quỹ đạo của cái thiện, bị ác báo lại không biết vì sao? Người xưa nói: Không sinh Tịnh độ thì còn độ nào để sinh? Đường tam-kỳ xa xôi, người nhập vào pháp môn khác phần nhiều lui sụt, vì thế trong dòng Thánh xưa nay đều chủ trương pháp môn Tịnh độ. Nay lược giải sáu trường hợp để làm chỉ nam.

- Bồ-tát sinh làm người.
- Bồ-tát sinh lên trời Đâu-suất.
- Bồ-tát sinh lên trời Trường thọ.
- Bồ-tát sinh giới ngoại.

- Bồ-tát khi mới phát tâm, sinh vào nhà Như Lai.

- Bồ-tát công hạnh trong ba A-tăng-kỳ viên mãn, sinh vào các thế giới trong mười phương làm lợi ích tất cả chúng sinh.

1. Bồ-tát sinh làm người.

Như kinh Bát-nhã chép: Có Bồ-tát qua đời trong cõi người lại được sinh làm người, trừ A-bệ-bạt trí, Bồ-tát này là độn căn, không thể nhanh chóng tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật. Các Đà-la-ni môn, Tam-muội môn không thể nhanh chóng hiện tiền. Sống trong nhà lửa cõi người, có hàng trăm nỗi khổ trói buộc, chỉ có Đại Bồ-tát sống trong đó mới không bị đắm nhiễm hệ lụy, như con thiên nga xuống nước, không bị nước làm ướt. Nếu các tiểu Bồ-tát, không trồng sâu thiện căn thì tiến một bước nhưng lùi cả chục bước, làm sao mà đạt được các Tam-muội. Như Xá-lợi-phất trong một ngàn lẻ sáu mươi kiếp hành đạo Bồ-tát, khi muốn qua sông bố thí, thì có người khát thực đến xin đôi mắt của Ngài, Xá-lợi-phất cho người ấy một con mắt. Người ấy được con mắt, cầm lên mũi người rồi vứt bỏ ngay trước mặt Xá-lợi-phất, lại dùng chân dẫm đạp. Xá-lợi-phất nghĩ rằng, loại người như vậy khó mà độ được, chẳng bằng tự điều phục, sớm thoát khỏi sinh tử. Nghĩ đoạn, Ngài bèn lui sụt đạo Bồ-tát trở về Tiểu thừa. Lại như vị tiên bay đi trên hư không, bị phu nhân của vua chạm tay nên thần thông liền mất, dùng thuốc hoan hỷ để thông dâm. Hiền Thánh còn như thế, huống chi là mới phát tâm. Đâu bằng nhất niệm Di-đà, Tam-muội mau hiện, gá chất Liên bang, lia hẵn tham dục.

Luận chép: Bồ-tát vì không thấy Phật hiện tại, nên tâm độn, vì thế nên biết rằng Bồ-tát phải thường gần Phật, vì gần gũi Phật thì tánh bén nhạy, chóng được Bát-nhã.

2. Bồ-tát sinh lên tầng trời Đâu-suất: Vì Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đều sinh Đâu-suất. Muốn theo Bồ-tát hạ sinh, cũng sinh ở đó. Luận Thập Nghi chép: “Tầng trời Đâu-suất thuộc về cõi dục, nhiều người lui sụt. Lại có người nữ, làm cho các vị trời thêm lớn ái dục, thiên nữ xinh đẹp, chư Thiên ham chơi, tự không thể lìa bỏ được. Chẳng bằng Tịnh độ A-di-đà, thuần nhất Đại thừa, bạn lành thanh tịnh, phiền não ác nghiệp đều không sinh khởi, tu đến địa vị vô sinh. Như Bồ-tát Sư Tử Giác sinh ở tầng trời đó, vì hưởng thụ thú vui cõi trời, từ khi sinh đến giờ chưa được thấy Đức Di-lặc, các tiểu Bồ-tát còn đắm ngũ dục, huống chi kẻ phàm phu? Lại kinh Di-lặc Thượng Sinh, nhập được chánh định thì mới được sinh, lại không có nghĩa phương tiện dắt dẫn, cho nên nội viện Đâu-suất còn không cầu sinh, huống gì các tầng trời cõi Dục là rừng diêu dục.

3. Bồ-tát sinh lên trời Trường thọ.

Luận Trí Độ chép: Bồ-tát không có phương tiện nhập Sơ thiên, cho đến thực hành Lục Ba-la-mật cũng không có phương tiện. Khi nhập Sơ thiên, không nghĩ nhớ chúng sinh, lúc nhập thiên lúc xuất thiên, không nghĩ nhớ chúng sinh chỉ đắm vị thiên, không thể hòa hợp với sơ thiên thực hành Bát-nhã ba-la-mật, là vì Bồ-tát tâm Từ bi yếu kém. Công đức mỏng manh, quả báo sơ thiên lôi kéo, sinh lên tầng trời Trường thọ. Tầng trời Trường thọ, không phải là nơi Hữu tướng, không phải là nơi Vô tướng, thọ tám muôn đại kiếp, hoặc có người nói rằng tất cả vô sắc định, đều có tên gọi chung là Trường thọ thiên, vì vô hình nên không thể giáo hóa. Chưa được đắc đạo, thường là phạm phu xứ, có chỗ nói rằng “Vô tướng thiên”, gọi là Trường thọ, cũng chưa đắc đạo. Hoặc nói từ sơ thiên đến đệ tứ thiên, trừ tầng trời Tịnh cư, đều gọi là Trường thọ, vì chấp vị tà kiến, nên thiện tâm khó sinh, như trong kinh nói: Phật hỏi Tỳ-kheo, đất dính trên móng tay là nhiều hay đất của đại địa là nhiều. Các Tỳ-kheo trả lời: Đất của đại địa là nhiều, không thể ví dụ. Phật nói: người qua đời trên cõi trời lại sinh xuống làm người ít như đầu móng tay, còn người bị đọa xuống địa ngục nhiều như đất trên đại địa. Vì sao? Vì vốn phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hoặc trong Thiên nhóm họp các phước đức, mới được sinh lại cõi người, được nghe Phật pháp. Nếu là người đầu tiên phát tâm cầu sinh Tịnh độ thì sẽ thường được nghe pháp, cho đến không còn lui sụt. đâu có các lỗi như thế ư?

4. Bồ-tát sinh ngoài ba cõi.

Gồm hai loại:

1. Nhị thừa, ba loại Bồ-tát; chiết phục hiện hành phiền não, bỏ phần đoạn mà sinh giới ngoại, bi trí thấp kém, đối với việc trang nghiêm Tịnh độ, lợi tha không sinh hoan hỷ bị Như Lai quở trách. Nếu không hồi tâm thực hành Lục độ, thì rốt cuộc sẽ không vào được biển trí Đại thừa.

2. Bồ-tát pháp thân, như kinh Bát-nhã, Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Có Bồ-tát Ma-ha-tát chứng được sáu thần thông, không sinh cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi chư Phật. Nay Xá-lợi-phất có Bồ-tát Ma-ha-tát du hí thần thông, từ cõi Phật này sang cõi Phật khác, những nơi đến đều không có Thanh văn, Bích-chi cho đến không có danh từ Nhị thừa. Nay Xá-lợi-phất, có nơi mà Bồ-tát Ma-ha-tát đến, ở đấy có tuổi thọ vô lượng. Giải thích rằng: Bồ-tát có hai loại: Một là Bồ-tát sinh thân, hai là Bồ-tát pháp thân. Bồ-tát Pháp thân dứt bỏ kết sử, được sáu thần thông.

Bồ-tát sinh thân không dứt bỏ kết sử, hoặc lia đục, được năm thứ thân thông. Người được sáu thân thông không sinh vào ba cõi, những thế giới nào họ đến đều là nhất thừa thanh tịnh, thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, Bồ-tát sinh về cõi ấy là do ưa thích chứa nhóm công đức của chư Phật. Nên biết Bồ-tát có sáu thân thông mới được sinh về đó, đó là việc rất ít có. Kẻ phàm phu vãng sinh là nhờ Phật lực, lại vì niệm lực là bất khả tư nghì, trong mỗi niệm đều có sáu thân thông.

5. Bồ-tát lúc mới phát tâm sinh vào nhà Như Lai:

Đó là người có thượng thượng căn chónh nêu bày bản trí, sơ tâm khởi phát, trên giai vị Thập trụ, tức đồng với Phật. Như trong kinh Hoa Nghiêm, có một hạng Bồ-tát trải qua trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, thực hành Lục Ba-la-mật, không sinh vào nhà Phật, vẫn là giả danh Bồ-tát, vì tuy thấy Phật tính nhưng chưa hiện bày trí nghiệp.

Luận Trường Giả Quyết Nghi chép: Sơ phát tâm trụ, nói về từ thiện định hiển đặc căn bản không trí tuệ môn, vô minh mới vừa hết, trí tuệ vừa sáng, bắt đầu sinh vào nhà trí tuệ của Như Lai, gọi là vào nơi Phật trụ. Cho nên được nhớ nghĩ pháp môn của tất cả chư Phật cảnh giới trí tuệ quang minh phổ môn. Nhờ đây mà thấy đạo, không có các kiến chấp xưa nay, giữa, bên... trải qua năm vị, rèn luyện thói quen, tăng trưởng Từ bi, gọi là tu đạo. Cho nên nói rằng mới phát tâm liền thành Chánh giác, mới có thể tu đạo. Như Thiện Tài đi về phương Nam tìm các bạn lành đều nói rằng: Ta đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sao nói là học đạo Bồ-tát, tu Bồ-tát hạnh, mà không nói là tăng trưởng Phật đạo? Vì trí căn bản do định mà hiển đặc, vô tác vô tu, chỉ học hạnh Bồ-tát, trí căn bản tự sáng tự bày. Nếu không được thể Chánh giác thì các hạnh đều là vô thường, nghiệp báo sinh tử của trời người. Lại nói rằng trải qua đời này hể vừa phát tâm tương ứng thì được chính trí, đối với thân phần đoạn thì tâm quán hạnh thành, tu cả thiện nghiệp, đời sau nhập thân biến dịch, vì thân phần đoạn đời này là do tác nghiệp ở quá khứ, đời này dùng trí tu quán hành nghiệp, đời sau được thân thông biến hóa sinh. Như thập thiện nghiệp còn sinh lên cõi trời, đắc nghiệp báo thân thông như rồng đại lực quý còn do ác nghiệp vô minh mà có thân thông, huống gì đạo nhân khai mở từ thiện căn lực, sử trí thân dụng, nhất sinh tác ý, mà đời sau không được đại dụng thân thông hay sao?

Tông kính lực chép: Người sơ tâm thành Phật chẳng gọi là không đầy đủ các công đức. Như kính nói đồng tử Phổ Trang Nghiêm một đời được huân tập nghe việc lành, hai đời thành tựu giải hạnh, ba đời được

vào biển quả, đồng một duyên khởi mà ba đời này chỉ trong một niệm như đi xa khởi đầu từ bước đầu tiên, nhưng đến từ bước đầu tiên này chẳng phải không từ bước sau, thấy rõ đồng tử này được vào biển quả đều do từ lâu đã trồng thiện căn.

Hỏi: Tu tập lâu mới được thì sao lại nói một niệm mà được?

Đáp: Nói tu tập thiện căn đã lâu tức thuộc về Tam Thừa giáo, từ Tam thừa nhập Nhất thừa tức là tu tập đầy đủ một niệm đầu tiên. Nên kinh nói: Khi sơ phát tâm bèn thành chánh giác. Ví như các con sông về biển, dù chỉ một giọt mới chảy vào biển thì vẫn gọi chung là biển lớn, không có đầu cuối. Dù nước trăm sông thật nhiều cũng không bằng một giọt chảy vào biển lớn, như tu tập nhiều kiếp trong Tam Thừa không bằng một niệm của Nhất thừa. Số thời kiếp ấy không nhất định, hoặc một niệm tức vô lượng kiếp, như thời xứ của mười huyền môn là vô ngại. Vả lại Đại thừa nói về một niệm thành Phật có hai: Một là tập hợp duyên để vào thật tánh vì không có ít nhiều nên rõ ràng một niệm thành Phật. Hai là, nhiều hạnh mới đủ, lấy niệm sau cùng gọi là một niệm thành Phật. Như người đi xa lấy bước sau cùng làm đích đến. Nếu Nhất thừa nói nhất niệm thành Phật thì cũng như Đại thừa lấy niệm sau chót thành Phật. Nếu vào Nhất thừa thì lấy sau cuối làm đầu tiên, niệm đầu tiên tức là thành tựu. Vì sao? Vì nhân quả tương tức, đồng thời tương ứng. Nhưng một niệm thành tựu tức đồng địa với Phật, chưa được cứu cánh nên có sự sâu cạn khác nhau. Như người mới ra khỏi cửa và đã dạo lâu nơi vùng khác, tuy đồng trong khoảng không nhưng xa gần khác nhau. Do đó năm địa vị Thập tín, Thập trụ... đều gọi là thành Phật nhưng phân biệt sâu cạn, ở đây nên suy nghĩ kỹ. Như hai đại sĩ nói nên biết bậc ngộ đạt của Thiền môn không được bỏ tất cả hạnh làm tiêu hết kết tập từ vô thủy. Sống trong đời trước ác này phạm tiến được một bước thì lùi muôn bước, nếu không gần gũi Phật, phiến cấu tích tụ thì do đâu thành tựu. Như Thiện Tài khi sơ phát tâm ngộ đạo, Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn nhớ nghĩ tất cả chư Phật; sau khi vào lầu Di-lặc, Bồ-tát Phổ Hiền vì phát mười đại nguyện vương mà được sinh Cực lạc, đây đều là mẫu mực vào đạo của tất cả các Đức Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm nói về môn Nhất chân pháp giới khác với các giáo pháp khác, có quyền có thật, nếu không tin kinh này thì chính Phật là Xiển-đề. Tuy được Thích-ca khen ngợi, Phổ Hiền khuyên rằng, Di-lặc chứng minh thì cũng chỉ như vậy mà thôi.

6. Bồ-tát hạnh tu trong ba A-tăng-kỳ viên mãn.

Sinh vào các thế giới trong mười phương làm lợi ích tất cả chúng

sinh. Bồ-tát hạnh tu trong ba A-tăng-kỳ kiếp viên mãn, tự nhiên có nghiệp bất tư nghì, có khả năng hiện ở mười phương làm lợi ích chúng sinh.

Luận Khởi Tín chép: Chứng phát tâm Bồ-tát, trong một khoảnh khắc đến được các thế giới trong mười phương, cúng dường chư Phật, thỉnh xoay bánh xe pháp, mong được khai đạo lợi ích chúng sinh, không nương văn tự, hoặc thị hiện siêu vượt địa vị, mau thành Chánh giác, vì các chúng sinh yếu kém hoặc nói rằng ta được thành Phật đạo trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, vì chúng sinh lười biếng mà gieo trồng cội gốc Bồ-tát, phát tâm bình đẳng, sở chứng cũng bình đẳng, không có pháp nào vượt qua, vì tất cả Bồ-tát đều phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Như luận Trí độ chép: Đức Thích-ca Thế Tôn, từ Đức Phật Thích-ca đến Phật Thi Khí, ở quá khứ gọi là sơ A-tăng-kỳ, từ Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng thụ ký, gọi là nhị A-tăng-kỳ, từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-thi gọi là tam A-tăng-kỳ. Luận Bà-sa nói rằng tam A-tăng-kỳ kiếp tu hạnh Lục độ, trăm kiếp gieo nhân tướng hảo sau đó mới được năm phần pháp thân. Duy thức cho là Địa tiền trải qua một tăng-kỳ, sơ địa mãn hai tăng-kỳ, từ Bát địa đến Đẳng giác, là ba A-tăng-kỳ, sau đó được pháp thân rốt ráo. Vấn nạn rằng: Trưởng giả hợp luận đều nói rằng không lìa một niệm trải qua A-tăng-kỳ, đâu được chấp nhiều kiếp cố định, trái với nghĩa đệ nhất? Đáp rằng: Trưởng giả chỉ nói: Tam-kỳ vốn không thời, thể không thật có, phải quấy vô thời, như mắt, mũi, tai, lưỡi, thân hiện tại của con người. Nói lục căn vốn không, chẳng phải là phế bỏ, nhưng lại nói rằng lục căn là không. Giống như trẻ con nhìn thấy ánh trăng dưới mặt nước, trong lòng rất thích nhưng lại không thể nào vớt lên được. Lời dạy của người trí tuệ là mắt có thể nhìn thấy được, nhưng không thể dùng tay mà bắt được (ánh trăng). Chư Phật, Bồ-tát ba đời hành nghiệp cũng thế, tuy tất cả đều không thật có, nhưng chẳng phải là vô hành. Lại như hai vị Đại Bồ-tát Long Thọ và Mã Minh đều là những vị Tổ truyền của phái Thiên tông, đâu chịu tự lừa mình dối người, làm hại cả thế hệ sau. Phải biết sinh tử là việc lớn, không phải biết nửa vời là có thể vượt qua được.

Luận Trí Độ chép: Có vị Bồ-tát lợi căn tâm rất vững chắc, khi chưa phát tâm đã nhóm họp vô lượng phúc đức trí tuệ lâu ngày, người này gặp Phật, nghe pháp Đại thừa, phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, tức thời thực hành Lục Ba-la-mật, nhập Bồ-tát vị, được không còn lui sụt. Vì trước đó đã nhóm họp vô lượng phúc đức, lợi căn tâm vững, theo Phật nghe pháp, giống như đi xa mà được đi xe ngựa, xe dê,

hoặc có thần thông mà đi. Người đi xe do dê kéo thì lâu lắm mới đến được, đi xe ngựa thì mau hơn, còn có phép thần thông thì trong khoảng khắc đã đến. Như thế không thể nói là phát ý nghe vì sao được tường thần thông. Ông không nên sinh nghi vì Bồ-tát cũng như thế, khi phát Chánh đẳng giác tức đã vào địa vị Bồ-tát, có Bồ-tát sơ phát tâm, tâm ban đầu tuy tốt nhưng sau lẫn loạn các điều ác, thường xuyên sinh niệm rằng ta cầu Phật đạo dùng các công đức hồi hướng Chánh đẳng giác. Kẻ đó trải qua vô lượng kiếp A-tăng-kỳ dài lâu hoặc đến được hoặc chẳng đến. Nhân duyên phước đức đời trước mỏng lại thêm căn độn, tâm không vững chắc như cưỡi xe dê. Có người đời trước kém phước đức lợi căn, phát tâm dần dần hành Lục Ba-la-mật, hoặc ba, hoặc mười hoặc trăm kiếp A-tăng-kỳ mới được Chánh đẳng giác như cưỡi xe ngựa tất có ngày đến. Thứ ba là nương thần thông, như trên nói thì biết là chậm tu mà mau chứng, mỗi thứ này đều khác nhau, Bồ-tát muốn được địa vị Phật, nếu không mau đến thì như các tiên đức nói: Tuy trí giác bằng Phật mà chưa đạt cực quả thì chưa phải rốt ráo. Do vậy bậc ngộ đạt quyết phải cầu sinh về Tịnh độ, tu hành như pháp để không rơi vào lui sụt, đời nhần lực vững mạnh mới nhập thế lợi sinh thì thành tựu quả Phật rốt ráo.

THỨ 8: KIẾN VÕNG MÔN

Tất cả mê tình do nương vào kiến chấp mà sinh khởi. Như con thiêu thân lao vào lửa, theo ánh sáng mà tìm đến cái chết. Vì vậy các bậc tiên đạt nói: Hành khởi thì dứt hiểu, cho nên sẽ có xu hướng về cõi Thánh, trước tiên vào cửa Phổ Hiền. Muốn tu chính nhân, thì trước phải xé bỏ lưới tà kiến, nay y cứ vào sự giải thích của các nhà mà chia làm mười loại, không có pháp để bỏ, có kiến chấp ấy thì bị quả trách. Mong thuận Phật ngôn, chớ theo ma giáo.

- Đoạn diệt đọa.
- Khiếp liệt đọa.
- Tùy ngữ đọa.
- Cuồng si đọa.
- Chi ly đọa.
- Si không đọa.
- Tùy duyên đọa.
- Duy tâm đọa.
- Đốn ngộ đọa.
- Viên thật đọa.

1. *Đoạn diệt đạo*: Gồm có hai thứ:

a. Các Nho sinh dính mắc thân hiện tại, nghi ngờ vị lai đoạn diệt.

b. Người mới phát ý học đạo chấp tướng không, nghi ngờ tất cả đoạn diệt, họ còn không tin có sinh, làm sao tin được chuyện vãng sinh và Tịnh độ là có thật... Nay giải thích sơ lược cho họ nghe. Trước hết là giải thích cho Nho sinh (người học Nho): Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Nay Đại vương tự thấy tóc bạc mặt nhẵn, da mặt chắc chắn là bị nhăn nheo sơ với khi còn nhỏ, nay Đại vương quán sát sông Hằng so với cái thấy sông Hằng ngày xưa có khác nhau không? Vua trả lời: Không! Phật nói: Đại vương! mặt Đại vương tuy nhẵn, nhưng cái kiến tinh này, tánh nó không hề nhăn, nhăn là biến đổi, không nhăn thì không biến đổi, cái gì biến đổi thì sẽ bị tiêu diệt. Cái không biến đổi kia vốn không sinh diệt. Vì sao nói rằng ở trong đó chịu sự sinh tử của Đại vương, mà nói thân này chết rồi thì hoàn toàn bị diệt? Luận Trí Độ hỏi rằng: Người chết quy diệt, diệt có ba thứ, một là, lửa đốt thành tro; hai là; giòi ăn thành phân; ba là; cuối cùng trở về đất. Nay chỉ thấy sự diệt đi của thân, mà không thấy có người ra khỏi và thọ thân sau. Vì không thấy nên cho là không có. Đáp rằng: Nếu cho rằng thân diệt là không, thì làm sao có những thứ như hỷ nộ ái ố mà kiếp trước chúng sinh đã có... Như khi đứa bé chào đời thì hoặc khóc hoặc cười, đây là những vui buồn của thói quen ở kiếp trước, vì nay không có người dạy nên vui buồn tiếp tục sinh. Lại như khi trâu con sinh ra, đã biết bú mẹ. Loài heo, dê sinh ra chưa bao lâu đã biết bầy đàn. Con và cha mẹ đều khác nhau về sự nghèo giàu đẹp xấu, thông minh ngu ngốc... Nếu không có nhân duyên đời trước, thì sẽ không có sự khác nhau này. Những nhân duyên như thế rất nhiều đủ để chứng minh là có kiếp sau. Lại nữa, ông trước nói rằng không thấy có người đó, trong thân người không chỉ mắt mới có thể nhìn thấy được, mà cả sáu giác quan đều có sự cảm nhận. Giống như thấy có người từ căn phòng này đi ra, rồi đi vào phòng khác, bỏ thân này đến thân sau cũng giống như vậy, nếu như mắt thường thấy thì cầu thiên nhãn làm gì nữa. Nếu chỉ như thế thì thiên nhãn và mắt thường, ngu Thánh cũng không khác gì. Người và súc sinh đều thấy, thì làm sao thấy được đời sau. Như việc sinh tử của con người, tuy không có đến đi nhưng do vì phiền não chưa dứt hết nên thân tình ý vẫn nối nhau, càng thêm thân tình ý, thân tình ý tạo nghiệp cũng không đến đời sau, mà từ duyên này lại sinh, chịu quả báo đời sau, giống như trong sữa có độc, sữa biến thành chất khác, tuy biến nhưng đều có độc tố, thân này cũng giống như vậy. Nhân duyên năm chúng đời này, lại

sinh năm chúng đời sau, hành nghiệp nối sau không khác, mà phải chịu quả báo. Lại như cây vào mùa đông không có hoa quả lá, đến thời tiết xuân sẽ nối tiếp nhau mà ra hoa kết quả. Cho nên biết rằng có sinh tử. Lại nữa, hiện đời có người biết được túc mệnh, như có người mộng thấy đi đường mệt mỏi, khi thức dậy nhớ lại những điều đã trải qua. Tất cả kinh sách trong ngoài của bậc Thánh đều nói về kiếp sau. Lại nữa, hiện đời không có thiện pháp, động phát quá nặng, sinh sân nhuế, đố kỵ nghi ngờ hối hận, vì phiền não bên trong nên thân sẽ hóc hác, sắc mặt không tươi tắn. Ác pháp bất thiện còn bị hại như vậy huống gì khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nếu sinh pháp, lành, tin nghiệp nhân duyên, tâm thanh tịnh, được trí tuệ như thật, tâm sẽ vui mừng, thân được nhẹ nhàng, màu sắc hài hòa, vì có nhân duyên khổ vui, có thiện bất thiện. Vì nay quyết định có thiện, bất thiện, nên biết chắc chắn có kiếp sau, nhưng mắt trần của chúng sinh không nhìn thấy được, vì trí tuệ quá yếu kém, nên sinh tà nghi, tuy tu việc phúc, nhưng xen những việc làm thấp hèn. Giống như thầy thuốc chữa bệnh cho vua, vua bí mật xây nhà tặng cho người thầy thuốc, khi về nhìn thấy nhà cửa, người thầy thuốc này mới hối hận rằng mình đã không hết lòng trị bệnh cho vua. Cũng giống như vậy, bậc Thánh nói những việc hiện tại đáng tin cậy, thì việc nói về kiếp sau cũng đều đáng tin cậy. Ông là người trần mắt thịt, so về trí đã kém, lại không có thiên nhãn, đã tự không có trí lại không tin lời Thánh hiền, làm sao biết được thân sau. Nếu lời Thánh bị phế ản thì nói quỷ thần đức thịnh. Minh minh nói đạo, Vũ châu đạt hiếu, chỉ do biết tình trạng quỷ thần, việc chết như việc sống, vậy mà Khảo Đình tiên sinh giải thích bốp méo, quy về nhị khí, đầu dám vu báng tiên Thánh, nghi ngờ đời sau. Vả lại những chuyện đặt ra và giả sử chẳng cần bàn đến; như họ Bành sinh làm heo... lại là chính sử; Huyền Diệu sinh ra nước thương... là chánh kính; chim sẻ hóa thành bồ câu... là chánh lệnh. Số hiểu biết nhiều như bụi nhỏ, ta biết được bao nhiêu. Nếu muốn như ếch ngồi đáy giếng chê lượng biển thì sẽ trở thành kẻ hủy nhục Thánh, thân, phải chịu tội gì? Lại có kẻ thường nói rằng: Những sự việc con người chưa trải qua, những lý lẽ không thể tin thì không nên dựa theo. Vậy như số lần mặt trời, mặt trăng và các vì sao đến đi, chưa một ai từng trải. Trời chẳng xuống đây, người cũng chẳng lên đó vậy vì sao dùng cách gì để suy đoán cũng đều đúng? Hơn nữa trời vì sao cao, đất vì sao thấp, gió vì sao nổi lên, mây vì sao bay, mùa xuân vì sao sinh trưởng cây cối, mùa thu vì sao giết vạn vật, những sự vật này có lý lẽ nào để dựa theo? Các căn trong thai không biết chi (vô tri) mà chuyển vận, sữa mẹ chẳng do

đâu mà chảy ra, những điều này có lý lẽ gì để dựa theo? Nhỏ nhất cho đến một sợi lông một hạt bụi, ngọn cỏ, gốc cây, nếu có chút lý lẽ nào có thể dựa theo thì cứ chỉ ra. Chẳng qua vì chấp thường nên cho chúng là thường. Chấp thường này cũng chẳng có lý lẽ gì, do đó chẳng nên vì không thấy mà nghi ngờ việc vãng sinh.

Luận rằng: Người học nghe nói Không, đối với nhân duyên sinh tử nghiệp bèn sinh nghi. Nếu tất cả pháp môn rốt cuộc là không, không đến không đi, vô xuất vô nhập thì nói gì đến chết mà có sinh. Hiện tại mắt còn không nhìn thấy bởi vì không có, thì hướng gì sau khi chết lại sinh nơi khác, không biết trong Phật pháp các pháp đều là không, mà cũng không đoạn diệt. Sinh tử tuy nối nhau nhưng cũng không phải là thường. Nghiệp nhân duyên Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tuy qua đi, nhưng cũng có thể sinh quả báo mà không diệt. Điều này nhiệm mầu khó biết, nếu các pháp đều không, thì Phật không nên nói Vãng sinh. Tại sao người có trí thức mà trước sau mâu thuẫn trái nhau, nếu tướng sinh tử là thật có, thì tại sao nói rằng các pháp đều rốt ráo không? Chỉ vì trừ bỏ sự ưa thích đắm trước, tà kiến đảo điên đối với các pháp nên nói các việc vãng sinh. Pháp Phật không chấp chặt hữu, vô, chẳng phải có, vô cũng không chấp chặt, không chấp chặt cả sự không chấp chặt này, người như vậy chẳng bị khó khăn gì, như dùng dao chém hư không chẳng có vết thương nào, đó là vì rốt ráo tướng không. Rốt ráo không thì không che nay nhân duyên nghiệp sinh tử do đó nói việc vãng sinh. Nghi ngờ này vô cùng cạn cợt, kẻ biết ít đều có thể chặt đứt nó. Vì người thế gian đa phần có kiến chấp này nên trước tiên phải phá bỏ đi vì nó là chướng nạn đầu tiên của người cầu vãng sinh.

2. Khiếp liệt đọa, gồm ba phần:

- Nghi kết tập nông hậu.
- Nghi niệm lực là nhẹ.
- Nghi muôn ức là xa.

Nói về “Nghi kết tập nông hậu”: Phàm phu chỉ biết nghiệp lực, không biết nghiệp tính không, cho nên nếu chúng sinh nghiệp tánh là thật thì khắp thế giới hư không cũng không có chốn dung thọ. Như mây đen che phủ bầu trời, gió đến sẽ thổi tan, nếu mây là thật thì thổi sẽ không đi. Hư không dụ cho tánh, mây đen dụ cho nghiệp, niệm Phật dụ cho gió. Lại do nghiệp tính tức là pháp tính, lực dụng chí đại. Vì kết sử nên thần lực không hiện. Như Ô-sô-sất-ma nghe Phật Không Vương dạy rằng người nặng về dâm sẽ thành đồng lửa lớn. Lại quán tử chi bách hài, các hơi ấm lạnh thân quang nội ngưng, hóa tâm nặng về

dâm thành lửa trí tuệ, cùng một sự nóng bức, do tâm dâm, nên thành đồng lửa lớn và do lìa nên thành đồng báu lớn. Nếu tánh dâm là thật, thì làm sao trong ấy mà được Tam-muội, cho nên mê thành thì ở trong thai ngục, niệm thành thì nhập thai sen, vì thai tính là hóa tính, không phải từ bên ngoài. Đến như nước trong ở trong nước đục, không phải từ bên ngoài.

Nói về “Nghĩ niệm lực là nhẹ”: Chúng sinh ngu muội, tin hành nghiệp của hữu hình là lớn, không tin niệm lực vô hình càng lớn hơn, niệm lực là hành nghiệp căn, tất cả sự nghiệp, chẳng có niệm thì bất thành, như người gây tội, nếu không cố ý thì bị quả báo nhẹ hơn là cố ý gây tội ác, thì niệm lực nặng hơn. Như khi người vô ký, những chuyện nhỏ nhặt kê tai đối mặt mà nói vẫn không nhớ. Nếu là kẻ có tâm thì bao nhiêu chuyện khó nhớ, khi đã vào ngũ Căn thì suốt đời nhớ mãi không quên, do niệm lực vững chắc. Tô Tử Chiêm nói “Phật do Đại viên giác, sung mãn mười phương cõi. Ta do tưởng điên đảo, ra vào trong sinh tử. Vì sao do một niệm, được vãng sinh Tịnh độ. Ta tạo nghiệp vô thì, không từ một niệm sinh. Đã từ một niệm sinh, lại từ một niệm diệt, chỗ sinh diệt diệt hết thì ta và Phật đồng, như nhảy xuống sông biển, như trong gió đánh trống, tuy có trí đại Thánh, cũng không thể phân biệt. Tịnh độ quyết chép: Niệm của con người ràng buộc gấp rút nhất, như sông thì chảy ra biển, như lửa thì bốc lên, như dao bén thì gây thương tổn, như thuốc độc ắt chết người, niệm của niệm Phật cũng giống như thế. Như dâm niệm người nan bền chắc hóa thành lửa mạnh, thiêu cháy miếu thần. Lại như đồng tử Nguyệt Quang quán tưởng nước, qua khe cửa chỉ thấy nước trong. Lại như Ngài Thanh Biện bàn luận với ngoại đạo, kẻ ấy luôn cố chấp ý kiến của mình, bất ngờ hóa thành đá, Thanh Biện vẫn ghi chú trên đá, hôm sau đến xem, cũng có đáp từ. Lâu ngày đá bỗng vỡ vụn, tiếng vang giữa bầu trời. Đó đều là do niệm lực vững mạnh, chứ không phải do biến hóa. Sao nói là niệm Phật mà Phật không hiện? Nên biết rằng niệm lực là vua tất cả các pháp, như khi Ma-ha-na-già đại lực dững sĩ tức giận thì trên trán sẽ nổi nhọt, nếu nhọt chưa lành thì người ở cõi Diêm-phù-đề không ai có thể địch lại nổi.

Nói về “Nghĩ ức muôn cõi là xa”: Phạm phu chấp nhất định là mười muôn ức cõi, nghĩa là ngựa nhanh buồm chóng, ngày đi không đến ngàn dặm, sao nói rằng sát-na được sinh về nước kia, không nghĩ nước kia xa gần, từ chấp thân phần đoạn mà sinh, từ mất thịt sinh sự vãng sinh này, gọi là thân phần đoạn chẳng? Gọi là tâm chứa đựng trùm khắp chẳng? Nếu là thân phần đoạn, thân là chất cứng làm sao mà sinh

được? Nếu tâm sinh, thì tâm trùm khắp các cõi nhiều như cát, Tịnh độ vốn ở trong tâm, đâu có qua lại. Như người ở Trường An nhớ về quê hoặc Mân, hoặc Quảng tùy niệm liền đến chứ không cần lộ trình. Lại như khi người ta nằm mộng, thân tuy nằm trên giường, mà tâm ý thức đã nơi khác.

Cư sĩ Vô Công nói: Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi, phàm phu qua đời trong khoảnh khắc đã đến nơi, vì tự tâm diệu. Nên kinh Lăng-nghiêm chép: Ông vẫn chưa rõ tất cả các tướng huyễn hóa phù trần, sinh ra ở chỗ nào thì diệt tận ở chỗ đó. Nhân duyên hòa hợp luống dối có sinh. Nhân duyên chia lìa, luống dối gọi là diệt. Từ đó mà suy ra, khi qua đời thì duyên nhiễm trược lìa, cho nên Ta-bà đương xứ huyễn diệt, duyên thanh tịnh hợp, nên Cực lạc đương xứ huyễn sinh. Cái này diệt thì cái kia sinh, không hề ngừng nghỉ.

Trước đây quê tôi có một người có thể gửi lời đến vị tiên biết chiêm bốc. Vị tiên ấy là anh ruột của anh ta. Về sau anh ta đi lên kinh sư, anh tôi và vài người xem bói, anh ta sợ đường xa không thể đến nên đành phải làm thư phù tuyên gọi, chỉ chốc lát sau người anh anh ta liền đến. Những việc này là do nghiệp ràng buộc còn mau đến như vậy, huống gì niệm lực không thể nghĩ bàn dựa vào công đức bốn nguyện của Phật A-di-đà, như thuận nước trướng buồm thì nào có chướng ngại gì.

Vì vậy người niệm Phật phải dứt bỏ ba điều nghi ngại trên, nếu không dứt bỏ thì thực sự là kết tập quá nhiều, niệm lực quá yếu và sẽ thật sự phải đi quãng đường mười muôn dặm mới được. Giống như người muốn đi ra ngoài nhưng lại không có chìa khóa, đó là tự mình không muốn ra chứ không phải không có cửa ra.

3. Tùy ngữ đọa.

Lục tổ nói: Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sinh phương Tây, người phương Tây gây tội thì niệm Phật cầu sinh cõi nào?

Bàng cư sĩ nói: “Về sự nói cõi Phật cách đây mười muôn dặm, biển lớn rộng vô biên, động thì gió nổi day.” Do đó cả một bọn vô tri, rồi lại truyền sai nhận lầm, cho rằng Tịnh độ không đáng tu, vì tự chướng mình và làm chướng ngại người khác, thật đáng thương xót. Luận tông môn đề xướng còn không nói có Phật, huống gì cõi Phật vì muốn phá tướng rõ tâm, đúng sai đều dẹp bỏ, như việc thổi một sợi lông trên lưỡi dao sắc, nếu cầm vào sẽ đứt tay. Kim cương gai nhọn, chẳng phải là cơm nước bình thường trong nhà. Hơn nữa trong tông môn, những lời nói như thế rất nhiều, nếu mỗi câu đều tin như thế, thì Phật Thích-ca ra đời e

rằng phải cho con chó của Ngài Vân Môn ăn?

Di-đà Sớ Sao chép: Tây phương cách đây mười muôn ức cõi. Đản kinh nói mười muôn tám ngàn là lầm vì cho năm xứ Thiên trúc là Cực lạc. Lời ấy gần như đúng, vì Lục tổ chưa đọc Đại tạng, nghe người ta nói phương Tây, liền cho rằng ở năm xứ Thiên trúc có. Trong giáo rõ ràng nói rằng cõi Cực lạc ba độc bất sinh, được không lui sụt, ở đây nói rằng “phương Tây tạo tội, vậy cầu sinh cõi nào?” Đó cũng là một minh chứng. Nhưng trong tông môn những lời sàm bậy như thế rất nhiều, nếu người học có thể đốn ngộ đốn tu, giải hành tương ứng như Lục tổ nhảy xuống sông Kim Hán, dạo chơi trong biển sinh tử, như Bàn lão tuy không cầu sinh, nhưng cũng đâu có hại gì đối với sinh.

4. *Cuồng tứ đạo.*

Có bọn ma dân, chuyên bày cuồng tuệ, không chịu giữ giới tu hành, dẫn bậy bạ những điều tương tự trong kinh, như phiền não tức Bồ-đề, dâm nộ si tức phạm hạnh. Theo lời nói mà hiểu, theo sự hiểu mà phát độc, quả như kia nói Đức Thích-ca ngộ đạo, ứng thân bảo nữ; A-nan nhà dâm đầu cần nêu khen. Lục tổ ban đầu theo đám thợ săn vẫn chưa thụ giới, đâu ngại gì ăn rau bên thịt. Kinh chép: Còn không bắt sát, bắt đạo, bắt dâm, huống gì lại có việc sát, đạo, dâm? Xưa, ở tầng trời thứ năm có vị Tăng Đạt-ma-đạt có biện tuệ, sư thờ Tôn giả Sư Tử, Tôn giả biết sự ngộ giải của Ngài nên đối trước chúng khen ngợi, đến khi truyền pháp nối địa vị Tổ thì trao cho Bà-xá-tư-đa. Ma-đạt sinh tâm oán hận nói rằng: Tôn giả biết chỗ sâu xa của tôi, vì sao không trao cho tôi nối địa vị Tổ? Một hôm, một mình đi lấy nước sông, có cô gái giặt đồ, để lộ ống chân, Ma-đạt nghĩ rằng: Chân ấy trắng thật. Thì Tôn giả bắt gặp xuất hiện bên cạnh nói: Cái tâm như thế, liệu có thể trao Tổ vị được ư? Thế là Ma-Đạt nhiếp niệm, lễ dưới chân ai cầu. Ngay một giới dâm, các giới khác có thể lệ theo. kinh Bát-nhã chép: Tội, không tội đều không thật có, nên đầy đủ Thi-la Ba-la-mật. Giải thích rằng: Tội, bất tội đều không thật có, chẳng phải là tà kiến thô tâm. Nói không thật có, Bồ-tát thâm nhập tướng các pháp, thực hành Tam-muội Không, dùng mắt tuệ quán sát nên nói tội không có thật. Vì không có tội, nên cũng không bị tội. Nếu người tham đắm vô tội, khi thấy người tội phá giới thì sẽ khinh mạn, còn khi gặp người thiện nhân giữ giới sẽ kính mến. Giữ giới như thế gọi là nhân duyên khởi tội, không gọi là cụ túc. Vì vậy biết rằng trú giới tức phá, huống gì là hủy bỏ, giới chấp cũng là giới, mới gọi là giữ giới. Các bộ kinh lớn nói rằng phạm hạnh không thật có... đều là nghĩa này.

Ngài Vĩnh Minh nói: Mang thói quen còn bị cảnh lôi kéo, hiện hành há thoát được duyên buộc, như voi say không móc xích, vượn điên gặp cây, như chim bị nhốt trong lồng, Bồ-tát lấy giới làm thầy, thường có tâm sợ hãi.

Lại nói: Trong tông môn đời Mạt pháp, người học theo Đại thừa thường xem thường giới luật, cho nên kinh Niết-bàn nên cao giới luật, nói rộng về thường, vì vậy thừa và giới đều gấp, cho nên gọi kinh này là vật báu quý trọng của việc nối tiếp mạng sống thường trụ. Vì sao? Vì nếu không có giáo pháp này, chỉ nói giải thoát trên đầu môi, hoàn toàn không tu hành thì thừa và giới đều mất. Cho nên thừa là ngộ nghĩa bậc nhất, giới là dứt tất cả hắc nghiệp. Tổ sư chia việc này thành bốn liệu giản:

- Giới gấp thừa chậm: Vì giới gấp cho nên sinh lên cõi trời, cõi người. Như mũi tên bắn lên hư không, sức đẩy hết thì rơi xuống. Vì thừa chậm, cho nên tuy nghe Đại pháp mà như cầm như điếc.

- Thừa gấp giới chậm: Vì giới chậm cho nên đọa vào đường ác. Vì thừa gấp cho nên thường nghe Đại pháp, như tám bộ quỷ thần trong hội Hoa Nghiêm.

- Thừa giới đều gấp: Thì sinh lên cõi người cõi trời, thường nghe Đại pháp.

- Thừa giới đều chậm: Thì đọa vào ba đường ác, không bao giờ được nghe pháp, cho nên hai pháp thừa và giới như hai bánh của chiếc xe, bỏ bất cứ bánh nào đều không thể được. Cho nên Ngài Long Thọ nói: Người phá giới như dưới ao mát mẻ có con rắn độc, không ai dám xuống tắm, nhà ấy như gò mả, không người nào dám đến, mất các công đức. Thí như cây khô, như ruộng bị mưa đá, không thể nương tựa, sống nhờ được. Như người bị bệnh nặng, mọi người không muốn gần, thí như ói ra rồi thì không thể ăn lại. Bồ-tát thiết tha quả trách như thế, đâu cho phép người phá giới. Cho nên ngàn ngày học hiểu không bằng một ngày giữ giới, đâu được tham cái tên giả là ngộ đạo mà chịu cái họa thật là đọa địa ngục, khinh mình gạt người, bị nạn vu oan. Người này giống như con chó cắn bậy, không giới nào chẳng phá. Ở đây chỉ nói về giới, vì bị lửa dữ tà kiến đốt cháy của báu giới luật cho nên giới là nền tảng cho Tịnh nghiệp, tất cả bạch pháp từ giới mà sinh.

5. *Chi ly đọa*: Có nhiều vị Pháp sư thông hiểu giáo điển, chú thích chương cú, chấp vào giả danh của pháp thân, phân tích giới hạn của danh tướng, chỗ này bớt, chỗ kia thêm, suốt năm suốt tháng, đùa bỡn với bức vẽ Tỳ-lô, ngồi trên sân rộng pháp giới, cống cao ngã mạn, được

ít cho là đủ. Nghe người niệm Phật thì cho rằng đây là một trong các pháp để thu nhiếp vọng tưởng của Tiểu thừa, hoặc nói biến giáo pháp nghĩa sâu xa, những người này độn căn nên niệm Phật cũng tốt, hoặc nói trong ba tạng này thuộc về tạng nào? Hoặc nói đây thuộc về giáo nào? Dường như bọn trẻ trong làng đấu đá, bên nào đông thì thắng, mỗi người đều tranh hơn kiến giải của mình, không thật sự hành trì. Như Phạm Chí Trường Trảo nhờ khả năng luận nghị nên hàng phục được các bậc thầy, từ đó đường đột hung hăng, không thể tự chế phục. Sau đến chỗ Phật, nghĩ rằng: Tất cả luận ta phá được, tất cả chấp ta chuyển được, trong đó cái gì là Thật tướng các pháp, cái gì là nghĩa bậc nhất, cái gì là tánh, cái gì là tướng không điên đảo? Nghĩ đoạn, Phạm Chí Trường Trảo bạch Phật rằng: Thưa Cù-đàm! Tôi không thọ tất cả pháp. Phật hỏi Phạm Chí: Ông không thọ tất cả pháp, vậy cái thấy này có thọ không? Phạm Chí đáp: Thưa Cù-đàm! Tất cả pháp không thọ, cho nên cái thấy cũng không thọ. Phật bảo: Ông không thọ bất cứ pháp nào cai thấy này cũng không thọ thì không khác với mọi người, vì sao lại cống cao mà sinh kiêu mạn? Như thế Phạm Chí không đáp được, do đó hết sức tin phục. Vì thế nên biết đứa trẻ bị đói đi qua chỗ bán nhiều thức ăn ngon mà nuốt nước bọt, càng làm thêm tâm thèm ăn chứ không giúp được bụng đói. Thuở xưa ở Giang Nam, có một vị tọa chủ lạnh lợi, vì tôi mà phân tích Duy thức và chỉ bày sâu kín sở đắc trong kinh giáo, đối với các chú sớ của những người nổi tiếng phần nhiều ông phê bình bác bỏ. Tôi hỏi rằng: Ngài có đối địch với sinh tử được không? Vị Tăng đáp một cách tự tin: Làm gì có sinh tử để đối địch. Tôi nói: Phải thì tức phải, nhưng e rằng trước điện Diêm-la không địch được chữ sinh, không hiểu được ngữ ngôn Tam-muội của Toạ chủ. Đó là lời nói chơi trong nhất thời nhưng cũng đúng với cái bệnh lớn ở các trường giảng. Xin khuyên các Bồ-tát niên thiếu, đối với thiên chương ngắn dài, trích dẫn nhiều chỗ, miệng tụng tâm nhớ, trí mê mắt mờ, nghiên cứu sự hiệu nghiệm chẳng bằng mấy lần lên tòa xuống tòa, mấy lần giảng kinh ấy, nhận mấy lần người mù lễ bái. Nếu không có công hạnh chân thật thì chỉ thêm nghiệp oan trái. Đâu bằng một câu A-di-đà thẳng lên giai vị không còn lui sụt, việc một mà công trăm. Như Ngài Đàm Mô Tối giảng kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, lãnh chúng một ngàn vị, bị vua Diêm-la quở trách rằng: Người giảng kinh mà tâm còn bỉ ngã, vì tâm kiêu mạn nên coi thường chúng sinh, là hạnh xấu bậc nhất trong hàng Tỳ-kheo. Liền đưa về Phó ty. Nhưng Ngài là người hiểu rõ về giới, lại có nghĩa giải cao siêu, nhờ tham cứu giáo điển nên ngộ được việc lớn Tây phương bất tư nghì này,

dùng đó tự lợi lợi tha, làm lợi ích cho đời vị lai, đốt lên ngọn đuốc đêm dài, công đức vô lượng. Lại cần gì phải bỏ uống bỏ ăn, thấy dấu chân mà dừng ngựa.

6. *Si không đọa*: Người học đạo hơi thấy về pháp không, nghe người niệm Phật liền cho rằng: Pháp xa lìa tên gọi, nếu theo giả danh thì càng thêm luống dối. Vì sao? Vì văn ngôn còn không, huống gì là tên gọi. Đáp kinh Pháp Cú chép: Phật bảo Bồ-tát Bảo Minh: Ông hãy quán tên gọi các Đức Phật này, nếu là có thì nói cho người thức ăn phải được hết đối. Nếu nói tên gọi là không thì Định Quang Như Lai không thọ ký cho ta và tên của các ông. Nếu không thọ ký thì lẽ ra ta không được thành Phật. Nên biết tên gọi đã Như từ lâu. Vì ta Như cho nên hiển hiện đầy đủ. Tên gọi các pháp, tánh nó là không, chẳng ở tại hữu vô. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như các pháp không phân biệt tự tánh, không phân biệt âm thanh, nhưng tự tánh không xả, tên gọi không diệt.

Luận Quần Nghi chép: nếu nói tên gọi là vô dụng thì không thể giải thích thể của các pháp. Cũng nên gọi là nước đến, lửa đến. Cho nên biết nơm lười chẳng phải không, cá thỏ nhờ đó mà được, khen ngợi việc này, mở rộng tên gọi, sinh về Tịnh độ chân thật, đâu được nói rộng không. Ngài Thiên Thai Trí Giả nói: ở thế gian có người thực hành không, chấp trước si không, không hợp với kinh. Nghe điều này rồi quán tâm, sau đó bắt bẻ rằng: Quán tâm là pháp thân... thì ở mọi trường hợp nên bình đẳng, vì sao đối với kinh tượng thì sinh tâm kính trọng, còn đối với giấy gỗ thì sinh tâm xem thường, vì kính trọng và xem thường khác nhau nên chẳng phải bình đẳng, vì chẳng phải bình đẳng cho nên nghĩa pháp thân không thành. Đáp: “Tôi y cứ vào giai vị phàm phu mà quán tưởng như thế, vì muốn khai mở hiển bày Thật tướng này nên cung kính kinh tượng, khiến cho tuệ không trói buộc, giúp cho vô lượng người làm lành lánh dữ, làm cho phương tiện không ràng buộc, đâu có đồng với ông?”

Thượng Đô Nghi nói: Quy mạng Tam bảo cần phải chỉ phương lập tướng, trụ tâm chấp cảnh, không rõ vô tướng lìa niệm. Phật biết hàng phàm phu buộc tâm còn không được, huống gì là lìa tướng. Như người thông minh không có phương thuật, xây nhà trên hư không. Kinh Pháp Hoa chép: Ông chứng các Phật pháp như Nhất thiết trí, mười Lực... đủ ba mươi hai tướng, đó là chân thật diệt. Đại sư Nam Tuyên nói: Pháp thân tịnh vi diệu, đủ ba mươi hai tướng. Chỉ vì không chấp nhận phần hạn của tâm lượng. Nếu không có tâm như thế thì tất cả hành xử, cho đến búng ngón tay, chấp tay đều là chánh nhân. Hoà thượng Bách Trượng

nói: Hành đạo lễ bái, từ bi hỷ xả là việc bổn phận của Sa-môn, rõ ràng y theo lời Phật dạy, chỉ là không cho chấp trước. Tịnh độ Chỉ Quy chép: Hành nhân viên đốn, nói nín động tĩnh đều vâng theo lời Phật dạy, đều hợp với tâm Phật. Nếu do niệm Phật mà sinh tâm động niệm, trở thành vọng tưởng thì dứt tâm vô niệm cũng thành vọng tưởng.

Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Dù diệt tất cả sự thấy nghe hay biết nhưng bên trong giữ sự u nhân cũng vẫn là pháp trần phân biệt ảnh sự. Nếu do niệm Phật mà chấp trước các họa hoạn hữu vi thì cái chấp này còn hơn cả người chấp không.

Ngài Vĩnh Gia nói: Chấp trước không, bác nhân quả, mệnh mông bát ngát vờ ương họa. Nếu cho rằng cầu Phật khác bên ngoài là chưa đạt thì bên trong chấp tâm mình không đạt còn nặng hơn.

Ngài Trường Sa nói: Người học đạo không biết chân, chỉ vì từ xưa đến nay nhận thức thân, là gốc sinh tử từ vô lượng kiếp đến nay, người si mê gọi là Bản lai nhân. Nếu cho riêng cầu Tịnh độ là thiên kiến thì chấp trước mất là Tịnh độ lỗi còn lớn hơn. Kinh Lăng-nghiêm nói người lạc vào đường ma đều chỉ hiện tiền chính là cõi Phật, không phân biệt tịnh cư và tướng sắc vàng, miệng thích nói mắt tai mũi lưỡi đều là Tịnh độ, hai căn nam và nữ tức là Bồ-đề, đệ tử và thầy đều rơi vào nạn vua, mê lầm không biết, đọa vào ngục Vô gián. Nếu chấp có tu chứng là Quyền nói thì chấp không tu chứng, đọa lạc vào ngoại đạo, lỗi ấy còn lớn hơn.

Kinh Lăng-nghiêm chép: Nếu trong định ấy các người thiện nam thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, tự cho là đã đủ thì có một phần ma Đại ngã mạn nhập vào trong tâm phủ, cho rằng ba tăng-kỳ kiếp một niệm có thể vượt qua, trong tâm còn xem thường cả các Đức Như Lai trong mười phương, huống gì Thanh văn, Duyên giác ở địa vị dưới, không lễ bái tháp miếu, phá huỷ kinh tượng, cho rằng Đản-việt nói đây là đồng mạ vàng, là gỗ đất, kinh là lá cây, hoặc là điệp hoa. Nhục thân là chân thường không tự cung kính, lại tôn kính gỗ đất, thật là điên đảo, làm nghi lầm chúng sinh, đọa vào ngục Vô gián. Vì thế nên biết chấp không phá tướng đều là quyến thuộc của ma.

Luận Trí Độ chép: Thí như người giữ ruộng, ban đầu không biết muối, thấy người đổ muối vào các thứ rau thớt mà ăn, bèn hỏi vì sao như thế? Người kia đáp: Vì muối này làm cho thức ăn có vị ngon hơn. Cho nên người ấy bèn nghĩ muối này làm cho thức ăn có vị ngon thì tự nó phải rất ngon. Nghĩ đoạn người ấy bèn ăn nguyên một miếng muối, làm mặn đắng cả miệng, bèn hỏi rằng: Vì sao ông nói muối làm cho ngon

hơn? Người kia đáp: Ông là người ngu! Muối này phải liệ mà để vào ít nhiều mới làm cho thức ăn ngon hơn, tại sao ông lại ăn muối không?

Người không có trí tuệ nghe pháp môn không, giải thoát liền bỏ các thiện căn cũng giống như thế, hãy suy nghĩ cho kỹ. Tất cả không, sinh tử không, vì sao vua Diêm-la lại không chẳng được.

7. Tùy duyên đọa.

Người xưa nói: Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, nhậm vận mặc y áo. Chỉ thuận theo trời, muôn hành tự viên. Giở chân, đặt chân đều là Tịnh nghiệp, đâu cần các thứ làm gì. Đáp lời người xưa hỏi rằng: Ngay tâm này là Phật, thì cần gì tu hành? Đáp: Chỉ vì thế cho nên tu hành, nếu trong sắt không có vàng thì dù có luyện vẫn không trở thành vàng được. Quốc sư Hiền Thủ nói: Nay ba thân, mười Ba-la-mật của Phật, cho đến hạnh Bồ-tát lợi tha... đều dựa vào tự pháp dung chuyển mà hành, do trong tâm chúng sinh có chân như thể lớn, tướng lớn, dụng lớn, ngày nay tu hành, dẫn ra pháp thân, báo thân, do trong tâm chúng sinh có pháp tánh chân như, tính tự không có san tham, ngày nay tu hành thuận theo pháp tính vô san, dẫn xuất Đàn Ba-la-mật... kinh Niết-bàn chép: Phật bảo Bồ-tát Sư Tử Hống, tất cả chúng sinh đều có niệm tâm, tuệ tâm, phát tâm, cần tinh tiến tâm, tín tâm, định tâm, những pháp như thế tuy niệm niệm diệt nhưng vẫn tiếp nối không dứt, nên gọi là tu đạo. Như ngọn đèn tuy niệm niệm diệt, nhưng vẫn có ánh sáng mà phá bỏ u tối. Như cái ăn của chúng sinh tuy niệm niệm diệt, nhưng vẫn làm cho người đói được no bụng. Như thuốc tốt tuy niệm niệm diệt nhưng vẫn trị dứt được bệnh. Ánh sáng mặt trời mặt trăng tuy niệm niệm diệt, nhưng vẫn làm cây cỏ muôn vật phát triển.

Kinh Bảo Tích chép: Nếu không có người chánh tu, thì cỏ mè o lẽ ra cũng sẽ được thành Phật. Đại sư Ngưu Đầu Dung nói: Nếu nói tu sinh thì tạo tác chẳng phải chân. Nếu nói vốn có thì muôn hạnh luống lậ.

8. Duy tâm đọa.

Tự tính Tịnh độ, ngay nơi tục là hằng chân, bảy báu ngói gạch, nhất đạo bình đẳng. Chỉ cần tịnh tự tâm đâu cần phân biệt khác nhau? Đáp: Ông nói tâm tịnh cõi tịnh, không cần phân biệt, vậy dẫn ông vào trong nhà xí, ông ở lâu trong đó được không? Nơi xác chết đầy rẫy mùi hôi thối người không bịt mũi có chịu được không? Đối với người đầy ghẻ lở máu mủ, ông có dùng chung chén, ngủ chung giường đắp chung mền với họ được không? Nếu không được, thì tướng ấy chính là “Chán ghét tướng ngủ trước”. Nếu ông có thể chịu đựng được những điều ấy, không hề tránh xa thì sâu bọ chó quạ đều cũng có thể gần gũi những

thứ ô uế ấy, chẳng cũng đều đắc đạo giải thoát hay sao? những tịnh uế đều lia, y nhiên lấy bỏ, đối với nghĩa duy tâm cũng không tương ứng. Cho nên phải biết chư Phật vì duy tâm nên sinh ra ưa thích, nhằm chán, vì duy tâm nên thuyết danh bình đẳng, vì duy tâm nên trang nghiêm cõi Phật. Nếu không duy tâm, làm sao tùy niệm, nếu chẳng bình đẳng thì phạm phu không có phần. Uế còn không bỏ, sao lại bỏ tịnh. Đã bỏ tâm này, lấy cũng trái gì? Đều do không hiểu ý chỉ của Phật mà gây ra sự chấp trước này. Nhưng biết duy tâm thì nghĩa nghi ở đây loại bỏ.

9. Đốn ngộ đạo.

Người tu thiền đời nay đều cho rằng hễ vừa hạ thủ công phu thành tựu thì liền thẳng vào địa vị Chánh đẳng giác, không chấp trước công đức huân tập, thành Phật còn không cầu, huống gì cầu vãng sinh Tịnh độ? Đáp: Kẻ nói không cầu thành Phật, sau khi xả thân sẽ đoạn diệt hẳn hay còn thọ thân sau? Nếu còn có thế giới sau khi chết thì sinh Tịnh độ hay sinh vào ba cõi? Nếu sinh vào ba cõi thì không bằng sinh về Tịnh độ. Nếu sinh Tịnh độ, thì đồng với vãng sinh. Lại người xưa nói rằng: Bạc Thiện tri thức, tuy thấy rõ Phật tánh, đồng đẳng với Phật, nhưng nếu luận về công đức thì chưa bằng được với các Thánh, phải cố gắng từng bước từ hôm nay. Lại nói rằng: Chưa ngộ mà tu không phải là chân tu. Chỉ có việc đốn ngộ tiệm tu, mới hợp với Phật thừa, không trái với ý chỉ viên đốn. Như đốn ngộ đốn tu cũng là nhiều đời tiệm tu. Đời nay mau chóng thành thực đó là do khi đang mang thân người thường tự nghiệm xét, nếu lời nói đúng như việc làm, việc làm đúng như lời nói, lượng tận cùng bờ mé pháp giới, tâm hợp với lý hư không. Tắm gió không động, ba thọ vắng lặng, chủng hiện đều tiêu, căn tùy đều hết. Thí như những người không bị bệnh, thì không nên uống thuốc. Nếu hiện hành chưa dứt, phiền não tập khí lại nhiều, chạm mắt sinh tình, gặp việc thì dính mắc, tuy hiểu ý nghĩa vô sinh, nhưng năng lực chưa đủ. Không thể chấp nói: “Ta đã ngộ hiểu phiền não tánh không. Nếu khởi tâm tu, trở thành điên đảo.” Như thế thì phiền não tánh tuy không nhưng có thể khiến phải chịu nghiệp. Nghiệp quả vô tính cũng là nhân khổ. Khổ đau tuy là luống dối, nhưng khó chịu đựng nổi. Nếu bị bệnh nặng, bệnh cũng hoàn toàn không, nhưng sao cứ phải kiếm thầy chữa trị, dùng mọi phương thuốc?

Tổ Sư nói: Đem tâm hư không, hợp vào lý hư không, cũng không có lượng hư không mới đắc được báo bất tương thù (không trả báo).

Phân Dương Vô Nghiệp Thiền Sư nói:

Ngày nay người ta giải thiền giải đạo đến hàng sa số. Nói Phật nói

tâm có đến trăm ngàn vạn ức. Một hạt vi trần vẫn không hết thì chưa thoát khỏi luân hồi. Hệ niệm không quên, làm sao không thối đạo. Như các loại này còn không tự biết nghiệp báo của mình lại vọng nói việc tự lợi lợi tha. Tự cho mình là thượng lưu, ngang hàng với chư vị tiên đức. Chỉ biết nói rằng việc xúc chạm trước mắt đều là Phật sự, động chân cất bước đầu là đạo tràng. Còn việc tu tập hành trì, lại không bằng hạng phàm phu giữ ngũ giới thập thiện.

Xem những lời phát ngôn của họ, hiềm chê người là hàng nhị thừa thập địa Bồ-tát. Vả lại đề hồ thượng vị, là vật trân quý ở đời, nếu gặp phải bọn người này ắt sẽ hóa thành độc dược. Giả sử có tài ngang với Ngài Mã Minh, giải ngộ đồng như Ngài Long Thọ, Cũng chỉ được một đời hai đời không bị mất thân người. Khi mạng lâm chung, một chút tình lượng phàm Thánh không dứt, một vi trần tư niệm chưa buông, thì sẽ tùy niệm thọ sinh, tùy theo ngũ ấm khinh trọng, sẽ hưởng về thai lữa bụng ngựa mà thác sinh, vạc dầu lò lửa thiêu đốt thân tâm. Trước kia thường ghi nhớ nắm trì kiến giải, nhất thời đều mất hết. Y vào nghiệp cũ lại sinh vào các loài trùng kiến, tuy là thiện nhân mà chiêu lấy ác nghiệp.

Hòa thượng Viên Ngộ nói: Ranh giới của sinh tử, rơi vào trong chỗ lành không dễ, duy chỉ có bậc đại đạt siêu chứng, một lần dứt đoạn thì không khó.

Nhưng đều tuy do căn lực của mình, cũng cần phải mượn phương tiện. Lúc bình thường đối với vài cảnh giới nhỏ, chuyển thành hạnh được, thông suốt đã được, bỏ những điều cạn cợt đi, nuôi dưỡng sự thuần thực. Đến khi tạ duyên đời, tự nhiên không còn lo sợ gì. Cho nên bậc cổ đức đứng ngồi đi nằm đều có thể thoát xác, đều dưỡng mãnh, đều là do đào thải hết những việc trước kia mà được yên tịnh. Hương lâm bốn mươi năm được thành một khối. Đồng Tuyên bốn mươi năm còn có tẩu tác, Thạch Sương khuyên người nên bỏ hết ngừng hết lò hương miếu xưa.

Ngài Vĩnh Gia nói: Thể tức vô sinh, liễu vốn không mau. Bởi không ngừng tu tập, niệm đây ở đây mới được vô ngại tự tại, sau khi xả thân, đặc ý sinh thân, tùy tự ý thú, hậu báo đều dùng lý sai sử, không do nghiệp lôi kéo. Cái gọi là thấu thoát sinh tử? Nên biết chư Đại sư đều đã đi qua, chỉ là tìm cầu chỗ sinh tử tốt đẹp. Đường đi tuy khác nhau nhưng đều hướng đến tịnh nhất. Xưa có vị cuồng tăng tự phụ với chỗ thấy biết của mình, ta bèn hỏi rằng: Ông tin được xuất gia không? Người tin được thân ở Trường An không? Vị Tăng ngạc nhiên nói “Không tin”. Ta nói:

Khi ông nằm mơ, hoặc nằm mơ khi chưa xuất gia, khi thấy cha mẹ anh em, hoặc khi trẻ con chơi đùa, lúc ấy có biết thân mình là khách không? Vị Tăng nói: “Không biết”.

Ta nói: Dù cho ông tin được xuất gia và hành cước thật sáng tỏ thì sự kiến đạo của ông mới rõ ràng. Đàng này không được như vậy, mới nằm xuống gối đã bỏ tăng làm tục, đổi khách làm nhà, mà tự mình đã không biết. Huống gì sinh tử đêm dài mà chỉ dựa vào chút ít hiểu biết của ông, làm sao bảo đảm rằng sẽ không bị điên đảo? Lúc ấy kẻ cuồng tăng ấy giật thót người.

10. *Viên thật đạo*, nghĩa là Hoa tạng thế giới, một sát-na, một vi trần, mà bao hàm vô lượng quốc độ, vốn không có tịnh uế, làm gì có qua lại. Cho nên trưởng giả nói, cõi Tây phương Tịnh độ là Quyền biến mà không có thật. Vì tình chấp thủ xả, chẳng phải là thể pháp giới như như.

Đáp: Nếu ước về chân luận thì Hoa tạng thế giới cũng là Quyền lập, huống gì riêng cõi Tây phương. Như trong luận nói, lý trí vô biên, gọi là Phổ. Trí tùy theo căn mà tăng lên, gọi đó là Hiền. Vậy Phổ Hiền Bồ-tát cũng là Quyền biến. Văn-thù-sư-lợi là diệu tuệ khéo giảo trạch ở tự tâm, các Bồ-tát Giác Thụ, Mục Thụ... tùy tín tâm mà lý trí hiện tiền, các Bồ-tát đó... và Văn-thù đều là Quyền. Như các bậc Thánh hiền ở phương này như Khổng Phu tử, Nhan Hồi trong luận đều cho là biểu pháp, vốn không có người thật. Vậy tất cả Bạc hiền Thánh đều là Quyền biến.

Nay ta thử so sánh định lượng về Ngài Văn-thù, Phổ Hiền cùng các Bạc hiền Thánh ở phương này, là Quyền hay là Thật?

Nếu cho là Quyền thì hiện nay vẫn có các vị ấy và sự việc đi đứng nằm ngồi, những lời di ngôn vẫn còn đó. Nếu nói thật thì trưởng giả ấy cũng là khi phạm diệt Thánh, phạm tội đại vong ngữ. Nói như đây thì Tây phương Tịnh độ cũng thể nhập vào sát trần. Sát trần cũng bao hàm cả Tây phương, sao lại có chuyện Quyền và Thật?

Lại trong luận có nói: Thể của Liên Hoa tạng là hạnh đi theo pháp thân, không y trụ vào trí thể mà được. Cung điện là quả báo hàm chứa tổng đại Bi. Lâu các là quả báo của trí chiếu quán căn thuận theo lòng bi tế độ chúng sinh, đất kim cương bằng phẳng là quả báo của Pháp thân tự tánh. Ma-ni trang nghiêm là quả báo của hạnh đi theo pháp thân giới thể. Kim cương luân bao quanh núi, là quả báo của giới đại bi phòng hộ nghiệp. Chúng hoa trang nghiêm là quả báo của Sự khai mở của vạn hạnh lợi sinh. Bảo thọ là quả báo của việc thực hành lợi sinh

đùm bọc che chở hàm thức. Nhưng nghiệp chúng sinh không có tương ứng, dù cùng ở chung mà không thấy. Giống như các loài quỷ và linh thần, cùng ở chung với người, mà người không thể nhìn thấy. Như vậy thì đều gọi là Hoa tạng thế giới, có đồng với sát trần mà ông nhìn thấy không? Nếu cho là đồng, thì các Ngài Mục-liên, Xá-lợi-phất, cái nghe cái thấy vẫn còn bị ngăn cách. Nếu nói là khác thì sao gọi là nhất chân. Lại như có tăng Linh Cán, hành trì pháp quán Hoa Nghiêm và quán Di-lặc thiên cung, đến khi bệnh nặng, mắt nhìn lên trên, như có thấy điều gì. Kẻ đồng chân hỏi thì Ngài nói: Thấy đồng tử dẫn đến thiên cung Đâu-suất, hưởng lạc chẳng lâu dài, cuối cùng cũng đọa vào luân hồi, Liên Hoa Tạng mới chính là mong cầu của ta. Nói xong thì hơi thở dứt, trong khoảnh khắc thì sống lại. Đồng chân lại hỏi trông thấy gì. Tăng Cán đáp: Thấy nước lớn đầy khắp, hoa như bánh xe, được ngồi lên đó, ý nguyện tròn đủ. Nói xong thì lâm chung.

Cho nên Ngài Thanh Lương Quốc sư có nói: Quán hạnh thì thiên đồng rước, mà nước lớn tràn ngập thì sẽ vãng sinh về Tây phương, hai việc này là đồng hay khác. Cho nên biết rằng một giọt nước biển tràn ra khắp nơi, một ngọn lửa đom đóm tỏa sáng cả núi, chẳng cần phải nhọc công, là người có trí không nên phân biệt như thế!

(Nghĩa là nói cõi Ta-bà ở Hoa tạng tầng thứ mười ba, đó là báo độ của phàm phu, chẳng phải là Tịnh độ của Phật. Trưởng giả luận về Hoa tạng cùng Hoa tạng của tăng Linh Cán sinh về, đều là báo độ của Phật, phàm nhân cùng ở mà không thể thấy được).

THỨ 9: PHÁP MÔN TU TRÌ

Tình trần tích tụ trong nhiều kiếp, rồi nhiều đời sinh ra trong biển ai dục, như loài cỏ rêu ăn dần kiếm báu, như bùn sét nuốt hạt châu. Không có đá mài thì chẳng có ăn mòn, bỏ đi cấu uế thì mới được tỏ sáng. Muốn đắc được tâm tịnh thì phải diệt trừ uế. Người ngộ thì thường phải quán sát tỏ thông. Người mê thì cần khắc phục thêm. Nếu không rồi sẽ chịu trôi buộc trong lưới tham ái thật đáng thương xót.

Khổng Tử có nói: “Khốn khổ mà không học, là hạng hạ dân.” Nay muốn trong một đời, đạt được quả tăng-kỳ, trong mười niệm thấu nhiếp cả lộ trình ức vạn. Há đó là cái thấy và tư tưởng thiển cận sao. Tâm kết khẩu trần, sở năng đều siêu việt. Không dính vào một niệm nhãn, không lụy nhiều đời, như pháp mà tu, tránh đọa vào ác đạo.

1. Tịnh ngộ môn.

2. Tịnh tín môn.

3. Tịnh quán môn.
4. Tịnh niệm môn.
5. Tịnh sám môn.
6. Tịnh nguyện môn.
7. Tịnh giới môn.
8. Tịnh xứ môn.
9. Tịnh lữ môn.
10. Bất định tịnh môn.

1. Nói tịnh ngộ môn đó, hành giả muốn sinh về Tịnh độ thật, thì nên tham cứu một cách chân thật, như pháp mà liễu ngộ. Vì sao? Vì ngộ là đấng đạo sư dẫn dắt người ra khỏi mê lầm. Như người vào nhà tối, phải đốt đèn cho sáng lên. Giác ngộ sẽ đưa ta vào cõi tịnh, như người đi xa, cần phải biết lộ trình mình phải đi. Ngộ là lãnh tụ của muôn hạnh. Như người xông pha vào trận mạc, phải tùy theo vị chủ soái:

- a. Ngộ thì có thể hiểu biết ngay uest hằng tịnh mà không bỏ tịnh.
- b. Nghe cõi Phật, thanh tịnh bất khả tư nghì, mà không sợ hãi.
- c. Biết cứu cánh là không, không mất nhân quả, không làm các điều ác.
- d. Biết cõi tịnh kia không đến không đi, ở đây cũng không đến không đi.
- e. Ngộ thân lượng Phật biến đầy cả hư không. Thân lượng của chúng sinh cũng biến cả hư không. Như nghiệp lực ở địa ngục một người cũng đầy khắp, nhiều người cũng đầy khắp.
- f. Nghe vô lượng các hạnh trải qua A-tăng-kỳ kiếp, như người nói các việc trong khoảnh khắc, mà không kinh sợ.
- g. Tu thập thiện tam phước, không trụ vào nhân thiên
- h. Như nhớ lại các việc trong khi nằm mộng sau khi thức giấc, không nghĩ việc có không.
- i. Như mắt nhìn thấy cố hương, tin hay không tin cũng không thể được.
- j. Như pháp vô ngã, thuận theo tánh làm lợi ích chúng sinh, cho đến thành Phật, không hề nhàm mỏi. Cho nên Bồ-tát nhập vào môn này rồi thì thành tựu được bách pháp, tùy ý được sinh về. Cho nên trong phẩm thượng của Quán kinh có nói: “Hiểu sâu được nghĩa thú, đối với Đệ nhất nghĩa tâm không kinh động.” Sở nói rằng: “Đệ nhất nghĩa đó là Thật tướng của các pháp. Dùng ngôn ngữ thì đạo đoạn, tâm hành thì xứ diệt” Lại ý nghĩa sáu niệm trong thượng phẩm có nói: “An tâm bất động, gọi đó là niệm.”

Sớ sao nói: Lý nghĩa đệ nhất, không bị hai bên làm động, gọi chung là niệm.

Thế nên cõi Tây phương như các vị Long Thọ, Thiện Tài, Vi-đề-hy... nhờ nhập địa mà vãng sinh, phương này như các Ngài Viễn Công, Trí Giả, Vĩnh Minh... nhờ chứng ngộ mà vãng sinh. Trong tất cả kinh luận đều có chép đủ, đây không thể nói hết. Trong luận thì có nói sinh về kia, mà được giác ngộ là nói cho hạng trung hạ, cho đến nói giác ngộ Phật tự thân, đâu cần cầu vãng sinh. Đây là nói cho hàng thập địa Bồ-tát trở lên, như nói ngộ Đệ nhất nghĩa mà các kết sử chưa đoạn, đều không cầu sinh, thì như Ngài Long Thọ, Vĩnh Minh... như dụi mắt sinh ra hoa đốm, không việc mà thành đa sự vậy.

2. *Tịnh tín*: Trong Trí Độ luận có nói: Như ở trong tâm người, có lòng tin thanh tịnh, thì người đó có thể nhập vào pháp Phật. Nếu không có lòng tin thì không thể vào được. Ví như da trâu chưa thuộc cho mềm mại thì không thể cuốn lại. Người bất tín cũng thế.

Lại trong kinh nói lòng tin là tay. Như người có tay vào trong núi báu, có thể lấy dùng tự tại. Con người không có tay thì có vào đó cũng không lấy được. Tín cũng như thế. Xưa có Vương Trọng Hồi hỏi Vô Vi Tử rằng: Làm thế nào niệm Phật không gián đoạn, Vô Vi Tử nói: Sau khi tin rồi thì không còn nghi, thì đó là không bị gián đoạn vậy. Trọng Hồi vui mừng lui ra, chẳng bao lâu thì được vãng sinh, sau có trở lại cảm tạ. Thế nên, là người tu hành, chưa thể đốn ngộ, nên gieo trồng niềm tin sâu xa, không kinh sợ không giao động.

- a. Tin lời nói thành thật từ kim khẩu Phật nói ra, quyết định sẽ được vãng sinh.
- b. Tin vào tự tâm rộng lớn, thì sẽ có công đức thanh tịnh như thế.
- c. Tin nhân quả như bóng theo hình, nhất định sẽ mang theo.
- d. Tin hình thức của thân này và tất cả sự kiến lập của thế giới như bóng nắng, hoa đốm không tồn tại.
- e. Tin cõi đời ngũ trước ác thế này, luôn bị các thứ nóng lạnh khổ não tương uế bức bách, không một phút giây sống xót.
- f. Tin tất cả pháp đều do tâm, như nhớ me mà nuốt nước bọt.
- g. Tin vào niệm lực bất khả tư nghì, như là nghiệp lực.
- h. Tin thai sen là bất khả tư nghì, như bào thai.
- i. Tin Phật có vô lượng thân, vô lượng thọ, vô lượng quang, bất khả tư nghì. Như thân kiến, thân phù du tỏa ánh sáng ra đều bất khả tư nghì.
- j. tin thân này, nhất định rồi sẽ chết. Nếu người có đầy đủ mười

lòng tin này, thì đỡ chân cất bước, đều là niệm Phật. Thế nên biết rằng: Một chữ tin này, thông cả thượng trung hạ. Nhưng niềm tin lại có đại tiểu. Nếu không có tín lực sâu xa, có khác gì chim không cánh, thì không thể bay lên được.

3. *Tịnh quán*: cấu uế của chúng sinh có từ vô thủy biến tất cả pháp, như vàng còn nằm trong khoáng. Người tu Tịnh nghiệp, nên tu thêm các pháp quán hạnh, trừ hết tập khí, đó là rào tường của bách pháp, là cầu bến của vãng sinh.

a. Tịnh quán, nghĩa là quán tướng hảo của Phật, như trong kinh Thập Lục quán có nói vậy.

b. Bất tịnh quán: Nghĩa là quán thân tâm bất tịnh, khí thế giới bất tịnh mà sinh lòng nhàm chán.

c. Quán vô thường: Nghĩa là quán tất cả pháp là vô định, như sắc đẹp, người dâm dật cho là vui. Phụ nữ ghen ghét cho đó là khổ. Người quán hạnh quán các pháp đó thấy các sự xấu ác lộ ra. Các loại khác quán xem như cây đất.

d. Quán hòa hợp: Nghĩa là quán thân này là thế giới, thấy nghe hiểu biết này như chứa cây làm nhà, chứa đất làm bờ, chứa các loại màu sắc để thành bức họa, không có thật thể.

e. Đối trị quán: Nghĩa là quán tự thân, kiết tập nào là trọng yếu, nên dùng pháp gì để đối trị, như loại thuốc và các thứ ẩm thực ít lạnh mà đắng chát, lúc bệnh nóng thì dùng làm thuốc, đối với bệnh khác thì không phải là thuốc. Như các loài dược thảo ẩm thực ít cay nhiều ngọt nóng thì đối với bệnh lạnh là thuốc, bệnh khác thì không phải. Quán sát như thế để đối trị.

f. Quán tầm hối: Nghĩa là quán tất cả chúng sinh, từ vô lượng kiếp đến nay, đối với ta đều từng làm cha mẹ anh chị em với nhau, dâm loạn với nhau mà không biết, như loài Kiêu Kinh giết hại cha mẹ. Như loài trâu dê chim tước hôn phối với thân thuộc. Loài kia không nhận biết được, mà con người nhận thấy được thì xấu hổ cười nhạo. Chư Phật Bồ-tát nhìn thấy chúng ta cũng như thế. Vậy chúng ta nên sinh lòng hối hận vô cùng.

g. Niệm niệm quán: Quán trong tất cả thời, có bao nhiêu tâm nhớ nghĩ Phật, bao nhiêu tâm lợi sinh, bao nhiêu tâm nhớ sạch chàm đấm.

h. Quán bình đẳng: Quán tất cả sắc như một sắc, đều không có tốt xấu. Quán tất cả âm thanh như một âm thanh không có khen chê. Quán tất cả thọ như một thọ, không có ân oán. Quán tất cả nghĩa như một nghĩa không có cạn sâu.

i. Quán vi tế: Quán niệm Phật niệm pháp, từ đâu đến, đi về đâu.

j. Quán pháp giới: Nghĩa là quán một cọng lông, một vi trần, một cọng cỏ, một lá cây đều có vô lượng cõi Phật thanh tịnh nơi đó. Hành giả lúc hành các pháp quán, lấy tịnh quán thứ nhất là chính, còn chín pháp quán khác làm phụ. Như tìm trân châu trong đá, nếu không chẻ đá, thì không thể lấy được châu.

4. *Tịnh niệm*: pháp niệm Phật gọi là nhất hành Tam-muội, duy ở nơi chỗ quyết định, nếu không đặc niệm ắt sẽ bị tán loạn, Tam-muội không thành.

a. Nhiếp tâm niệm: Nghĩa là tất cả nơi đều nhiếp niệm không quên. Giả như có mê ngủ thì buộc niệm mà ngủ. Không bị cách niệm, không xen niệm khác.

b. Dũng mãnh niệm: Như người hiếu sắc, nghe nơi nào có dâm nữ thì dù nơi xa xôi hiểm trở cũng tìm đến mà không sợ hãi.

c. Thâm tâm niệm: như đại dương sâu rộng, cũng có chỗ tận cùng, bờ giác mênh mông, không đến chỗ tận cùng thì không ngừng nghỉ.

d. Quán tướng niệm: Nghĩa là trong mỗi niệm, thấy ba mươi hai tướng, tám mươi tướng tốt tùy hình.

e. Tức tâm niệm: Nghĩa là dứt tất cả danh tâm, dục tâm, quan tâm, tâm thế gian, tham luyến tâm, cống cao tâm, tâm ngăn che, tâm nhân ngã thị phi. Đó là niệm Phật.

f. Bi đề niệm: (tâm thương xót): Mỗi khi quán tưởng Phật, mỗi cọng lông nơi thân đều dựng đứng lên, ngũ nội như vỡ tan ra, như nhớ mẹ hiền ảm bồng lúc thiếu thời và đứa con quá cố có đa tuệ.

g. Phát phần niệm: Như lạc vào nơi cô tịch lạnh lẽo, mỗi một niệm không muốn sinh về đó.

h. Nhất thiết niệm: Thấy nghe hiểu biết, cùng trong mỗi niệm, trong xương tủy, chân lông, không có nơi nào mà không niệm Phật.

i. Tham cứu niệm: Nghĩa là niệm Phật một tiếng, liền niệm chỗ đến của tiếng này.

j. Thật tướng niệm: Nghĩa là không lấy hữu tâm mà niệm, không lấy vô tâm mà niệm chẳng lấy tâm chẳng phải có không mà niệm. Đó chính là thượng phẩm niệm Phật môn. Người niệm Phật như thế, hiện đời ắt sẽ được thấy Phật.

5. *Tịnh sám*: Trong kinh nói: Tâm trước khởi tội, như mây che hư không. Tâm sau diệt tội, như ánh đèn phá tan bóng tối.

Lại nói: Y phục bị cấu bẩn cả trăm năm, có thể trong một ngày hoàn toàn được giặt rửa sạch. Cho nên muốn trừ chướng nặng, nên cần

câu sám hối.

Nội sám: Sám cái nhân bất tịnh của tâm ý thức.

Ngoại sám: Sám tất cả sắc, tất cả thính và tất cả pháp bất tịnh.

Sự sám: Sám mười tám giới, hai mươi tám hữu và tám vạn bốn ngàn trần lao kết sử, chướng ngại sự tu học trải qua A-tăng-kỳ kiếp, thấy các hạnh nghiệp lợi sinh của chư Phật.

Lý sám: Nghĩa là sám hối từ khi mới vào đạo đến nay các thứ hiểu giải có được, chỗ học kinh luận, nghe các nghĩa sâu xa, các bệnh tác, chỉ, nhậm, diệt, chướng ngại trí vô lậu của Phật.

Quá khứ sám: Sám từ đời vô thủy đến nay những ác nghiệp đã làm, tuy đời nay không có trộm cắp, mà sở cầu không được như ý, tức là nghiệp trộm chưa dứt. Đời này tuy không tà dâm, nhưng lại gặp quyến thuộc không vừa ý, là do nghiệp dâm chưa dứt. Tuy đời này không vọng ngữ báng pháp, nhưng lời nói ra người nửa tin nửa ngờ, như vậy nghiệp báng pháp và vọng ngữ chưa dứt hết. Ở trong tất cả pháp giới, quán sát tất cả nhân. Nên biết rằng đời trước không có việc ác nào mà không làm, phải sám hối tất cả.

Vị lai sám: Tất cả ác pháp nay nên dừng lại, cho đến tận đời vị lai vĩnh viễn không làm nữa.

Hiện tại sám: Đời này có các nghiệp khổ sinh lão bệnh tử, các nghiệp phiền não, các nghiệp cử chân cất bước, nghiệp tâm động, miệng nói, cùng vô lượng các nghiệp vi tế.

Sát-na sám: Nghĩa là trong một niệm có chín mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sinh diệt. Vậy một sinh diệt là một sám hối cho dứt.

Cứu cánh sám: Trong “Đẳng giác vị” có một phần vô minh, giống như hạt bụi vi tế cuối cùng được tẩy sạch.

Pháp giới sám: Nghĩa là ở trong pháp tánh, không có ta không có người, sám hối khắp mười phương chúng sinh trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu chân thật sám hối thì tất cả chướng ngại sẽ tiêu trừ, không lìa đạo tràng, được thấy khắp cả chư Phật.

6. *Tịnh nguyện*: Trong Trí Độ luận có nói: Các Bồ-tát thấy chư Phật ở trong vô lượng thế giới nghiêm tịnh, phát hoằng thệ nguyện. Có thế giới Phật không còn các chúng khổ, cho nên không có tên ba ác đạo. Bồ-tát thấy như thế rồi, tự phát nguyện rằng: Lúc ta thành Phật, trong thế giới không có các điều khổ, cho đến không có tên ba ác đạo cũng như thế. Có thế giới Phật trang nghiêm bảy báu, ngày đêm thường có ánh sáng thanh tịnh, không có mặt trời mặt trăng, liền phát nguyện

rằng: Khi ta thành Phật thế giới cũng thường có ánh sáng nghiêm tịnh như thế. Có thế giới Phật, tất cả chúng sinh đều hành thập thiện, có đại trí tuệ, y phục, thức ăn uống tùy theo niệm khởi liền có, Bồ-tát liền phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật, tất cả ẩm thực y phục của tất cả chúng sinh ở trong thế giới cũng nên như thế. Có thế giới Phật, chư Bồ-tát đều có sắc thân ba mươi hai tướng như Phật, ánh quang minh tỏa rực, cho đến không có tên Thanh văn, Bích-chi-Phật, cũng không có người nữ, tất cả đều hành trì Phật đạo thâm diệu, du hóa khắp mười phương, giáo hóa tất cả chúng sinh, liền phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật, chúng sinh ở trong thế giới cũng lại như thế.

Vô lượng các cõi Phật nghiêm tịnh như thế, nguyện đều đạt được, cho nên nói rằng: Nguyện thọ vô lượng thế giới của chư Phật.

Hỏi: Hạnh nghiệp thanh tịnh của chư Bồ-tát, tự đắc được tịnh báo, cần gì phải lập nguyện, rồi sau đó mới đạt được. Cũng như nhà nông được mùa, đâu cần phải đợi cầu nguyện.

Đáp: Làm phước mà không phát nguyện thì không có mục tiêu. Nguyện như người dẫn đường mới đi đến chỗ thành tựu. Cũng như vàng bị nung chảy ra, tùy theo tay thợ làm ra, vì vàng thì vô định. Như lời chư Phật nói: như người tu một ít phước bố thí, tu ít phước giữ giới, không biết pháp thiện, nghe ở trong cõi người có người phước lạc, hoặc nghe ở cõi Dục thiên, Sắc thiên, tâm liền ưa thích. Sau khi mạng chung, liền sinh vào những nơi đó. Bồ-tát cũng như thế, tu nguyện vào thế giới tịnh, sau đó mới có thể đạt được. Vì thế mà biết rằng: Do nguyện mà thọ được quả báo thù thắng. Lại nữa, cõi Phật trang nghiêm là việc trọng đại, công đức độc hành thì không thể thành được. Vậy nên chủ yếu là cần có nguyện lực. Cũng như sức của con trâu có thể kéo xe, cần có người điều khiển thì mới có thể đi đến nơi, nguyện tịnh thế giới cũng như thế. Phước đức như trâu, nguyện như là người điều khiển.

Hỏi: Nếu không phát nguyện, thì không có phước ư?

Đáp: Tuy đạt được cũng không bằng có nguyện. Nguyện có thể hỗ trợ cho phước, thường nghĩ đến sở hành thì phước đức tăng trưởng. Do nghĩa này, mà người tu pháp tịnh Phật quốc độ, nên phát đại nguyện:

Không vì phước đức mà nguyện, nguyện vì tất cả chúng sinh cầu sinh về Tịnh độ.

Không vì quyến thuộc mà nguyện, nguyện giúp tất cả quyến thuộc Như Lai, sinh về Tịnh độ.

Không vì bệnh khổ mà nguyện, nguyện trị tất cả bệnh vô minh ở thế gian mà sinh về Tịnh độ.

Không vì Chuyển luân vương mà nguyện, nguyện Chuyển pháp luân của chư Phật, làm đại pháp vương mà sinh về Tịnh độ.

Không vì dục giới mà nguyện, nguyện lia tất cả ngũ dục vi tế mà sinh về Tịnh độ.

Không vì sắc giới mà nguyện, nguyện lia tất cả chấp chước Thiên mà sinh Tịnh độ.

Không vì vô sắc giới mà nguyện, nguyện độ tận các sự lưu chú vi tế, chứng vô lượng thân tướng hảo mà sinh về Tịnh độ.

Không vì hàng Thanh văn, Bích-chi mà nguyện, nguyện đem phước đức nhị nghiêm, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh mà sinh về Tịnh độ.

Không vì một thế giới hay ngàn thế giới mà nguyện sinh về. Nguyện thay thế vô số thế giới khổ, cứu bạt tất cả chúng sinh mà nguyện sinh về.

Không vì chúng sinh trong một A-tăng-kỳ kiếp và chúng sinh trong ngàn A-tăng-kỳ kiếp mà nguyện sinh về. Nguyện thay thế chúng sinh khổ trong vô lượng vô số A-tăng-kỳ kiếp khổ của chúng sinh, cứu bạt tất cả chúng mà nguyện sinh về Tịnh độ.

Nếu phát các đại nguyện như thế, cho đến sát-na cuối cùng, nhất định sẽ được như trong nguyện của Ngài Phổ Hiền đã nói. Cho nên biết rằng nguyện chính là thuyền từ đưa người qua biển khổ, là đấng mình sư đưa người về cõi Cực lạc.

7. Tịnh giới: Tất cả tịnh pháp đều lấy giới làm căn bản. Như người làm nhà trước tiên cần phải có đất bằng. Như họa sĩ muốn vẽ sông núi, trước phải có lụa trắng sáng sạch, sau đó mới tô màu sắc. Giới cũng như thế, cho nên nói giới là căn bản của các thiện pháp. Cánh cửa đầu tiên để đi vào Tịnh quốc, nếu không trì giới, thì như người nữ xấu ác muốn vào trai đàn thật không thể được.

Giới xan tham, nghĩa là thực hành bố thí tài, mạng và pháp thí, không có yêu tiếc.

Hủy cấm giới: Nghĩa là ngũ giới, luật nghi giới, cho đến vô lậu giới đều trì đầy đủ.

Sân nhuế giới: Nghĩa là dùng giới để điều phục tâm và thân khẩu, nếu gặp lời ác khẩu như đao trượng, chỉ nên tư duy các pháp nghiệp nhân duyên, nghĩ đó là trả nợ, là đạo sư, là trận phong hàn nóng lạnh.

Phóng dật giới: Là sinh tử hiểm nạn, không phải là chỗ gửi thân. Như người cầm đầu bát dầu đi trên một sợi dây, không nhìn nghiêng ngửa hai bên và không sinh niệm khác.

Tán loạn giới: Nghĩa là giữ nhiếp các căn, dứt hết ảnh duyên, như giữ ngọn đèn trước gió, như phóng sinh chim.

Ngu si giới: Nghĩa là dùng trí tuệ phá hết mê lầm. Như người làm việc thường nhờ ánh sáng mặt trời, nếu là đêm dài thì tất cả công việc đều phế bỏ hết. Cũng như ngọn đèn sáng cho người có mắt nhìn, đối với người mù, hoặc ngù, thì sông núi đất trời chẳng có nghĩa gì cả.

Kiều mạn giới: Nghĩa là không vì sự tài biện mà cống cao, không vì sự ngộ giải mà cống cao, không vì sự tranh luận mà cống cao. Tất cả chỗ đạt được, như bụi trần ở trong đại địa, như cấu bẩn ở trên mặt gương. Không nên đem cấu này để kiêu ngạo cấu kia.

Phú tàng giới: Nghĩa là trong tất cả chỗ của chư Phật, tất cả chỗ của Bồ-tát, tất cả chỗ của thần minh đều không thể che lấp, như trốn bóng mình dưới ánh nắng mặt trời, dấu tánh ướt trong nước, dấu bụi trong cát, không thể nào trốn được.

Vô ích giới: nghĩa là tất cả các việc hý luận vô ích, tất cả thi văn vô ích, tất cả trần duyên vô ích, tất cả miệng nói giải thoát vô ích thì đều nên xa lìa.

Thập trụ giới: nghĩa là như trì giới ở trên, chỉ vì sinh về Tịnh độ, làm lợi ích chúng sinh, không cầu nghe khen ngợi và các quả nhĩ thừa nhân thiên. Bồ-tát hành tịnh giới như thế, thì có thể nhiếp chúng sinh sinh về Tịnh độ. Vì tất cả chúng sinh tuy vô cùng tối tăm, ngoan cố, nhưng cũng đều khát ngưỡng giới đức.

8. *Tịnh xứ*: Người học đạo là đã có trí xuất trần, thì nên lìa bỏ hết những nơi xấu ác. Nếu không lìa bỏ, thì sự chán ghét chưa cùng cực, như vậy thì sự ưa thích Tịnh độ cũng chưa cùng cực. Ngài Long Thọ nói: Tâm Bồ-tát không quý cầu ngôi Chuyển luân Thánh vương, hay cầu phước lạc nhân thiên, mà chỉ cầu niệch chư Phật, cho nên tùy vào sự chú trọng của tâm mà cầu sinh về Tịnh độ. Nay những nơi vừa ý nhỏ nhặt mà không lìa bỏ được, huống gì là ngôi Chuyển luân Thánh vương. Như người bị cột chân lại muốn đi; cánh buộc lại muốn bay; đến đi đều bị ràng buộc, hai tâm, hư vinh.

Chỗ phồn hoa huyền ảo nên tránh

Xa lánh chỗ cao lâu tửu điểm

Chỗ nóng bức thiêu đốt nên xa lìa

Xa lìa chỗ luận bàn về chính sự và tự thân không chứng kiến.

Nên xa lìa chỗ ân ái buộc ràng và các nơi du lịch

Xa lìa các nơi thi đàn văn xả và đấu chương trích cú

Xa tránh chỗ cạnh tranh, chế nhạo các việc cổ kim

Nên xa lìa nơi giảng đạo không có nghĩa vị của đạo

Nên xa lìa những nơi khoe khoang tiểu trí, những nơi nghĩa giải, đấu tranh danh tướng.

Xa lìa những kẻ cuồng giải, bàn suông sự đốn ngộ, xem thường giới luật.

Vì những nơi đó như ma chướng làm não loạn đạo, nên phải xa lìa thì đạo nghiệp mới mong thành tựu.

9. Tịnh lữ: Tất cả căn cơ ngộ giải không phải bạn lữ thì không phát. Tất cả ác pháp không phải bạn hữu thì không dừng, như xe có hai bánh, bỏ một tất sẽ bị nghiêng đổ. Cho nên văn tự thế gian, các pháp hý luận, nững cần phải có sự đồng tâm ấn chứng, hướng gì là chí cầu đại đạo vô thượng.

Kinh Nhân Duyên nói: Ví như gió tách tuy là không, tử rừng trầm, chiên-đàn thổi hương đưa đến mà gió có diệu hương. Nếu từ các mùi xú uế mà đến, thì gió đó trở nên thúi; lại cũng như y sạch đem đặt vào hòm hương, thì y đó phát ra mùi hương. Nếu đặt vào chỗ xú uế, thì y sẽ bị hôi theo. Bạn lữ cũng vậy. Người hành đạo cầu bạn lữ, thì nên phân biệt kỹ về tịnh uế.

Là bạn chốn núi rừng khe suối nên gần, có thể giúp tâm bớt sự giao động.

Bạn nghiêm trì giới luật nên gần, xa lìa dục vọng.

Bạn trí tuệ rộng lớn nên gần, có thể giúp ta ra khỏi bờ mê.

Nên gần gũi bạn thông thái văn tự, có thể giải hết vấn nạn nghi ngờ của ta.

Bạn ở nơi chốn tịch mặc yên tĩnh, ta nên gần gũi để giúp cho Sự tiến thủ của mình.

Nên gần gũi người bạn khiêm cung nhẫn nhục, làm tiêu bớt ngã mạn cho ta.

Nên gần gũi người bạn trực tâm chí thành, có thể ngăn sự lầm lỗi của ta.

Nên gần gũi người bạn đồng mãnh tinh tấn, có thể mau thành đạo quả cho ta.

Nên gần gũi người bạn khinh tài ưa bố thí, phá hết sự keo sển của ta.

Gần gũi bạn nhân từ, che chở loài vật, không tiếc thân mạng, có thể giúp ta phá trừ ngã chấp.

Nếu không có bạn lữ thanh tịnh như vậy, thì ta nên tìm ở riêng một chỗ, tự tham cứu đạo nghiệp, lấy tượng Phật làm thầy, kinh luận làm

bạn. Xa lìa hết các bợn hý luận bên ngoài. Như người vào trong vườn tuy không có hoa quế, không gặp cỏ xú, không lấy gì để thưởng thức thì cũng không có gì nhàm chán.

10. Bất định tịnh: Tất cả căn khí của chúng sinh đều có lợi độn không đồng, như các pháp đã nói ở trên, đều thuộc hàng thượng căn lợi khí mới có được đầy đủ. Vì thế Đức Như Lai mới thiết lập ra nhiều phương tiện, khai chín phẩm pháp môn, phân có thượng trung hạ cho ba hạng căn cơ tu tập.

Hoặc giải rõ nghĩa đế, nhưng chưa hoàn toàn hàng phục hoặc nghiệp. Hoặc không thể giải nghĩa sâu xa, chỉ có thể tụng đọc kinh luận.

Chỉ y vào lời nói mà sinh lòng tin hoặc nhân người khác mà sinh lòng tin. Hoặc gặp kẻ bần cùng hủy nhục mà sinh tin.

Hoặc quán kim tượng, hoặc tùy ý mà quán một tướng.

Hoặc sớm tối trì mười niệm, trăm niệm, cho đến ngàn niệm.

Hoặc chỉ sám những tập khí thô trọng và mười pháp bất thiện.

Hoặc vì sợ sinh tử, phát nguyện vãng sinh. Hoặc gặp khổ nạn, phát nguyện vãng sinh. Nhưng không nguyện làm nhân thiên và các phước đức.

Hoặc chỉ trì tám giới năm giới, cho đến các giới sát đạo dâm vọng.

Những nơi ồn náo không thể xa lìa hết, nhưng luôn luôn sinh tâm nhàm chán.

Đối với các việc thế pháp trong cõi người, ta chưa thể đoạn hết, nhưng không tùy thuận theo.

Như trong phẩm hạ của Quán kinh nói: Hoặc chỉ niệm mười tiếng trong lúc lâm chung, như các pháp ở trên, chỉ trí tâm thọ trì vào một pháp thì đều được vãng sinh, duy không được nghi ngờ và tin tưởng lẫn lộn. Nếu nghi ngờ, thì tất cả các hạnh đều không thành tựu. Như người trong đêm, riêng mình đi trên con đường xa, không được nghi ngờ. Cho nên chúng sinh nghe pháp, nghi thì chẳng bằng như không nghe. Vì sao? Người kia không nghe là không nghe pháp, chỉ không nghe pháp thì không có chướng nạn, còn nghi sẽ có chướng nạn.

THỨ 10: THÍCH DỊ MÔN

Đại chỉ của Tây phương, trong kinh có nói rõ. Yếu môn Tịnh độ, các luận có giải thích đủ. Như Thiên Thân, Trí Giả, Hải Đông, Việt Khê... đều mở mang nghĩa sâu, nêu bày tông thú. Gần đây thì “tiểu bốn sơ sao” của Hòa thượng Vân Thê nói rất rõ về việc vãng sinh. Nhưng

trong các kinh tùy thời lập giáo, tùy căn cơ mà nói nghĩa, thường có sự khác nhau. Vì vậy sinh ra sự nghi ngờ lo sợ của người học, nay chọn trích ra từ các luận để nói rõ hơn, hội quy về một nơi, cho tiện tham khảo.

1. Sát độ viễn cận thích.
2. Thân thành đại tiểu thích.
3. Thọ lượng đa thiếu thích.
4. Hoa luân đại tiểu thích.
5. Nhật nguyệt hữu vô thích.
6. Nhị thừa hữu vô thích.
7. Phụ nữ hữu vô thích.
8. Phát tâm đại tiểu thích.
9. Nghi thành thai sinh thích.
10. Ngũ nghịch vãng sinh thích.

1. Sát độ viễn cận.

Hỏi: Các kinh Đại Tiểu thừa đều nói rằng Tây phương cách đây mười muôn ức cõi. Chỉ có “Quán kinh” nói rằng Phật Di-đà cách đây không xa. Vậy kinh nào đúng?

Giải thích: Vì xa gần không nhất định, nên nói rằng vừa xa lại vừa gần. Vì khi nói đến một nơi, từ nơi này đến nơi khác phải qua bao nhiêu thành ấp đều là từ sắc thân mà nên, vì thân tướng là luống dối, cho nên về đạo lý phương hướng cũng đều không thật. Không thể nói rằng ai xa ai gần, như người Trung Quốc nói nước, Mỹ xa là do tính từ Trung Quốc, thực ra nước Mỹ ở không xa nếu so với các nước khác, như người Úc, Canada. Lại như khoảng cách mười bước, đối với con kiến thì rất xa, con voi thì rất gần. Không nên nói rằng xa thực vì khoảng cách ấy không phải tính từ con kiến. Cũng không nên nói gần vì không tính từ con voi, cũng không tính từ con người. Vì vậy luận Trí độ nói: “Tùy theo thế tục lưu truyền, nên nói có phương hướng, thực ra cũng không thật có.

Hỏi: Tại sao nói không có phương? Phương này cũng có cũng thường. Như trong kinh nói rằng: Nơi mặt trời mọc là phương Đông, lặn là phương Tây, nơi mặt trời đi (hành) là phương Nam, không đi là phương Bắc. Mặt trời có ba phần hợp, gồm: Tiền hợp, kim hợp và hậu hợp. Tùy phương mặt trời phân, sơ hợp là phương Đông, phương Nam, Tây cũng như vậy. Nơi mặt trời không hành thì không phân.

Đáp: Không phải vậy, núi Tu-di ở giữa bốn khu vực, mặt trời xoay quanh Tu-di chiếu khắp bốn thiên hạ, ở Uất-đán-la-việt mặt trời

giữa trưa, ở Phát-bà-đề là mặt trời mọc. Người ở Phát-bà-đề là phương Đông, ở Phát-bà-đề mặt trời giữa trưa, ở Diêm-phù-đề này là mặt trời mọc, người ở Diêm-phù-đề là phương Đông. Ở đây thật không có chỗ bắt đầu, vì sao? Vì mọi phương đều là phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Người nói chỗ mặt trời mọc là phương Đông, nơi mặt trời đi là phương Nam, nơi mặt trời lặn là phương Tây, nơi mặt trời không đi là phương Bắc, việc ấy không đúng như thế.

Hỏi: Tôi nói phương hướng trong một nước, ông lại dùng bốn nước gây khó dễ, vì thế cho nên phương Đông là chỗ bắt đầu?

Đáp: Nếu trong một nước, mặt trời và phương Đông hợp nhau là hữu biên. Vì biên nên vô thường, vì vô thường nên không trùm khắp, cho nên chỉ có danh mà không có thực. Như vậy phương hướng còn không thật có hướng chi đường đi, nhưng vẫn không bỏ phương hướng và đường đi vì không nên tính từ Diêm-phù-đề, mà cũng có thể ngay Diêm-phù-đề mà tính, như mặt trời chẳng mọc ở phương Đông, lặn ở Tây nhưng cũng có thể nói mọc và lặn ở hai hướng đó.

2. Thân thành đại tiểu.

Hỏi: Kinh Thanh Vương chép: Phật A-di-đà ở chung với Thanh văn, nước hiệu là Thanh Thái. Nơi Thánh vương ở, thành ấy rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần. Quán kinh: Thân Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng xoay về bên phải, uyển chuyển như năm núi Tu-di, mắt Phật lớn như nước bốn biển, nay tính một biển là tám mươi bốn ngàn do-tuần, bốn bề là ba mươi ba muôn sáu ngàn do-tuần, thân lớn hơn mắt năm trăm sáu mươi muôn do-tuần. Tính về nơi ở, thì tòa thành ấy còn nhỏ hơn đến ba mươi hai vạn sáu ngàn do-tuần so với mắt Phật, hướng chi là thân? Không lẽ thân và thành cách nhau một trời một vực như thế?

Giải thích: Hải Đông Sơ cũng có câu hỏi như thế. Sơ trả chép: Đức Phật ấy có rất nhiều thành, tùy Phật lớn nhỏ mà thành cũng lớn hay nhỏ. Thành lớn thì thân Phật lớn, thành nhỏ thì thân Phật nhỏ. Kinh Thanh Vương chép: mười ngàn do-tuần, đó là tòa thành mà các vị Thanh văn ở chung. Nên biết thân Phật cũng tương đương mà trụ. Quán kinh thì nói thân Phật cao lớn như thế, phải hiểu rằng tòa thành cũng lớn theo, vì các đại chúng đều trú ở đấy. Người xưa nói: Trong Pháp Hoa, cõi Tịnh quang trang nghiêm chỉ giảng nói pháp viên đốn. Trong kinh Tịnh Danh, cõi Phật Chúng Hương thuần là Bồ-tát, cho nên Phật ấy hiện thân cao lớn. Nếu ở cõi An dưỡng giảng nói cả đốn và tiệm, Thanh văn, Bồ-tát đều là chúng tăng do đó Phật thị hiện hai thân là sinh thân và pháp

thân. Ba mươi hai tướng là thông cả sinh pháp, đại tiểu thừa đều nhìn thấy. Tám muôn tướng là dành riêng cho pháp thân, chỉ Bạc hiền Thánh Đại thừa mới nhìn thấy. Do đó phải lấy tướng tàng trần tôn đặc để được bốn lợi ích. Phật vì xứng cơ đã hiện thân này. Phải lấy tướng tám muôn tôn đặc để được bốn lợi ích, Phật vì xứng cơ đã hiện thân này. Phải lấy ba mươi hai tướng tôn đặc để được bốn lợi ích, Phật vì xứng cơ đã hiện thân này. Như Phật Tỳ-lô-xá-na, Thanh văn thấy nghe không được trực diện còn Bồ-tát thì thấy rõ đại thân Ngài. Vì sao? Thân Phật tùy căn cơ mà hiện lớn nhỏ, như ánh sáng mặt trời qua khe hở mà phân thành lớn nhỏ chứ ánh sáng mặt trời không có lớn nhỏ.

3. Thọ Lượng Đa Thiểu.

Kinh chép: Phật ấy thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Lại nói: Khi Đức Phật ấy nhập Nê-hoàn thì, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ tiến lên thành Phật, đã và sẽ nhập diệt, tức là hữu lượng (nếu nhập diệt tức là có hạn).

Giải thích: Bạc tiên đức nói rằng: “Tạng thông bổ xứ, nói lên Phật có hạn lượng, biệt viên bổ xứ, nói lên Phật vô lượng.” Vì các Đức Như Lai ba đời ở khắp mười phương không còn kia đây, cùng thấy lẫn nhau nên cùng một pháp thân, cùng một trí tuệ. Bồ-tát cơ mất, Như Lai ứng dứt, gọi là Bồ Phật xứ thật khác với tạng không. Phật trước nhập diệt thì Phật sau sẽ sinh, vì vậy kinh Kim Quang Minh nói bốn Phật giáng thất, sơ giải thích rằng: Nếu thấy bốn Phật đồng là thân tôn đặc, một thân một trí tuệ, đó là “Thường thân”, bởi vì chúng đệ tử là một. Nếu thấy bốn Phật, thân Phật bất đồng, tức là ứng hóa, bởi vì chúng đệ tử đồng. Cho nên biết rằng toàn thân là pháp giới, chẳng sinh phi diệt lại còn phân đương hiện với luận bàn kia đây sao? Đã không phải là sinh diệt thì có nghĩa là vô lượng. Vả lại trong cõi Phật thanh tịnh thì bụi, cõi, nước, cây đều là thân Phật, cho nên trong kinh nói: Các loài chim này đều do Đức Phật A-di-đà biến hóa ra.

Luận Trí Độ chép: Chúng sinh rất nhiều, nếu chỗ nào Phật cũng hiện thân, thì chúng sinh không tin, cho là huyền hóa, tâm không kính trọng. Có chúng sinh theo người nghe pháp, tâm không khai ngộ, nếu nghe súc vật nói pháp thì lại tin theo. Như kinh Bốn Sinh chép: Bồ-tát làm thân súc sinh, nói pháp cho người nghe, người cho là việc nói pháp ít có nên đều tin theo. Có người cho rằng súc sinh là loài có tình cảm, cây cối không có tâm hồn nhưng có âm thanh, nên đều tin theo. Vì thế cây cối cầm thú đều là do thân Phật biến hiện ra, nếu tuổi thọ của Phật có chừng thì đạo tràng, cõi nước và âm thanh, chim nước cũng phải có

chứng. Nếu có chứng thì không cần bổ thuyết. Nếu là vô tận thì không nên nói diệt. Như bờ mé chẳng phải có, chẳng hư không phải không có bờ mé, dùng trí bất tư nghì soi chiếu thì có thể được.

4. Hoa Luân Đại Tiểu.

Tiểu Bản nói: Hoa sen trong hồ to lớn như bánh xe.

Quán kinh chép: Trong mỗi hồ có sáu mươi ức đóa hoa sen bảy báu, đường kính vừa đúng mười hai do-tuần.

Đại Bản chép: Hoa sen trong ao, hoặc một do-tuần cho đến một trăm do-tuần, một ngàn do-tuần. Bánh xe ở nhân gian chỉ lớn chưa quá một trượng, cho dù là Luân vương bánh xe vàng ngàn cân, cũng chưa quá một do-tuần, làm sao có hoa sen to lớn như thế được?

Giải thích: Đường kính hoa lớn hay nhỏ cũng như chuyện thân Phật và tòa thành, vì chúng sinh căn cơ có lớn nhỏ, thân, thành, cây cối, nước sông cũng hiện có lớn nhỏ, hoa sen cũng như vậy. Như Sơ địa hóa trăm cõi Phật, hiện hoa trăm cánh. Nhị địa hóa nghìn cõi Phật, hiện hoa nghìn cánh, Tam địa muôn cánh, Tứ địa ức cánh, ngũ địa ngàn ức cánh, Lục địa trăm ngàn ức cánh, Thất địa trăm ngàn ức na-do-tha cánh, Bát địa trăm ngàn muôn tam thiên đại thiên thế giới vi trần số cánh, Cửu địa trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ cõi nước bụi nhỏ số cánh, Thập địa có mười bất khả thuyết trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật bụi nhỏ số cánh. Vì thân tự thọ dụng có lớn nhỏ nên hiện hoa sen cũng như vậy, không phải hoa có lớn nhỏ. Có lần nghe vị Tăng nói: Bên bờ biển có tháp xá-lợi do vua A-dục xây, chúng sinh nhìn thấy ánh sáng đều khác nhau. Có người không thấy ánh sáng, có người nhìn thấy ánh sáng như hạt đậu li ti, có người thấy ánh sáng to như quả táo, có người thấy to như đầu ngón tay, có người thấy lớn như cái đấu, chỉ có một phần ngàn người nhìn thấy ánh sáng to như cái đấu. Chúng sinh đều là người trần mắt thịt như nhau, mà còn nhìn thấy khác nhau như thế, huống gì Bồ-tát, Thanh văn cho đến trời, người,... công dụng cách xa nhau, nên hoa luân chiêu cảm tức nhiên phải khác nhau. Như trong cõi này, sát-lợi là dòng họ cao quý lâu cao gác đẹp đầy khắp thành ấp, còn kẻ nghèo hèn mái tranh vách đất hoặc thậm chí không được như vậy. Không nên hỏi vặn rằng sao có lớn nhỏ khác nhau, vì đó là do tự phúc đức mà có. Tướng hoa trong ao báu cũng giống như thế.

5. Nhật Nguyệt Hữu Vô.

Các (bổn) hoặc nói là nhật nguyệt của hư không, hoặc nói ở nơi hư không mà không vận chuyển, hoặc không nói có vô, hoặc nói thẳng là vô hữu. Lại kinh chép: Ánh sáng của Đức Phật ấy chiếu khắp vô lượng

vô số bất khả tư nghì, cõi Phật, che lấp mặt trời mặt trăng, các chúng Thanh văn đều có ánh sáng quanh thân có thể chiếu xa một tầm. Ánh sáng của Bồ-tát chiếu đến trăm ngàn tầm. Ánh sáng của hai Bồ-tát, thường chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, như vậy tuy có mặt trời, mặt trăng nhưng giống như ánh thái dương đối với ngọn đuốc. Nếu mặt trăng mặt trời không chiếu sáng thì sẽ không có đêm và ngày, vì sao? Vì kinh nói rằng: Đêm ngày sáu thời và những việc như giờ ăn buổi sáng... rõ ràng biết rằng cũng là Quyền thuyết, mượn ngày đêm này để dụ cho thời phần ở cõi ấy, chứ không phải sự thật. Hơn nữa, ngày đêm, đến đi, là do tâm chúng sinh sáng tối khuynh đoạt mà cảm ra tướng ấy. Vì thế cõi Phật thanh tịnh không nên có việc như vậy. Như tầng trời Đao lợi mà còn không nhờ mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Huống gì Cực lạc, cho dù là có, cũng là do chúng sinh ở nước ấy kiến chấp về sắc không chưa hết, nên hiện có tướng mặt trời mặt trăng như thế, chứ thật sự ở cõi Phật không có mặt trời, mặt trăng. Như Đại luận chép: Phật Thích-ca lại có cõi thanh tịnh giống như Phật A-di-đà, Phật A-di-đà cũng có cõi nước không trang nghiêm thanh tịnh như Đức Phật Thích-ca. Đây tùy cơ cảm mà nói, nên cũng không ngại nói có.

6. Nhị thừa hữu vô.

Hỏi: Bài kệ Vô Lượng Thọ của Bồ-tát Thiên Thân nói: Cõi thiện căn Đại thừa, bình đẳng không cơ hiểm, cho đến không nghe danh từ Nhị thừa, huống hồ có thực, trong các kinh này đều nói cõi nước Thanh văn không thể xứng lượng, vì sao?

Giải thích: Bạc tiên đức nói: Hàng Nhị thừa sinh về Cực lạc, đều là những vị khi sắp qua đời hồi tiểu hưởng đại. Vì công phu tu tập Tiểu thừa sâu dày nên nghe lời Phật nói và tiếng gió, tiếng nước đều giảng nói pháp Tiểu thừa nên tạm chứng tiểu quả. Dần dần tăng tiến đến địa vị Bồ-tát, không phải trú tiểu. Vì thế nói rằng không có Nhị thừa, có hai nghĩa: Một là, quyết định Nhị thừa bất sinh, là thực sự không có; hai là, bất trú nhị thừa, là rốt ráo không có. Ví như hai người cùng là quan lang, một người thì chức quan dừng ở đây, người kia sẽ thay đổi. Người chỉ ở mức lang thì gọi là “lang”, vì không còn chức quan nào nữa. Còn người sắp đổi chức quan thì không nhất định sẽ là lang, vì cuối cùng cũng đổi chức khác. Vì thế Tịnh độ không được nói là có nhị thừa, vì rốt cuộc đến địa vị Bồ-tát.

7. Phụ nữ hữu vô.

Trong kinh Thanh Vương, nói Phật A-di-đà cũng có cha mẹ, vậy sao lại nói là không có phụ nữ.

Giải thích: Đây cũng là hóa ra, như hóa chim anh vũ. Hải Đông Sớ nói: kinh Thanh Vương nói rằng Đức Phật A-di-đà ở thế giới An lạc có cha mẹ, là biến hóa nữ, chẳng phải nữ Thật báo. Lại, tuy nói có cha mẹ, nhưng chẳng phải thai sinh mà do hóa sinh, như trong kinh ấy nói nếu bốn chúng chánh thọ danh hiệu Phật, với công đức ấy khi sắp qua đời, Phật A-di-đà sẽ cùng với đại chúng sẽ ở chỗ người ấy, để người ấy được thấy, thấy rồi vui mừng tăng thêm phần công đức, do nhân duyên ấy, nơi sinh về lia hẳn thân bào thai uest dục, thuần ở trong hoa sen báu, tự nhiên hóa sinh, có thần thông lớn, ánh sáng rực rỡ. Nên biết nương gá làm cha mẹ, hoặc nói trong kinh Thanh vương nói có cha mẹ, cho nên nói lên cõi uest mà Phật ấy an trụ là không đúng. Kinh ấy đã nói hoa sen báu hóa sinh, lại nói hai Bồ-tát đứng hầu hai bên. Đấy đều là tướng Tịnh độ, không khác gì trong Quán kinh nói. Nên biết Đề-bà-đạt-đa và Ma vương kinh ấy nói đều từ trong Tịnh độ biến hóa mà ra, không do như thế mà chẳng phải Tịnh độ, như hóa súc sinh, chẳng phải là cõi uest.

8. Phát tâm Đại Tiểu.

Trong ba bậc của bản dịch đời Ngụy đều có phát tâm Bồ-đề. Quán kinh hạ phẩm nói thẳng về mười niệm, các kinh đều khác nhau. Nay muốn nhóm hợp lại, các kinh đều là phát tâm Bồ-đề, rộng lớn vì sao?

Nếu là kẻ lúc đầu không có nhân lành lớn thì người ấy tuy lại trải qua, nhưng vẫn sẽ sinh nghi ngờ. Đâu được đốn nghe đốn tin. Vì thế nên biết hạ phẩm mười niệm cũng là nhân lớn đã gieo trồng đời trước, nhưng vì đời sau lui sụt nên khi sắp qua đời được gặp Thiện tri thức, như cây khô nắng hạn gặp mưa mà đâm chồi nảy lộc. Nếu là kẻ không có nhân lành thì tri thức còn không được gặp, huống gì là tin nhận? Như người thông minh phần nhiều càng nghe càng không tin, liền biết rằng vừa nghe liền niệm thì chẳng phải là tiểu duyên, không nên đối với người một đời tạo ác mà cho rằng người ấy không có nhân lành lớn. Kinh nói rằng: Con người trên thế gian được nghe danh hiệu Phật A-di-đà, nếu từ tâm vui mừng, khắp mình nổi ốc nước mắt tuôn trào thì đều là nhiều đời đã từng tu hành Phật đạo, hoặc từng làm Bồ-tát ở chỗ Phật phương khác. Vì thế bất luận là ngu dốt, thông minh, miễn là người có lòng niệm Phật thì đều là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn, phát tâm Bồ-đề rộng lớn. “Thiện căn” không phải chỉ nói đến trí tuệ, nếu như không có gốc thì cũng như trồng cái vỏ khô, làm sao đâm chồi nảy lộc được? Giống như người ta đánh cờ, có những người không biết gì cả, nhưng khi học thì càng học càng tinh thông (vừa học biết ngay), còn

những kẻ trí tuệ thường xuyên luyện tập thì suốt đời vẫn ở mặt phẩm. Cho nên biết người có nhân lành nhỏ, không có tài năng còn không được nhập, huống gì là đại pháp, vì thế nếu có kẻ tin vào pháp ít có khó tin này, thì đó là Bồ-tát đại tâm.

9. Nghi thành thai sinh.

Dịch bản đầu đời Ngụy chép: Nếu có chúng sinh rơi vào nghi ngờ hối hận, chứa nhóm thiện căn, mong cầu trí Phật, trí phổ biến, trí bất tư nghi, trí vô đẳng, trí uy đức, trí quảng đại. Đối với thiện căn của mình không thể sinh niềm tin. Do nghe danh hiệu Phật mà phát khởi lòng tin, nhờ nhân duyên này, trong năm trăm năm ở trong thai hoa, vẫn tưởng như là vườn tược cung điện. Không thấy Phật, không nghe pháp, gọi là thai sinh.

Bản dịch đời Ngụy nói: Không hiểu trí Phật, nhưng vẫn tin tội phúc, tu tập thiện căn, nguyện sinh cõi Phật, cho nên thuộc về thai sinh. Bản dịch đời Tống chép: Thiện căn mà chúng sinh trông không thể lìa tướng, không cầu Phật tuệ, vọng sinh phân biệt, đắm sâu cái vui và phúc báo nhân gian, nên gọi là thai sinh.

Bản họ Vương chép: Nếu có chúng sinh tu các công đức, nguyện sinh về cõi kia, sau lại nghi ngờ và không tin rằng có cõi Phật ấy, không tin rằng làm điều lành được phúc đức thì người ấy tuy có niệm tâm nhưng lúc tin lúc không. Khi sắp qua đời, Phật hóa hiện thân khiến người đó được thấy, để tâm sửa đổi, tội lỗi ít đi, cũng được sinh về cõi ấy, gọi là thai sinh.

Ở đây xét theo hai bản dịch trên, hễ không tin tự tánh, không rõ trí Phật thì gọi là thai sinh.

Bản dịch đời Tống thì nói thẳng rằng người tu điều lành cầu sinh cõi trời, cõi người là thai sinh, vì ở cõi Cực lạc thì không có thai sinh. Còn trong bản họ Vương, thì lại cho kẻ không tin cõi Phật, không tin tội phúc, lúc tin lúc không tin là thai sinh, khác với hai thứ vãng sinh là nghe danh liền khởi tín và tu tập thiện căn trong bản dịch trước.

Đại khái trong Tịnh độ nói lược về chín phẩm, cho dù nói rộng đến ngàn muôn phẩm cũng không thể hết. Nhưng trong loài người hiện nay có nhiều thứ phúc báo, có nhiều thứ tội nghiệp, đều không ai giống ai. Vì thế tuy các bản dịch khác nhau nhưng đều là lời thực. Y cứ vào bản đời trung Đường, chỉ thú trong ấy rất sâu kín. Vì không tin thiện căn của mình, nên dựa vào tha lực mà khởi tín, tức là “Nghi thành”. Người tin quả lành của mình tức là hiểu được tự tâm, không do người mà được, vì ngộ nhập mới có thể thoát nghi. Cho nên chưa ngộ mà tu, rất cuộc

cách được nghi thai, thai lấy sự che đậy làm nghĩa. Người chưa ngộ thì các chướng chưa diệt hết. Các vị này chỉ ở phẩm trung hạ, hạ thượng. Vì sao? Vì hai thứ hạ phẩm trải qua sáu kiếp mười hai kiếp, mới được hoa nở. Nếu theo bản dịch của họ Vương thì tin Phật mạnh mẽ không bằng hai thứ sau cùng, lại sinh tại biên địa của Cực lạc, sau năm trăm năm mới được gặp Phật.

10. Ngũ nghịch vãng sinh.

Đại kinh chép: Chỉ trừ tạo năm ác nghiệp Vô gián, phỉ báng chánh pháp và các bậc Thánh.

Quán kinh thì tội ngũ nghịch, mười điều ác, lúc sắp qua đời mười niệm đều được vãng sinh. Nên biết đại kinh trừ bỏ tội ngũ nghịch vì là phỉ báng. Vì sao? Vì nhập Tịnh độ thì phải lấy tín làm người dẫn đường, “Phỉ báng” là tên trộm của tín, như nước có thể hợp với mọi thứ nhưng không hợp với lửa, vì chính lửa không thể tự chịu được nước. Như gió có thể thổi vào bất kỳ đâu, nhưng không thể thổi vào đá, vì tự đá không có khe để thổi vào. Kẻ phỉ báng đốt cháy chánh pháp giống như ngọn lửa đỏ, gây chướng ngại trí Phật như bức tường thép. Vì vậy biến pháp gió tuệ, không nhân được thọ nhận.

Quán kinh nói trừ bỏ kẻ phỉ báng, mà không bỏ kẻ phạm tội ngũ nghịch, nghĩa giống mà văn khác. Vì tội ngũ nghịch tuy rất xấu ác, nhưng không hẳn là không tin, nên không nói. Nhưng người có đại tâm, lúc đầu có thể không tin, sau được phát khởi sẽ sửa sai lầm trước. Như Hàn Xương Lê ban đầu bác bỏ Phật cốt, sau quy y Ngài Đại Điền. Trương Vô Tận lúc đầu xem thường sách Phật, định soạn “Vô Phật Luận”, sau xem kinh Tịnh Danh, đã có tỉnh ngộ nhiều, thành bậc long tượng trong tông môn. Đó là những việc ít có trong Phật pháp. Cho nên những bậc tài giỏi trong rừng Nho, có người nghe theo một cách mù quáng luận điệu sai lệch, phỉ báng Phật pháp, nhưng đã nhanh chóng sửa đổi, không còn phỉ báng Phật pháp nữa.